DO Ngô Phương Mai, Hồ Chí Minh Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chú Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Năm thứ hai, Số 14 — 15 Février 1922

PHỤ NỮ TÂN VĂN

Mỗi tuần lễ ra một số vào ngày thứ năm

Chủ-nhiệm — NGUYỄN-HUY-HỢI

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
Nº 110

TRUNG, NAM, BẮC, CHỊ CÙNG EM
CHỊ EM TRÔNG ĐỠ CON CHIM GỌI ĐÀN



CHIM KIA CÒN BIẾT GỌI ĐÀN
HUỐNG TÌNH HỮU-ÁI CHỊ BAN CÙNG EM

Mỗi số 0$25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

LUÂN-LÝ. — HỌC-THẬT. — THỰC-NGHIỆP. — KINH TẾ. — VĂN-NGHỆ

CƠ QUAN HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

(Organe de l'Association Amicale des employés indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin)

TÙNG-THƯ HỘI ICH-HỮU THƯ-XÃ

(Edition de la Société « Ích-hữu-thư-xã »)

Bộ biên tập

MM. Nguyễn-Mạnh-Bổng
Nguyễn-Thượng-Huyền
Đào-Trinh-Nhất
Trịnh-Đình-Rư
Dương-Quảng-Hàm

MM. Nguyễn-Lễ
Nguyễn-Ứng
Lê-Trung-Lô
Lê-Đức-Mậu
Huỳnh-Bá-Khuê

Nữ-viên

Mme Đạm-phương nữ-sử, Mlle Phan-Thị Lạng

Chủ nghĩa và mục-đích

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước càng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông thường làm trọng.

Giá tạp chí

Sáu tháng	2$50
Một năm	5 00
Ngoại-quốc mỗi năm	6 00

Mua tạp-chí xin giả tiền trước.

Tòa tạp-chí số 18 Phố Mã-Vỹ (Rue des Chapeaux) *Hanoi (Tonkin)*

Ông E. CHASSAGNE

LÀ MỘT NHÀ BÀO CHẾ HẠNG NHẤT Ở ĐẠI-HỌC-ĐƯỜNG PHA LÊ

Số 59, Phố Paul-Bert,

HANOI

Bán những chất hóa-học của hiệu **POULENC** và **ADRIAN** chế ra.
Bán đồ dùng trong một phòng thí-nghiệm về việc thuốc hay việc kỹ-nghệ.
Đi sửa-soạn xếp đặt các phòng thí-nghiệm công, tư.
Bán nhiều cho các nhà đi khai-khẩn, tính giá đặc-biệt.

泰 NAM-THAI 南

南泰相益公司

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE - PATISSERIE - CONFITURERIE

Hộn đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

Bán buôn và bán lẻ

CÓ CÁC THỨ HÀNG RẤT TỐT MỚI VỀ

VẢI XANH HIỆU HAI CHÌA KHÓA SỐ SÁU

TISSUS BLEU SAVANA N° 6, MARQUE 2 CLEFS CROISÉES

TƠ LỤA HÀNG TÂY KHỔ RỘNG

0m55 VÀ 0m75

Có ho to và ho nhỏ dùng cho đàn bà và đàn ông, nhiu thứ mùi, là : tím, đen, cánh sen, và mùi nâu.

Đồ dùng về xe tay.— *Toàn bộ và ban lẻ là : Trục, dũa đn, vỏ và ruột xe vừa bền vừa rẻ.*

BẢN-TY CẦN MUA NHỮNG CHAI KHÔNG

1o Có chữ vào chai « VIN DU CAP CORSE AU QUINQUINA DE L. N. MATTEI BASTIA » (là nhan đỏ).

2o Hoặc chai đựng rượu VERMOUTE hay DUBONNET (Kiểu phải tương tợ như những chai trên).

Gửi tới Haiphong không vỡ, không rạn tiền cước bản-ty chịu sáu xu (0 ‹ 06) một cái chai.

AI MUỐN HỎI THÌ HỎI :

HAIPHONG : Tại bản-ty Compagnie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient (Allatini & Cie) 36 phố Harmand

HANOI : Tại nhà ông G. Ellies số 33, phố Đồng-khánh.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ

F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy Số 128, Phố Bờ Sông Hanoi.

Giờ tàu chạy trong mùa nước xuống

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG			ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ			ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — HANOI			ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA
Lúc đi tức đỗ ở: Sơn-tây, Việt-trì, Thum, Phu-Lam, Kim xuyên, Pho-doan, Bia			Lúc đi tức đỗ ở: Sơn tay, Việt-trì, Trung-hà, Lapiat, Đ lang Tu-vu, Hoành nh			Lúc về đỗ ở: Bia, Phu-Doan, Kim-xuyên, Lamy, Phan-thong Thum, Việt-trì, Sơn-tay			
Đi	Về		Đi	Về		Đi	Về		
Ở Hanoi Lúc đi: Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 10 giờ sáng	Đến Việt-trì Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều		Ở Tuyên-quang Lúc về Thứ hai Thứ tư Thứ sáu Hồi 7 giờ sáng	Đến Việt-trì Lúc về Cùng trong một ngày		Ở Hanoi Lúc đi Thứ ba Thứ bảy Hồi 1 giờ sáng	Đến Chợ bờ Lúc đi Thứ tư Chủ nhật Hồi 6 giờ chiều		Muốn vì mua nước xuống nên đường Tuyên-quang, Chiêm-hóa thuyền thường không chạy được.
Ở Việt-trì Lúc đi Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 5 giờ sáng	Đến Tuyên-quang Lúc đi Cùng trong một ngày hồi 6 giờ chiều		Ở Việt-trì Lúc về Thứ ba Thứ năm Thứ bảy Hồi 10 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều		Ở Chợ-bờ Lúc về Thứ năm Thứ hai Hồi 7 giờ sáng	Đến Hanoi Lúc về Cùng trong một ngày Hồi 3 giờ chiều		

Những Tàu ở Hanoi và Tuyên-quang về thì đều mắc xế ở Việt-trì cả (đường Hanoi — Tuyên-quang)

Đường tàu Thương-Mại

Đường Haiphong — Hanoi — Đường Hanoi — Haiphong

Haiphong: Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi | Hanoi: Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống Tàu ít là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận liền hay là đỗ hàng cả các chỗ mắn-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trừ hàng — Cho thuê tàu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Các chi-quán: Sơn-tây, Việtri, Tuyên-quang và Chợ-bờ

Tổng-cục: Haiphong

沙 淌 劉 俊 記 大 葯 房

LƯU-TUẤN KÝ

LƯU-TUẤN-KÝ PHARMACIE ASIATIQUE QUAI DE VĨNH-PHƯỚC DE SADEC

Thuốc hay thì có người khen ngợi cũng như hoa thơm chẳng lựa là mình khen cho mình mà thôi.

Preyveng le 2 Otobre 1921.

A Monsieur Lưu tuấn Ký, Pharmacie asiatique à Sadec.

Kính ít lời thăm thầy sau xin thầy gởi cho tôi mua 12 gói thuốc hườn bổ huyết giá là 5 p. 00, thuốc của thầy tôi uống thử đau bụng bớc nhiều, tháng hết nhứt đầu và hết mỏi tay chơn, nhưng mà hai tháng nay huyết sụt hoài, vậy xin thầy làm ơn cho tôi rõ vì sao vậy.

Adresse

Madame Nguyễn-văn-Thu.

Vétérinaire

Cambodge Preyveng.

Hadong, le 30 Novembre 1921

A Monsieur Lưu tuấn Ký. Pharmacie asiatique à Sadec

Độ trước ngài có gửi cho tôi các thứ thuốc thì tôi đã nhận được rồi, và dùng tốt lắm, xin gửi lời cám tạ và kính chúc quí hiệu hồng phát. Sau này ngài làm ơn gửi ngay cho tôi năm (5) lọ sinh cơ tấn số 50 xin cũng gửi cách contre rembourement như trước cho tôi. cám ơn.

M nsieur Đông-Hòa.

Rue de Hà câu

Tonkin Hàdông.

My-tho, le 27 Novembre 1921.

A Monsieur Lưu tuấn Ký, Pharmacie asiatique Sadec.

Kính thăm thầy đặng phước ihọ và chúc cho bửu hiệu h ệu đặng m ên trường sau này xin thầy gởi mấy món thuốc như sau này, gởi contre rembourement.

N·1 thuốc hườn đờn bà bổ huyết 24 gói. . .	10 p 00
2 thuốc Ngoại thị bạch đái hườn 20 hộp .	20 00
20 thuốc nước bổ huyết 10 ve	6 00
24 thuốc nước bổ thận 10 ve	6 00
28 thuốc nước âm 10 ve	8 00
30 thuốc hườn dưỡng sanh 4 hộp	6 00
Cộng. . .	56 p 00

Hôm trước tôi có mua mấy món thuốc ấy ứng thử và có nhiều người khen ngợi thuốc hay, nên tôi mua cho bà con làm ơn làm phước, tôi sẽ tính mua nhiều thứ thuốc nữa đặng mà cứu nhiều bệnh, song le tôi mắc qua nhà thầy không đặng, mà lính bán thuốc dùm cho thầy đặng cứu dân độ thế, bay hơn lập 7, 8 kiến chứa, tôi nước so cố người nhiệt thành cứu dân độ thế thì tôi vui mừng lắm, thôi bày nhiêu lời kính thầy và nội nhà đặng bình an, an bào luôn luôn, xin đặng thơ lấy lập tức gởi contre rembourement cho tên họ tôi như sau này.

Monsieur Nguyễn văn-Chính.

Ancien Interprète du Service judiciaire Propriétaire.

Mythọ.

Bổn-dược-phòng có chế các thứ thuốc, thuốc hườn, thuốc tán, thuốc nước thượng hạng thuốc tốt đều là thuốc Trung-quốc, nổi danh tiếng trong Nam kỳ lục-tỉnh xưa nay.

Các bài khen ngợi của quí ông trong Lục-tỉnh và coi theo chứng bệnh mà tìm thuốc thì tôi có in trong sách (Y cược nam châm như quí khách muốn coi xin chịu khó gởi thơ cho tôi và để Adresse cho rành và tôi sẵng lòng gởi tới.

Pharmacie Lưu-tuấn-Ký Sadec Kính cáo.

NHÀ LẬP NÊN TỪ NĂM 1890

Ngày trước là cửa hàng của nhà **MARIUS CLOP** đến nhà Milon et Cie. Ngày nay ông

Ch. PÉLISSIER KẾ-NGHIỆP

Bán đủ các thứ xe dùng vào việc vận-tải không thiếu kiểu gì
(Carrosserie. — Charronnerie)

Bán đủ tất cả các thứ đồ ngựa và các thứ thảm đệm không thiếu kiểu gì
(Sellerie, Bourrellerie, Matelasserie, Maroquinerie)

Bịt móng lừa và bán các đồ dùng vào việc làm xe ngựa, các thứ bánh xe và các đồ dùng vào đồ ngựa.
(Marchalerie)
(Garnitures. Pièces détachées. Acessoires. Roues, Pneumatiques Michelin)

Bán các thứ Da sống và Da đã thuộc rồi
(Cuirs et Peaux)

Các đồ vật dùng để đóng giầy, đóng đồ ngựa, bịt móng lừa ngựa. v. v.
(Outils en tous genres pour Bourreliers, Selliers, Cordonniers, Maréchaux)

Mua, bán, đổi, chữa và cho thuê lừa ngựa, cùng xe ngựa, cỗ ngựa. v. v.
(Vente, Achat, Echange, Pension, Location de chevaux et de voitures)

Bán Tràng-hoa đám ma và đá làm mộ-chí. Ai thuê sây mộ làm nhà mồ và trông nom nhà mồ xin chu-tất.
(Couronnes mortuaires, Pierres tombales, Construction et entretien de monuments funéraires)

Bán và làm Đồ gỗ, Đồ chạm, Bàn, Ghế, Tủ kính, Tủ chè, không thiếu thứ gì
(Menuiserie, Ebénisterie)

Song rào sắt, các đồ lò rèn. Các thức đồ sắt. Ai thuê làm cái gì cũng làm được
(Grilles, Forges, Travaux en fer)

Đồ kính, Đồ sơn, Sơn bóng, Đồ chạm, Đồ bài trí, tranh cảnh, Đồ trạm tỉa và trạm lộng.
(Vitrage, Laquage, Peintures fines, Sculpture, Décoration, Ciselure)

Hộp thuê đoan hộ. — Cho thuê xe tải các đồ trọng-vật trong thành-phố và ngoại ô
(Transit. — Gros Camionnage pour la ville et alentours)

Làm rất nhanh, toàn đồ máy tất cả
(Service rapide par Camions montés sur ressorts et roulements à billets)

Có xe ngựa song-mã cho thuê ngày và thuê giờ
(Location de Victoria à la journée et à l'heure)

Có xưởng chế-tạo và tu-tạo các đồ vật
(Ateliers de Réparation)

Ở số nhà 5 Đường Amiral de Baumont ở Haiphong

Điện-thoại *(Téléphone)* **số 545**

Đánh giây thép cứ đánh tắt : **PÉLISSIER, Haiphong.**
(Adresse télégraphique)

VẢI MÀN — MÀN CƯỚI

BÁN BUÔN VÀ LẺ

CHÂN-THỤY

PHỐ MỚI SỐ 4 HANOI

河內行姜扇 新章喜聯祭帳 家數第十七

TÂN-TRƯƠNG

70, Rue du Chanvre, Hanoi

Hiệu làm các thứ câu đối, các thứ trướng, hiếu hỉ. Kiểu mới ! Giá rẻ ! Quí-khách ở xa viết thư đặt làm, cũng tính như giá đến tận nơi.

Bản-hiệu lại cho thuê các đồ phục dụng đám ma ; và viết đại-tự nữa.

TÂN-TRƯƠNG cẩn-bạch.

Các Ngài thử đoán xem đồ gì thường phải dùng hằng ngày, mà càng dùng, càng cũ đi bao nhiêu, càng có giá bấy nhiêu. Tức là các đồ gỗ gụ của xưởng **TIẾN-ĐỨC** ở Haiphong, đường Cầu-đất, số 84-86, ngay ngõ Quảng-Lạc trông sang. Xưởng **TIẾN-ĐỨC** mới làm ra được nhiều kiểu đồ đẹp, trạm cực tinh-xảo, đủ cả lối tây và lối ta.

Tủ chè bằng gụ lõi,	giá từ	50$00	trở lên.
Sập chân-quỳ gụ lõi, trạm lối mới,	d°	70,00	»
Tủ áo đứng gụ lõi, nhiều kiểu lạ,	d°	50,00	»
Giường tây gụ lõi, nhiều kiểu đẹp,	d°	40,00	»

Bàn, ghế, khay, khung ảnh v.v. đều có thợ chuyên-môn làm thực kỹ, thực khéo.

Các thư từ, giấy má xin gửi cho M. TRẦN-QUÝ chủ-nhiệm.

AN-CHÍNH

NGUYỄN-MẠNH-BỔNG Propriétaire

PATISSERIE — MERCERIE

38, Rue du Sucre — Hanoi

Hiệu tôi bán tạp-hóa và đường mới lại số nhà 38 phố hàng Đường Hanoi.

Bán đủ các thức vàng, hương nến, sà-phòng, kim, chỉ v. v.

Bán đủ các thức đường mứt, bánh kẹo, mứt gừng, mứt bí, mứt hạt sen v. v. lại có cả các đồ nấu mọc nhĩ nấm hương, mìn, song thần vây, mực.

Bán giá rất hạ, rất cẩn thận.

Ở tỉnh xa mua xin có cách đóng kén gửi ăn rất cẩn thận chu tất.

Xin các ông các bà chiếu cố gửi thư xin đề cho Hiệu* AN-CHÍNH *số nhà 38 phố hàng Đường Hanoi

Do Võ-Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

GRANDS MAGASINS REUNIS

ĐÔNG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GÔ-ĐA HÀ-NỘI

HANG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

NHIỀU THỨ HẠNG NHẤT

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG,
NÀO HÀNG PHA LÊ *ĐỒ DÙNG* TRONG NHÀ, *ĐỒ BÀY* TRONG NHÀ, *ĐỒ* ĐIỆN, *HÀNG* GIẦY,
HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

NÊN ĐẾN LẤY QUYỂN MẪU HÀNG VỀ MÀ XEM

HIỆU

QUẢNG-HƯNG-LONG

79. RUE DES PANIERS, 79

HANOI (Tonkin)

MỚI DON SANG NHÀ MỚI CÓ ĐỒNG-HỒ HAI CHUÔNG!

SỐ NHÀ 79 CỨNG Ở PHỐ HÀNG BÒ HANOI

Đồ hàng mới đến rất nhiều!
Xin các quí-khách chiếu cố!

QUẢNG-HƯNG LONG

AI XÂY VÀ CHỮA NHÀ CỬA???

Nên đến hiệu HUNG-KÝ & Cie

Số nhà 5 phố Cửa-Đông Hàng-Gà — (5, Avenue Général Bichot) — Hanoi
là hiệu mới mua lại nhà máy gạch Yên-Viên Sté des Briqueteries et Tuileries du Tonkin) mà bỏi.

Ở ĐÂY CÓ BÁN:

Gạch xây và gạch lát, gạch thường, đặc và rỗng Gạch lát đủ các lối to nhỏ. Ngói có móc ngói làm bằng máy, ngói lợp và ngói đường bờ, ngói cạnh, ngói hoa... Gạch nện và lát nhà, gạch ngói nhẹ Gạch xi-mo v. v... *Ở xa xin viết giấy về.*

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 78, Phố Mới, số 78 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhẹ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bày tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản-hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Bản-hiệu lại xin chiều các ngài mà để các ngài trả tiền góp từng tháng.

Xin các quí-khách chiếu cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN HUY HỢI công ty.

NAM-THỊNH

SOIERIES

6, RUE DES CANTONNAIS. -- HANOI

Bản hiệu chuyên nghề bán các thứ hàng tơ lụa theo sau này:

Hàng Bắc-kỳ: hương, xuyến, băng, quế, khăn lượt lĩnh, the La Cà, càng các thứ lụa thâm và các mùi.

Hàng Saigon: xuyến, the, lĩnh bắc, thảo thâm và tam giang rất tốt.

Hàng Tàu: gấm, vóc, nhiễu, cẩm-châu, cuốn-xá sa văn-minh.

Hàng Tây: cachemire, satin, lainage, các thứ draperie may complet và pardessus rất tốt, *mới sang* nhiều thứ tissus imperméables các mẫu may áo đi mưa, mà giá bán cực rẻ

Mua buôn viết thơ về thương nghị sẽ được giá riêng.

Các quí-khách ai muốn được trọng-đãi???

Thử đến hiệu **HENRY VALLÉE** là hiệu **J. Goussard** cũ ở số 37 phố *Paul-Bert — Hanoi* thì biết ngay.

Hiệu ấy bán đủ các thứ vải, dạ, tơ, lụa; cùng tạp-hóa, nước hoa, xà-phòng thơm vân vân.

HIỆU BÁN KÍNH L. JUBIN

HÀNOI — *Phố Paul-Bert,* **– HANOI**

Chuyên nghề bán kính Đại-pháp và kính Hoa-kỳ. Nhiều hàng nhất, kính pha-lê trắng và các sắc, kính vệ-sinh đủ các hạng

Bán cả các đồ dùng về việc ảnh, kính ảnh và vật phẩm hiệu « Lumière », giấy ảnh hiệu « Dragon ».

Hàng nào của hiệu L. Jubin cũng là thượng-phẩm, có giấy bảo hành cẩn thận

Lại cũng có bán cả máy chữ « hiệu Royal » đánh chữ tây và chữ quốc-ngữ, các quan Annam dùng rất tiện

---

XUAN-PHU'O'NG BOTTIER

VŨ-ĐÌNH-KHÔI

PROPRIÉTAIRE

13, Rue Jules-Ferry — HANOI

Bản hiệu có bán buôn và bán lẻ đủ các kiểu giấy tốt, giấy tơ, lens rất cẩn thận, các quí khách muốn thửa kiểu cho lắm cũng được, giá thì phải chăng, xin các ngài chiếu cố

MỚI KHAI TRƯƠNG

CAFÉ, RESTAURANT. — HOTEL DE LA MARINE (Hàng cơm Tây)

N° 67, Avenue Paul-Doumer (Phố Đầu-Câu-Đất) **HAIPHONG**

Phòng ăn uống *rất lịch sự sạch sẽ, các quí-khách muốn ngồi chung hoặc muốn ngồi, biệt phòng tùy-ý cách tiếp-đãi thật là trân-trọng.*

Phòng ngủ cho, rất rộng-rãi, mát-mẻ, có đèn-điện, quạt-điện, giường lionskong, tủ gương, bàn, ghế, đủ cả.

Đặt tiệc. — *Các quí-khách xa-gần muốn đặt tiệc ngay ở Bản hiệu hoặc đem đến nhà tư, bản-hiệu xin tính giá riêng rất rẻ.*

Bản-hiệu thường vẫn làm các thứ đồ ăn ngọt và thức bán ngọt (gâteaux) quí-khách có lòng chiếu-cố lúc nào cũng có sẵn,

Bản hiệu lại có ô-tô cho thuê ngày và giờ

HIỆU NAM-BẢO BÁN VÀNG BẠC

Chủ-nhân: Nguyễn hữu-Quì

HANOI — số 16, PHỐ HÀNG ĐÀO số 16 – HANOI

Chế-tạo, chữa, chá đổi, các, mua và bán những đồ nam trang, nữ-trang và những đồ tổng-lễ bằng vàng bạc đủ các kiểu Đông Á và Tây Á.

Bản vòng điệp là « Vĩnh Thinh Long », các thứ nặt đa thọ và mặt thủy soạn đủ các mài, giắn đeo kim tiền, kim khoan và thẻ ngà đủ các kiểu đan vân.

Có nhiều thợ khéo để làm hàng cho các quí-khách đặt tại riêng.

Buôn bán chắc-chắn và rất tin cẩn.

THUỐC TIÊN !!!

TRƯỜNG-SINH LINH-DƯỢC

Là thứ thuốc chữa bách chứng bách bệnh, đàn ông, đàn bà, con trẻ, người già, người trẻ, đàn bà có thai, ai mắc phải bệnh gì cầu đến thuốc này cũng khỏi cả. Của ông *Nguyễn-Văn-Thiên, Jean Pierre* ở Thị-nghè, Saigon, chế ra. Có gửi bán tại nhà M. *Nguyễn-Mạnh-Bổng,* Propriétaire de la Maison « *An-Chính* » 38, Rue du Sucre, Hanoi.

CHÚNG CUNG CHỨNG ĐÔI CÔNG CÁI HIỆU

GIỤ-LONG, 18, RUE DE TIÊN-TSIN. — HANOI

Làm đồ trướng hiệu-hỉ thêu và tinh. — Văn hay, chữ tốt, kiểu đẹp, giá rẻ. Chữ Hán, chữ Việt. Mới chế Xuyến hoa về việc mừng phúng vừa nhã, vừa rẻ - Bán Hòm tắc, giấy thẻ ngà kính. — Làm đồ dùng bằng đồi-mồi và có mua vẫy nữa.

TRUNG-BẮC TÂN-VĂN

Directeur : NGUYỄN-VĂN-VĨNH

So 61-63 phố Hàng Bông. — Hanoi

Báo ngày nào cũng ra, chỉ trừ các ngày chủ-nhật và các ngày lễ

Một số	0$02	Sáu tháng	3$00
Ba tháng	1 50	Một năm.	6 00

NAM-HỒNG-PHÁT

KHÁCH-LẦU

N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)

Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm bới tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng, lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG PHÁT

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HỮU-THANH BÁN LẺ

Tạp-chí *Hữu-Thanh*, Bản-xã giao Hiệu *Van-Hưng*, số 75, Phố Hàng Cải, Hanoi, nhận bán lẻ và gửi đi bán các hiệu trong Thành-phố.

Tỉnh Bắc-ninh thì Hiệu *Vinh-Sinh*, số 164 Phố Tiên-an.

Tỉnh Haiphong, Hiệu *Nam-Tân*, số 66 đường Bonnal.

Tỉnh Hải-dương, Hiệu *Đức-Phong* ở phố Đông-thị.

Tỉnh Nam-định, Hiệu *Nam-Thái*, số 77, phố Maréchal Foch.

Về Trung-kỳ : *Đào-Đình-Phê-Phong*, Rue de la Gare, Vinh ; Hiệu *Lưu-Quan-Hòa* Morin Frères, Tourane. Các hiệu đó có bán cả sách tiểu-thuyết «*Vì nghĩa quên tình*», 0$30 một quyển hay lắm !

美 VÀNG NGỌC ĐÔNG TÂY 港



Liệt-quí thường xem cô bạo biết cho rằng : hiệu Tiến-Mỹ làm đồ vàng bạc, mua vàng của các ngài từ xưa đến giờ, cũng đã được nhiều. Nay lại mới có vàng ở Trung hoa mặt đá ở Thái Tây đủ các mẫu, kỳ lâu nào cũng có sang có các đồ nữ trang lam sẵn, có ông Trần-Phềnh là tay danh-họa Bắc-kỳ, chế các kiểu mới và viết những chữ sếp, trông rất tài tình. Bản hiệu lại có nhiều thợ khéo để làm sửa những kiểu mới chế ấy

Vậy ai mua buôn, mua để, dần cưới và làm đồ nữ-trang, hay là mua vàng không đem đi làm đồ ở hiệu khác cũng được, nên lại bản hiệu mà mua sẽ được dùng tuổi đúng cân, giá bán hạ hơn mọi nơi.

TIẾN-MỸ dit NGUYỄN-HỮU-BÌNH

Phố hang Bạc, số nhà 76 — Hanoi

Cần bạch

和 ĐÔNG-HÒA 東

Phố Hà-kiều — KHÂ-ĐÔNG

Bán the, lua, vóc, nhiễu, vải màn, bút giấy, nước hoa.

Có xưởng làm các ghế mây (*genre Thonet*).

Có đại-lý ở số nhà 13 Phố Hang Hai (Rue du Coton) Hanoi.

NAM-NGHỆ HỌC-ĐƯỜNG

Trường dạy máy chữ và làm việc

NỮ-NGHỆ HỌC-ĐƯỜNG

Trường dạy may máy và buôn bán

của M. HUỲNH-THANH-KHÓE lập ra

Xe đo nơi M. Huỳnh-Thanh-Khỏe — Gia định (Cochinchine)

HIỆP-ÍCH-HỘI

HANOI — 14, Rue du Coton, 14 — TONKIN

NGUYỄN-TIẾN-ÂN, Directeur-Gérant

1. ĐÓNG VÀ CHỮA CÙNG SƠN LẠI : Các thứ ghế và bàn lối vành-soạng (Thonet) ; vắt áo cây, vắt áo đóng tường, lọ cắm hoa, bàn dửa mặt có gương soi, chậu-phong và giá cắm ô, giá cắm ba-toong ; ba-toong ; khay đủ các kiểu, trấp tròn, trấp chữ nhật và hộp đủ các lối sơn bóng và vẽ theo lối Nhật-bản, cuốn thư, hoành, câu đối, giếp Nhật-bản và quốc sơn vẽ rất nhã.

2. MẠ VÀ BÁN BẰNG THỦY-NGÂN VÀ BẠC : Các thứ gương soi đã cũ và lại có sơn rất kỹ đàng sau gương, việc làm rất kỹ, giá tính phải chăng.

Tôn-chỉ của bản-hiệu lấy sự cẩn-tín làm trọng nên giá bán nhất định.



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53 et 76 Rue du Pont en Bois

HANOI

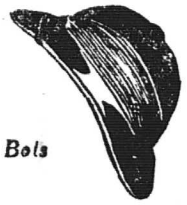

Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp sẵn, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ hội tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngợi hạng Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của hãn hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui khách mua buôn hay mua lẻ xin có gửi thơ cho bản hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh hóa giao ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : HAI-CHINH

ĐỒNG-PHÁP TỰ-NHIÊN HƯƠNG-TRÀ

Người nước An-nam ta, Xin uống chè nước nhà.
Chẳng khác chi chè Khách, Thực người mình chế ra.

Ai muốn hiểu chè ấy thế nào xin cứ viết thư hỏi ông **Trần-quang-Huy**, Thầu-khoán ở Grande Rue Thanh-hóa (Annam).

Đông-Pháp tự-nhiên hương-trà, cánh cũng dòn như chè Tầu. Thực không khác một tí nào cả, không ửu tí nào. Hương-vị tốt bội phần hương-vị chè Tầu, cái hương-vị nó lại thanh-tao nhẹ-nhàng, và ngon bùi lắm. Bán lại rẻ hơn chè Tầu. Cũng chia ra làm hai hạng chè Ô và chè Liên, nước chè pha ra thật là đẹp. Hơn chè Tầu được cái đẹp nước hơn và ngọt giọng hơn. Càng uống đến nước thứ ba, thứ tư càng ngon, khi nguội đi lại càng mầu-mỡ lắm. Trong khi đang uống, nuốt xong ngậm miệng vào mà thở đường mũi thì cái hương nó sông lên thật là ngạt đến óc. Bao cũng như bao chè Tầu, cho người dùng vào việc hiếu hỉ vân vân.

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE
SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS
Administration et Manufacture à Hanoi

SẢN XUẤT NHỮNG THỨ THUỐC LÁ NHƯ SAU NÀY:
(PRODUITS RECOMMANDÉS):

Thuốc thái (Tabacs) : **Coq et Scaferlati**
Thuốc cuốn (Cigarettes) : **Coq, Alliés, Métropole, Favorites, Dragon d'or, Midinettes**
Thuốc Sì-gà (Cigares): **Mandarin, Bouquet**

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam: nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

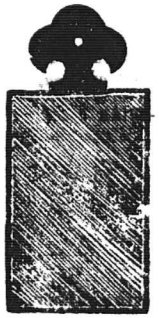

NGỌC-THÀNH

FABRICATION DES OBJETS EN IVOIRE
5, RUE DU CHANVRE, 5
HANOI

Bản-hiệu có bán bài ngà cùng những đồ dùng bằng ngà kiểu đẹp, ngà tốt, giá tính đúng, không phải mà-cả.
Mời các quý-khách chiếu-cố đến mua.
Ngài nào ở xa xin viết thơ về cho bản-hiệu.
Kính cáo

NHÀ LÀM DA

Henri BERNARD
Hanoi — 16, Rue du Coton, 16 — Hanoi

Các ngài ai muốn dùng đồ ngựa, yên ngựa, va-ly, túi da, cặp sách cùng giầy tây giầy ta thắt lưng da cổ-vạt roi ngựa, ghệt, đồ đi săn bằng da, đồ đi du-lịch bằng da không thiếu một thứ gì cả Xin cứ gửi thư cho ông **HENRI BERNARD** *ở số nhà 16, Phố Hàng Bông Hanoi giá rất rẻ làm rất cẩn thận*

Nghĩa hữu-ái càng lan càng rộng,
Tiếng Hữu-Thanh cổ-động ân-cần.

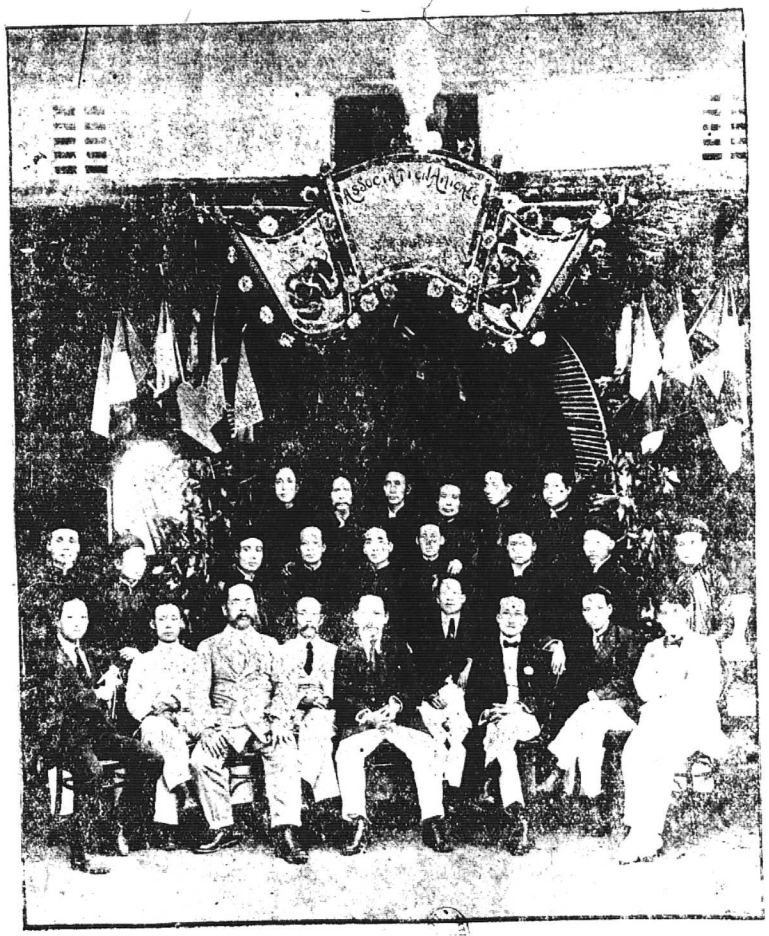

Hội-đồng ngày 16 Janvier 1922 của chi Hội Bắc-kỳ công-thương-đồng-nghiệp ở Thanh-hóa.

Năm thứ hai — N° 14 15 Février 1922

HỮU-THANH

CUỘC CÔNG-THẢI ĐÔNG-PHÁP

THU BẰNG BẠC ĐỂ LÀM ĐƯỜNG SẮT VINH — ĐÔNG-HÀ

Đường sắt nối liền giây hữu-ái,
Giải đồng buộc chặt mối thâm-tình.

Đó là hai câu thơ của Bản-chí hình-dung con đường sắt từ Vinh vào Đông-hà đã đăng ở kỳ trước vậy. Bản-chí sở-dĩ hình-dung con đường sắt ấy bằng hai câu thơ đó tức do cái kiến-tưởng của Bản-chí ở bài xã-thuyết kỳ số 11 ngày 1er Janvier 1922 đầu bài là « *Một cái giây sắt liên-lạc tình hữu-ai của ba kỳ* » vậy. Ngày nay mà quốc-dân ta muốn được có cái giây liên-lạc như những lời hi-vọng của Bản-chí ở trong số 11 đó thời tất phải nhiệt-thành với cuộc Công-thải Đông-Pháp thu bằng bạc để làm đường sắt từ Vinh vào Đông-hà như lời bá-cáo của Bản-chí số 13 vừa rồi. Bởi muốn cho quốc-dân nhiệt-thành đối với cuộc Công-thải sáu triệu bạc này, nên từ số 11 đến 13 cho đến khi hết kỳ thu Công-thải, Bản-chí nhiệt-thành cổ-động, nào xã-thuyết, nào cáo-văn, nào thơ ca, nào từ-khúc, thực không dám hà-tiện bút giấy. Từ kỳ này mà đi cho đến kỳ sau, Bản-chí xin cứ mỗi kỳ một cổ-động, mong rằng quốc-dân càng ngày càng hoan-nghinh cuộc Công-thải này, nhiệt-thành hăm-hở, chớ đem con mắt nguội lạnh đối với cuộc công-nghĩa độc-nhất vô-song này.

Có tiền mà giữ một chỗ, không tìm cách để làm cho nó sinh sôi nảy-nở ra, ấy là có tội với nước nhà đó, vì trong nước hiện đương cần đến tiền để làm đường xe lửa, xe lửa mà làm xong thời suốt dân-gian điều được giàu-có thịnh-vượng.

Bắt đầu thu tiền Công-thải từ ngày hôm 1er Mars mà đi cho đến 20 Mars 1922 thời thôi. Kỳ Công-thải này Chính-phủ thu bằng bạc, không thu bằng tiền Phật-lăng như mấy kỳ trước, là vì Chính-phủ Đông-Pháp vay để làm việc cho Đông-Pháp, cho nên tính theo tiền Đông-Pháp vậy. Chính-phủ vay sáu triệu đồng bạc của dân ta đem làm cho xong quãng đường sắt từ Vinh tới Đông-hà để hỏa-xa đi thẳng từ Hanoi tới kinh-đô Huế ngay được, không phải đổi cách vận-tải như ngày nay diệu-vợi khó-khăn. Con đường sắt này mà hoàn-công được thực là một cái giây sắt để nối liền giây hữu-ái mà buộc chặt giải đồng-tâm cho mối thâm-tình ngày càng cố-kết, Trung, Nam, Bắc chị cùng em vậy. Về phương-diện tinh-thần thời dân ba xứ càng được đi lại thông-đồng, cái cảm-tình càng thân-mật, nhẽ ấy như đã từng nói. Song về phương-diện vật-chất thời từ khi đường sắt ấy thành-công mà đi, từ Bắc-kỳ đi vào Trung-kỳ vào luôn Nam-kỳ một đường liền, vừa nhanh chóng vừa tiện-lợi, lại mất ít tiền hành-phí, buôn bán giao-thông rất tiện, chẳng những là việc công thương Bắc-kỳ nhờ đó mà phát-đạt, lại đường nông-nghiệp Nam-kỳ cũng nhân đó mà ngày thêm mở-mang được. Bởi vì rằng : Nhờ được sự vận-tải tiện-lợi, người Bắc-kỳ có chế ra đồ-đạc gì có thể gửi vào bán trong Nam-kỳ, Trung-kỳ được rẻ tiền, người Trung-kỳ, Nam-kỳ, không phải mua đắt như trước. Và người Bắc-kỳ có thể đi vào buôn bán trong Nam-kỳ Trung-kỳ được nhiều, thời dân hai xứ Trung Nam có dùng đồ-vật hóa-hạng gì của người Bắc-kỳ làm ra không đến nỗi nhận nhầm làm đồ Tầu như xưa nay mấy chú khách vẫn buôn hàng xứ nọ đi bán cho xứ kia bảo là đồ Tầu ở Thượng-hải, Hương-cảng đem sang mà bán rất đắt tiền nữa. Và lại xứ Nam-kỳ thời lắm nhà giầu có, có thể bỏ tiền ra lập nên các công-xưởng ở ngay xứ-sở mà đem nhân-công nguyên-liệu ở Bắc-kỳ vào mà chế-hoa các đồ dùng cho người Nam-kỳ mua được giá rẻ nữa. Như thế thật là tiện-lợi cho đường tư-sản và nhân-công, xứ nọ có thể lợi-dụng được xứ kia mà cùng phát-đạt. Sau ra như xứ Nam-kỳ thời nhiều ruộng tốt lại ít nhân-công, các nhà hữu-tâm trong ba xứ đều nói nhiều câu rằng nên lợi-dụng nhân-công Trung-kỳ Bắc-kỳ mà đem vào khai-khẩn cho hết những đất hoang, song vì sự đường xá diệu-vợi đem nhân-công vào tốn kém, cho nên đành cứ nói đó mà đến thực-hành trăm phần chưa có một nửa. Vậy sau khi đường sắt đó thành-công thời thật cái vấn-đề di-dân mà các nhà trí-thức vẫn thường săn-sóc xưa nay kia giải-quyết được dễ như bỡn vậy. Vì rằng đất Nam-kỳ vốn đất phì-nhiêu, dân Nam-kỳ hãy

Ai không mua vé Quốc-trái là để hối-hận về sau Thấy người ta trúng số được tiền, mình không được, của vào tay người, ấy mới xót-xa.

còn ít-ỏi, ở Trung Bắc hai kỳ đất hẹp người đông, thết ất phải đi tìm chỗ doanh-sinh, cầu lấy thân no mình ấm, lắm của nhiều tiền, thời tiện lối giao-thông, chẳng phải ai mộ cũng biết đi vào Lục-tỉnh để cầu việc canh-thực, vậy chẳng mấy mà kẻ nọ theo người kia vào càng ngày càng đông, mở-mang ngày một rộng, bao nhiêu hoang-địa sẽ thành ra cánh đồng bát-ngát lúa-má xanh-um cả. Ôi ! bọn ta thử nhắm mắt lại tưởng-tượng ở trong thần-trí mà xem, cái tiền-đồ quốc-dân ta ở con đường sắt này thực rất là tráng-quan vậy. Xin hai mươi nhăm triệu con Hồng cháu Lạc ta, nghĩ đến cuộc tương-lai rực-rỡ ấy, thời ta nên nhiệt-thành có bao nhiêu tiền xin đem cả ra mà mua phiếu Công-thải; đó tức là ta thi-hành cái nghĩa-vụ của bọn ta làm dân Nam-Việt, đối với cuộc công-ích của nước Tổ thời hăm-hở hoan-nghinh, đó tức là ta thi-hành tấm lòng ái-quốc của ta đối với việc nước coi như việc nhà vậy.

Quốc-dân ta đối với cuộc Công-thải này mà tỏ ra cho Chính-phủ thấy có hiệu-quả tốt, thời thực cũng là tỏ cho Chính-phủ biết rằng: Anh em ta bao giờ cũng khao-khát việc công-ích, ngày đêm chỉ mong-mỏi Chính-phủ làm việc công-ích cho quốc-dân ta. Hễ nghe thấy một tiếng gọi của Chính-phủ gọi chúng ta đi làm việc công-ích thời chúng ta chen sô nhau mà chẳng tiếc sinh-mệnh, chẳng tiếc tiền-tài, nhất-thiết sẵn lòng hi-sinh đi với các việc công-ích. Cuộc công-ích này Chính-phủ làm xong được nên kết-quả tốt thời phàm mở-mang về việc công, thương, nông, cổ, việc gì Chính-phủ làm cho quốc-dân ta mà cần đến quốc-dân ta giúp sức thời quốc-dân ta đều nô-nức hoan-nghinh. Ôi ! vay tiền của quốc-dân ta mà lại làm việc cho quốc-dân ta thời quốc-dân ta thật vui mừng đón rước hương-hoa chúc-tụng cho Chính-phủ vay mà không tính đến lời-lãi chi chi mới phải.

Phương-chi ta cho Chính-phủ vay tiền trong cuộc Công-thải này ta đã thỏa trong lòng về việc nghĩa, lại còn cầm lấy phiếu thời lại được lợi vô-cùng. Này, có năm chục đồng bạc mà trong ba mươi năm, mỗi năm có bốn lần rút số, may ra được cái vốn to đem về, mà tiền cho vay bằng bạc thời đến lúc được giả lại bằng bạc, không e sợ những sự giá tiền cao hạ như các cuộc Công-thải vay bằng Phật-lăng mấy lần trước. Trong một cái khoảng thì giờ ba mươi năm, năm nào trong lòng cũng có một

Cuộc Quốc-trái này chỉ cần đến 12 vạn người mua mà thôi, nghĩa là trong một cõi Đông-Pháp một nghìn người mới được có 6 người mua. Như thế thì chắc là không đủ vé mà bán cho khắp mọi người ; ai muốn được trúng số một vạn phải nên mua vé ngay kẻo chậm.

cái hi-vọng được một số tiền to, mà không được trúng số ra nữa, đến hết hạn ba mươi năm thời cũng được lãi nhất bội nhi, nghĩa là 50 p. 00 sẽ thành ra 100 p. 00 vậy.

Lần này lại còn một sự rất tiện là ai đem tiền đi mua phiếu Công-thải thời được ngay chính-phiếu không phải như mấy lần trước mà phiền đi lại đổi chác cho tốn thì giờ và tiền tổn-phí ra nữa.

Ai có tiền mua được bao nhiêu phiếu, thời cầm phiếu đó cũng như cầm bức văn-tự, mà bức văn-tự ấy lại có giá-trị, có tín-lực, có thể đem cầm cho các nhà ngân-hàng (*Banque*) mà vay tiền về làm công nợ việc kia được. Giá phiếu thời mỗi ngày một tăng thêm lên, đến năm thứ ba mươi thời giá nó tăng lên gấp bội. Nghĩa là ai không được trúng số thời đến năm thứ ba mươi thế nào cũng được hoàn lại, năm ấy cũng có bốn kỳ rút số, may ra được số thời được món to, không thời cũng thu về được nhất bội nhị.

Chính-phủ lại có giao-ước với nhà Đông-Pháp Hối-lý ngân-hàng (*Banque de l'Indochine*), về sau ai đem trái-phiếu đến cầm mà vay tiền thì thời-giá trái-phiếu bao nhiêu cứ cho vay là 8 thành (80%). mà cho vay thì lấy lãi mỗi tháng nửa phân mà thôi, tức là mỗi năm sáu phân (6% l'an) vậy.

Các nhà Thầu-khoán (*Entrepreneur*) mua phiếu Công-thải này, thời khi có thầu việc gì phải tiền ân-quỹ có thể theo nghị-định ngày 4 Novembre 1919 đã chuẩn-y mà đem những trái-phiếu gửi vào kho bạc làm tiền ân-quỹ được.

Chính-phủ lại còn định ra một phương-pháp như sau này để ai có nhiều phiếu quốc-trái kỳ này sẩy gặp khi túng có thể đem bán được mà bán cũng không lỗ vốn. Cách ấy là phàm bao nhiêu nơi có chi-quán của nhà Đông-Pháp Hối-lý-ngân-hàng thời có đặt ra một nơi thị-trường để mua bán đổi chác những phiếu quốc-trái ấy để tiện lợi cho ta, xem như thế thời thực là Chính-phủ đã dùng hết phương-thế mà làm cho dân ta có tiền mua phiếu Công-thải chuyến này chỉ có lợi mà không có hại, chỉ có phần chắc mà không có lo ngại gì sau này. Vậy, hỡi hỡi đồng-bào Nam-Việt trong ba kỳ ta, có tiền của xin đem ra mua phiếu Quốc-trái, trước là nghĩa sau là lợi, nghĩa lợi thật là vẹn cả, tiền cho Chính-phủ vay đã được lợi chắc-chắn lại được trông thấy con đường sắt nối liền giây hữu-ái của ba kỳ lại làm một, cho giải thâm-tình càng ngày càng cố-kết, đường kinh-tế càng ngày càng mở-mang, vậy đồng tiền mua phiếu Quốc-trái thực là đồng tiền khôn-ngoan. Đồng-bào! Đồng-bào!! xin nhiệt-thành với việc Quốc-trái này.

NGUYỄN-HUY-HỢI

NGHỀ IN QUAN-HỆ VỚI VIỆC GIÁO-DỤC

Ngày xưa truyền-đạt văn-tự thời viết vào tấm lụa, khắc vào mảnh tre, kể cũng đã khéo. Đến khi biết khắc chữ vào bản gỗ thời người học-giả lại càng tiện. Dần dần gần đây lại phát-minh ra bản in Tụ-chân, bản in đá, lại càng tiện lợi hơn. Đến ngày nay nghề in càng ngày càng phát-đạt cực-thịnh, máy nọ máy kia, lối này lối khác, thật là rất nhiều thứ mầu-nhiệm (*Xin đọc bài « Nói về nghề nhà in » và bài « Khảo về nghề in » đăng trong Bản-chí kỳ trước, kỳ này và mấy kỳ sau*) thực là giúp ích cho văn-hóa rất nhiều. Bởi vậy cho nên nghề in ngày nay một mình đứng ở trong thế-giới cùng với trăm nghề khác sánh bầy.

Song nghề in há có phải là cùng các nghề khác sánh bầy mà thôi đâu, xét sâu nghĩ kỹ ra, thời thực làm then chốt cho các nghề vậy. Này ta xem mà xem, trăm nghề nghề gì thành-lập lại chẳng phải nhờ đến việc nhà in để mà công-bố ra đời; nghề gì mới dựng lại chẳng phải cậy đến việc nhà in để mà cổ-động nhân-chúng. Phàm ai mở cửa hàng, chế ra được đồ-vật gì bán, lập công-ty gọi cổ-phần, đặt hữa tiệc mời khách tới, không việc gì là không phải nhờ đến nhà in tất cả. Ôi! Nghề nhà in thực là đứng đầu trên các nghề, mà làm tiên-khu cho các việc ở trong thế-gian này, ai là người trí thức cũng đã biết vậy.

Song nghề in thực đối với việc giáo-dục rất là quan-hệ to lớn vậy. Phạm-vi giáo-dục là những gì? Gia-đình, học-hiệu, xã-hội, đó là lấy đoàn-thể mà phân-biệt vậy. Ấu-trĩ, thiếu-niên, thành-nhân, đó là lấy chức-nghiệp mà phân-biệt vậy. Trong một nước, khắp địa-cầu, không người nào là không phải nhờ ơn giáo-dục. Ai ai cũng phải nhờ ơn giáo-dục thời không ai là không có quan-hệ với nghề nhà in vậy. Sao ta lại nói thế? Người ta cùng giao-thiệp với nhau, trừ khi gặp mặt nhau, còn thời thuần-nhiên phải nhờ đến nghề in làm môi-giới cả. Này phàm mở-mang tư-tưởng, truyền-bá học-lý, không có nghề nhà in thực

SẮM NHÀ-TRÒ VỀ QUỐC-TRÁI SÁU TRIỆU

Đông thì hà, Đông thì hà, Cái con đường sắt kia từ Nghệ tới Đông-hà, Thật là tiện-lợi cho ta muôn phần. Hỡi ai ơi là bực nghĩa-dân, nên mua trái-phiếu đỡ-đần quốc-gia. Tiền của ta làm việc cho ta. Món tiền sáu triệu có là bao nhiêu. Ta nên kẻ ít người nhiều, góp vào việc nghĩa mong sao cho chóng thành. Trước là tỏ nghĩa-vụ mình, sau ra năm chục lại thành một trăm. Trúng số ra có vạn bạc cầm, tha-hồ phóng túng tri-âm em được nhờ. Đinh-ninh rằng có tự bây giờ.

cái hi-vọng được một số tiền to, mà không được trúng số ra nữa, đến hết hạn ba mươi năm thời cũng được lãi nhất bội nhi, nghĩa là 50 p. 00 sẽ thành ra 100 p. 00 vậy.

Lần này lại còn một sự rất tiện là ai đem tiền đi mua phiếu Công-thải thời được ngay chính-phiếu không phải như mấy lần trước mà phiền đi lại đổi chác cho tốn thì giờ và tiền tổn-phí ra nữa.

Ai có tiền mua được bao nhiêu phiếu, thời cầm phiếu đó cũng như cầm bức văn-tự, mà bức văn-tự ấy lại có giá-trị, có tín-lực, có thể đem cầm cho các nhà ngân-hàng (*Banque*) mà vay tiền về làm công nợ việc kia được. Giá phiếu thời mỗi ngày một tăng thêm lên, đến năm thứ ba mươi thời giá nó tăng lên gấp bội. Nghĩa là ai không được trúng số thời đến năm thứ ba mươi thế nào cũng được hoàn lại, năm ấy cũng có bốn kỳ rút số, may ra được số thời được món to, không thời cũng thu về được nhất bội nhị.

Chính-phủ lại có giao-ước với nhà Đông-Pháp Hối-lý ngân-hàng (*Banque de l'Indochine*), về sau ai đem trái-phiếu đến cầm mà vay tiền thì thời-giá trái-phiếu bao nhiêu cứ cho vay là 8 thành (80%). mà cho vay thì lấy lãi mỗi tháng nửa phân mà thôi, tức là mỗi năm sáu phân (6% l'an) vậy.

Các nhà Thầu-khoán (*Entrepreneur*) mua phiếu Công-thải này, thời khi có thầu việc gì phải tiền án-quỹ có thể theo nghị-định ngày 4 Novembre 1919 đã chuẩn-y mà đem những trái-phiếu gửi vào kho bạc làm tiền án-quỹ được.

Chính-phủ lại còn định ra một phương-pháp như sau này để ai có nhiều phiếu quốc-trái kỳ này sẩy gặp khi túng có thể đem bán được mà bán cũng không lỗ vốn. Cách ấy là phàm bao nhiêu nơi có chi-quán của nhà Đông-Pháp Hối-lý-ngân-hàng thời có đặt ra một nơi thị-trường để mua bán đổi chác những phiếu quốc-trái ấy để tiện lợi cho ta, xem như thế thời thực là Chính-phủ đã dùng hết phương-thế mà làm cho dân ta có tiền mua phiếu Công-thải chuyến này chỉ có lợi mà không có hại, chỉ có phần chắc mà không có lo ngại gì sau này. Vậy, hỡi hỡi đồng-bào Nam-Việt trong ba kỳ ta, có tiền của xin đem ra mua phiếu Quốc-trái, trước là nghĩa sau là lợi, nghĩa lợi thật là vẹn cả, tiền cho Chính-phủ vay đã được lợi chắc-chắn lại được trông thấy con đường sắt nối liền giây hữu-ái của ba kỳ lại làm một, cho giải thâm-tình càng ngày càng cố-kết, đường kinh-tế càng ngày càng mở-mang, vậy đồng tiền mua phiếu Quốc-trái thực là đồng tiền khôn-ngoan. Đồng-bào! Đồng-bào!! xin nhiệt-thành với việc Quốc-trái này.

NGUYỄN-HUY-HỢI

NGHỀ IN QUAN-HỆ VỚI VIỆC GIÁO-DỤC

Ngày xưa truyền-đạt văn-tự thời viết vào tấm lụa, khắc vào mảnh tre, kể cũng đã khéo. Đến khi biết khắc chữ vào bản gỗ thời người học-giả lại càng tiện. Dần dần gần đây lại phát-minh ra bản in Tụ-chân, bản in đá, lại càng tiện lợi hơn. Đến ngày nay nghề in càng ngày càng phát-đạt cực-thịnh, máy nọ máy kia, lối này lối khác, thật là rất nhiều thứ mầu-nhiệm (*Xin đọc bài « Nói về nghề nhà in » và bài « Khảo về nghề in » đăng trong Bản-chí kỳ trước, kỳ này và mấy kỳ sau*) thực là giúp ích cho văn-hóa rất nhiều. Bởi vậy cho nên nghề in ngày nay một mình đứng ở trong thế-giới cùng với trăm nghề khác sánh bầy.

Song nghề in há có phải là cùng các nghề khác sánh bầy mà thôi đâu, xét sâu nghĩ kỹ ra, thời thực làm then chốt cho các nghề vậy. Này ta xem mà xem, trăm nghề nghề gì thành-lập lại chẳng phải nhờ đến việc nhà in để mà công-bố ra đời; nghề gì mới dựng lại chẳng phải cậy đến việc nhà in để mà cổ-động nhân-chúng. Phàm ai mở cửa hàng, chế ra được đồ-vật gì bán, lập công-ty gọi cổ-phần, đặt hữa tiệc mời khách tới, không việc gì là không phải nhờ đến nhà in tất cả. Ôi! Nghề nhà in thực là đứng đầu trên các nghề, mà làm tiên-khu cho các việc ở trong thế-gian này, ai là người trí thức cũng đã biết vậy.

Song nghề in thực đối với việc giáo-dục rất là quan-hệ to lớn vậy. Phạm-vi giáo-dục là những gì? Gia-đình, học-hiệu, xã-hội, đó là lấy đoàn-thể mà phân-biệt vậy. Ấu-trĩ, thiếu-niên, thành-nhân, đó là lấy chức-nghiệp mà phân-biệt vậy. Trong một nước, khắp địa-cầu, không người nào là không phải nhờ ơn giáo-dục. Ai ai cũng phải nhờ ơn giáo-dục thời không ai là không có quan-hệ với nghề nhà in vậy. Sao ta lại nói thế? Người ta cùng giao-thiệp với nhau, trừ khi gặp mặt nhau, còn thời thuần-nhiên phải nhờ đến nghề in làm môi-giới cả. Này phàm mở-mang tư-tưởng, truyền-bá học-lý, không có nghề nhà in thực

SẮM NHÀ-TRÒ VỀ QUỐC-TRÁI SÁU TRIỆU

Đông thì hà, Đông thì hà, Cái con đường sắt kia từ Nghệ tới Đông-hà, Thật là tiện-lợi cho ta muôn phần. Hỡi ai ơi là bực nghĩa-dân, nên mua trái-phiếu đỡ-đần quốc-gia. Tiền của ta làm việc cho ta. Món tiền sáu triệu có là bao nhiêu. Ta nên kẻ ít người nhiều, góp vào việc nghĩa mong sao cho chóng thành. Trước là tỏ nghĩa-vụ mình, sau ra năm chục lại thành một trăm. Trúng số ra có vạn bạc cầm, tha-hồ phóng túng tri-âm em được nhờ. Đinh-ninh rằng có tự bây giờ.

không thể nào thành-hiệu được ; mà tư-tưởng, học-lý thời lại là mệnh-mạch của giáo-dục. Cho nên trí-tuệ năng-lực của quốc-dân hay dở thế nào có thể xem nghề nhà in ở trong nước thịnh suy thế nào mà đoán-định được. Nghề nhà in ở các nước Âu Mỹ ngày nay càng ngày càng mới-mẻ ; mỗi một bộ sách in ra có chuyến đến trăm vạn quyển sách, mỗi một xưởng nhà in có đến trăm nghìn cái máy, phẩm-loại nhiều, thủ-thuật khéo, khiến cho người ta trông thấy mà ghê lòng quáng mắt, không trách được nền giáo-dục càng ngày càng phát-đạt vậy.

Nước ta ngày nay so với các nước Âu Mỹ thời một vạn phần mình chẳng có lấy một phần, những người có chí với việc học trong nước nghĩ đến mà sốt gan nóng ruột. Ôi ! cùng trán tròn gót vuông ở trên đại-địa, có lẽ ta chịu kém người sao ? Ta ngày nay nhờ nước Pháp bảo-hộ, có chữ quốc-ngữ làm quốc-văn, có giáo-dục của nhà nước, có văn-chương của nước nhà, báo-quán ngày một nhiều, sách in ngày một thịnh, người trong nước cùng với nhà in có quan-hệ gần cũng như người các nước Âu Mỹ, mà chưa có một cái nhà in nào hoàn-bị để làm lương-hữu với giáo-dục-giới như các nhà in Âu Mỹ, mà đến một cái cơ-quan thường thường như nhà Thương-vụ-ấn-thư-quán ở bên Thượng-hải của người Trung-hoa cũng không có. há chẳng nên cùng nhau lưu-tâm nghiên-cứu lắm ru ?

Có người nói rằng : *Ích-Hữu-Thư-Xã* đó há chẳng phải là theo gương nhà Thương-vụ-ấn-thư-quán đó ư ? Xin nói rằng : *Ích-Hữu-Thư-Xã* khi ra đời thực tôi cũng đã từng hi-vọng được như thế. Nay cơ-ngũ đã nhóm thành rồi, một mai càng ngày càng to được như Thương-vụ-ấn-quán thực cũng là nhờ ở quốc-dân tán-thành cho vậy. Xin khảo-cứu công việc nhà Thương-vụ-ấn-thư-quán.

Cách tổ-chức.

Thương-vụ-ấn-thư-quán là một cái công-ty Trách-nhiệm-tập-cổ (*Société en commandite par actions*) cũng như là « *Ích-hữu-thư-xã* » lúc ban đầu do một vài người đồng-chí góp vốn dựng nên, buôn bán làm ăn ngày một thịnh mới theo thương-luật lập thành công-ty, đến năm nay đã được 25 năm rồi, tư-bản ngày nay được 300 vạn đồng bạc.

Đồ bán ra.

Thương-vụ-ấn-thư-quán là một công-ty chuyên nghề bán sách, theo một cái chủ-nghĩa giúp cho việc giáo-dục được phát-đạt và làm cho văn-hóa được tiến-bộ. Cũng như « *Ích-hữu-thư-xã* ». Ngoài việc làm sách bán sách cùng việc in, còn làm ra các đồ dùng vào việc nhà in cùng các đồ dùng ở trong văn-phòng và trường học với các đồ chơi có ích cho việc giáo-dục. Hiện nay mỗi năm sách in ra được 27 loài có hơn 3200 thứ, tới đến hơn 9800 quyển. Trong số ấy thời hơn 3000 quyển in bằng giấy Tầu tự chế ra. Hiện in một bộ sách « Tứ-bộ tùng-san » tất cả 3000 quyển, cũng đều dùng giấy Tàu tự chế ra cả.

Đến như máy-móc thời như những máy nhón, máy nhỏ để in sách, in báo ; máy đúc chữ, chữ chì khuôn đồng, bản đồng, bản chữ, bản in ảnh in hoa, các máy chế theo lý-học hóa-học, thứ gì cũng tự làm lấy được cả.

Các thứ máy dùng trong nhà.

Các thứ máy mới dùng trong nhà Thương-vụ-ấn-thư-quán mười phần thời bảy phần ruỡi tự-chế ra được. Như máy in bằng kẽm, máy in bằng đá máy in ảnh cùng các thợ mộc thợ sắt trong nhà đều có sẵn cả. Gần đây lại mua ở Mỹ các thứ máy mới cùng máy in ảnh nhớn thứ nhì ở thế-giới, thứ gì cũng có, toàn chạy bằng điện cả, hết sức cầu lấy nhanh chóng, để tiện việc cho những người dùng đến.

Nhân-công.

Thợ làm việc in của công-ty, 1400 người đàn ông con giai, hơn 200 người đàn-bà con gái. Thợ làm việc đóng bìa sách, làm bút làm mực cùng các người làm công khác đến hơn 1000 người nữa Trong công-ty chia ra từng bộ làm việc, mỗi bộ đặt riêng một viên Chủ-nhiệm. Bộ nào cũng có các nhà kỹ-sư huyên-môn trông nom các việc, trong công ty có đủ cả hóa-học kỹ-sư, hoạt-động-ảnh-phiến chế-tạo kỹ-sư. Đều là các nhà kỹ-sư trong nước học ở các nước về, cùng các nhà kỹ-sư Anh, Nga, Thụy-sĩ cả.

Nguyên-liệu

Nguyên-liệu dùng trong công-ty, đại-để như giấy mực, chì, kẽm, đồng v. v đều là lấy tự ở Tàu. Hết sức cầu những đồ hóa-vật trong nước cả. Nhất là giấy thời nhiều hơn hết, mấy năm nay công-ty cử phái-viên chia đi từng nơi, Hồ-nam, Hồ-bắc, Giang-tây, Phúc-kiến, Tích-giang lựa mua chuốc lấy dem về làm. Song vì nước Tàu, phong-khí chưa được mở rộng, công-lực có hạn, không làm nhiều giấy cho công-ty dủ dùng được, cho nên công-ty Thương-vụ-ấn-thư-quán thường vẫn có cái lo không đủ giấy mà làm. Trong kỳ Âu-chiến mới rồi, giấy in sách và giấy nhật-trình cứ phải mua ở bản Mỹ, lại mua cả giấy Nhật-bản về mới đủ dùng. Đến khi Âu-chiến cáo-chung, giao-thông tiện-lợi lại mua được cả giấy Anh và giấy Thụy-điển về làm mới xuể được việc. Không những rằng làm việc của công-ty, hễ các nhà in khác có mua lại công-ty cũng bán cho cả.

Các cơ-quan

Công-ty Thương-vụ-ấn-thư-quán đặt ra một nơi Tổng-vụ, chia ra bảy khoa. Nơi tổng-vụ trông nom hết tất cả việc của công-ty, mở một nhà in thật lớn ở Thượng-hải, chiếm một chỗ đất hơn 60 mẫu. Lại lập một nhà in nữa ở Bắc-kinh để nhận in các việc in. Trong công-ty đặt ra một tòa tu-thư để biên-dịch các sách Anh sách Pháp cùng các sách ngoại-quốc ; lại biên-tập các thứ báo cùng tạp-chí, hiện có mấy thứ nguyệt-báo và tạp-chí trứ-danh như sau này :

1° *Đông-Phương tạp-chí*	Mỗi tháng	2 kỳ	
2° *Phụ-nữ tạp-chí*	»	»	1 —
3° *Học-nghệ tạp-chí*	»	»	» —
4° *Thái-bình-dương-tạp chí*	»	»	—
5° *Tiểu-thuyết nguyệt-báo*	»	»	—
6° *Bắc-kinh đại-học nguyệt-san*	»	»	—
7° *Lưu-Mỹ học-sinh quý-báo*	3	»	1 —
8° *Giáo-dục tạp-chí*	Mỗi tháng		1 —
9° *Thiếu-niên tạp-chí*	»	»	» —
10° *Anh-văn tạp-chí*	»	»	» —
11° *Nông-nghiệp tùng-san*	»	»	—

Cùng các thứ tùng-thư, các thứ báo khác. Đặt ra một nơi tổng-phát-hang ở Thượng-hải. Lại lập chi-quán ở các tỉnh trong nước Tàu và Nam-dương hơn 30 chỗ, lại còn các nhà bán sách của công-ty trong các nơi tất cả non 2000 nhà.

Mua vé Quốc-trái là một dịp tốt vô-song, vừa làm giàu cho nước, vừa thêm của cho mình. Ai ơi, dịp tốt ấy, chớ nên bỏ mất.

Cách giáo-dục và cách vệ-sinh của công-ty

Công-ty Thương-vụ-ấn-thư-quán lập ra một nhà trường Cao-đẳng tiểu-học và một nơi Ấu-trĩ-viện, cho con cái người làm trong công-ty học, hiện có 500 học-trò. Lại lập một nhà trường Thương-nghiệp bồ-tập, cho những học trò đã tốt-nghiệp Trung-học rồi vào học các khoa học công thương, học thành-nghiệp phải làm cho công-ty năm năm mới được ra ngoài

Việc vệ-sinh trong công-ty đối với người làm công rất là chú-ý. Công-ty thường phát những sách vệ-sinh và phòng-bệnh cho thợ-thuyền xem, lại lập ra một sở nhà thương, đón thầy thuốc Tây để trông nom việc thuốc men cho các người làm công trong công-ty, ai ốm đau không phải mất tiền chữa thuốc, công-ty sắn nhà thương cho mà nằm đến khỏe mạnh mới phải làm việc.

Tổng-quát

Thương-vụ-ấn-thư-quán ngày nay thực đã giúp vào việc giáo-dục nhiều lắm vậy. Trong nhà in có đến hơn 10 tòa tạp-chí lại còn tòa báo và tòa tu-thư, đón toàn những bực danh-nho thạc-học cùng những nhà đã đi du-học các nước về để làm báo làm tạp-chí cùng phiên-dịch các sách vạn-quốc. Sách của công-ty ngày nay đủ cả từ-nguyên, tự-vị, giáo-khoa, tiểu-thuyết, triết-học, khoa-học không thiếu một thứ gì. Than ôi! Thịnh vậy thay! Có công với nền giáo-dục của nước Tàu biết là nhường nào!

Kết-luận

Tôi viết xong việc của công-ty Thương-vụ-ấn-thư-quán, mình tự hỏi mình rằng: « Ta là một người cổ-đông trong « *Ích-hữu-thư-xã* » lại làm việc « *Hữu-Thanh tạp-chí* », cái sự-nghiệp vĩ-đại kia phỏng ta có được thấy kết-quả ở trong công-ty ta không? » Vắt tay lên trán nghĩ, nghĩ đi rồi nghĩ lại, lại tự đáp rằng: « Người cũng công-ty ta cũng công-ty, người làm nên được tất ta cũng làm nên được. Cái đoàn thể người ta kia biết tin nhau yêu nhau cũng một lòng tiến lên con đường chính-đáng, thời chắc rằng đoàn-thể ta cũng có thể tin nhau yêu nhau mà đi cho kịp được người ngoài. » Than ôi! đường xa nghiệp lớn, cũng mắt cũng tai, có chí thời nên, ai đã nhường ai! Song cũng là nhờ ở đoàn-thể « *Ích-hữu-thư-xã* » hơn 500 ngài, cùng lo việc hội, cùng gắng theo thời, khôn ngoan cùng góp, thời mới kịp người. Lại nhờ ở quốc-dân, nghĩ đến công-ích, tán-thành việc hay! Mở-mang mới chắc có ngày, con đường tiến-bộ bước tầy người ta. Ôi! hi-vọng thay! Đó thực là cái gương lớn đáng để cùng soi vậy.

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG

HÁT NÓI VỀ QUỐC-TRÁI

Kiến nghĩa bất vi vô dũng giả. Tiếng HỮU-THANH gọi cả Bắc Trung Nam. Giang-sơn nhà đã bốn nghìn năm. Chầu-vực nọ chia làm ba cõi. Đường-lối giao-thông chưa tiện-lợi. Anh em nên phải mở-mang ra. Con đường sắt Vinh – Đông-hà. Giấy hữu-ái buộc ta liền một giải. Nay nhà-nước mở quyên Công-thái. Sáu triệu đồng ta phải góp cho xong. Sao cho nỗi tiếng Lạc-Hồng. Sao cho tiện-lợi giao thông tam-kỳ Phú cường cũng ở hồi ni

VẤN-ĐỀ KINH-TẾ CỦA DÂN TA NGÀY NAY

Cái tư-tưởng kinh-tế và cái năng-lực kinh-tế

Cái vấn-đề kinh-tế của quốc-dân ta ngày nay thật là một vấn-đề quan-thiết nhất. Phàm những nhà đã nhận lấy cái chức-trách ngôn-luận, muốn bàn về những việc ích chung cho quốc-dân thời thiết-tưởng nên lưu-tâm bàn kỹ về đường kinh-tế mới phải. Đã hay rằng: Đạo-đức cần phải bàn, học-thuật cần phải giảng, văn-chương cần phải có, song cái sinh-kế của quốc-dân hãy còn eo-hẹp thời há có thể bỏ qua được sự mưu-sinh là sự tối-cấp mà theo cả về đạo-đức, văn-học được ru? Hiện-tình quốc-dân ta đương ở trong cái quãng sinh-kế eo-hẹp, vậy thời sự kinh-tế không thể bàn qua mà được.

Xét nhà địa-lý-học có nói: « Nhân loại tiến-bộ phải theo cái trình-độ của xã-hội mà tiến dần, cái trình-độ trong một xã-hội mới mở-mang, thời trước hết nên nghĩ đến sự tối-cấp, rồi mới đến sự thứ cấp, rồi nữa mới đến sự thứ-cấp nữa. Cơm ăn, áo mặc, nhà ở là những cái tối-cấp đó, những cái tối-cấp ấy nếu có được đủ, rồi mới có thể tiến lên mà cầu được những sự bảo-hộ cho sinh-mệnh, tài-sản, lại tiến lên nữa mà cầu đến những cái khoái-lạc cho khu-sác và linh-hồn cùng là nghiên-cứu về đạo-đức, học-vấn v. . . v. . . » ấy cứ lấy lẽ như vậy mà xét vào cái trình-độ trong xã-hội ta ngày nay, thời có thể biết rõ được rằng: Dân ta cần nên nghĩ sự tối-cấp trước.

Hiện nay những nhà có tư-tưởng, những người có tâm-huyết, lo tính đến những việc ích chung, thời hằng phát ra câu than rằng: « Người mình ít có cái tư-tưởng kinh-tế » Ôi! người mình ít có cái tư-tưởng kinh-tế thật! Song tôi thiết-tưởng: Người mình ngày nay không phải là toàn-nhiên không có cái tư-tưởng về kinh-tế cả đâu, không có cái *Tư-tưởng Thực-tế* và cái *Năng-lực Kinh-tế* đó mà thôi. Tư-tưởng thực-tế về kinh-tế đã kém, năng-lực về kinh-tế lại càng kém, thời vội mong rằng kinh-tế phát-đạt, sao được?

Phàm muốn làm một việc gì cũng vậy, cái năng-lực vẫn trọng hơn là cái tư-tưởng, vì cái tư-tưởng phổ-thông thời nhờ ở sự kiến-văn mà sinh ra, cái tư-tưởng thực-tế thời nhờ ở sự học-vấn mà hiểu được; nhờ ở sự kiến-văn thời chỉ độ vài tháng cũng có thể biết được nhiều, nhờ ở sự học-vấn chỉ độ vài năm cũng có thể biết được rộng. Còn như cái năng lực thời tất phải tự-cầu ở tâm-chí mình thời mới nên. Cho nên kẻ kém tư-tưởng có thể luyện-lập cho thành người có tư-tưởng, mà kẻ kém năng-lực thời khó lòng làm cho thành người có năng-lực được. — Thế nhưng mà tư-tưởng muốn cho được thật sác-đáng thời cũng không dễ, tư-tưởng có sác-đáng thời mới có thể giúp thêm cho người có năng-lực làm nên được những việc hay, nếu muốn có tư-tưởng mà nghĩ những sự viển-vông không đâu vào đâu, thời cái tư-tưởng đó mới là vô-ích. Bởi vậy cái tư-tưởng thực-tế cũng cần phải nên trọng lắm.

Sự kinh-tế trong một nước, cần phải có nhà tư-tưởng rộng, lại cần phải có nhà năng-lực nhiều, hai đằng

ấy nếu khuyết một đằng nào thời cũng điều là phương-hại cho đường kinh-tế cả. Nhất là cái trình-độ trong một nước mới mở-mang, các nhà có năng-lực chưa có là mấy, thời những nhà tư-tưởng để suy nghĩ và cổ-động, há chẳng càng nên coi trọng ru ?

Nay trước hết xin nói về phần tư-tưởng kinh-tế của người mình ngày nay. — Ôi ! người có tư-tưởng tức là chỉ đường dẫn lối cho người đi, người mở-mang đó ; đi được cho đến nơi, mở được cho đường rộng, thời tất phải nhờ ở cái năng-lực của người đi đó thời mới nên, lẽ ấy đã cố-nhiên, song cái sự chỉ-dẫn cho người đi khỏi phải lạc đường, thời cũng quan-hệ ở người có tư-tưởng lắm. Sự kinh-tế của dân ta ngày nay vì cũng như một con đường dài vô-hạn, mà lại lắm ngả này ngả khác, đi không biết lối nào cho tiện cho cùng, thế thời những nhà có tư-tưởng ngày nay dẫu không có thể tự đi được tới, nhưng cũng cần nên biết cho rộng cho tường, để mách bảo người đi thời mới phải.

Cứ xét cái vấn-đề kinh-tế hiện-thời cũng không phải là ít người bàn-bạc. Từ đầu nguồn cho chí góc bể, phàm mối lợi nào có thể mở-mang được thời điều đã có ông bàn qua, từ mặt đất cho chí dầu non, phàm vật-chất gì có thể dùng được việc thời cũng đã có người kể đến ; nhà đại-nghị-luận thời bàn rộng đến những vấn-đề chấn-chỉnh cho thương-trường, khoáng-trương cho nông-giới, công-giới, toàn là những vấn-đề to-tát, không những ích-lợi cho một xứ, mà lại có thể ích-lợi đến toàn-quốc nữa. Ôi ! trong các vấn-đề đó, nếu chỉ được lấy một bài đem ra thi-hành mà có công-hiệu được, thời thật cũng đã ích-lợi cho dân ta lắm rồi, thế mà xét thực ra thời có lẽ những bài bàn đó, quốc-dân phần nhiều cũng chỉ coi như bài văn, ít người chịu đem ra dùng làm cái phương-pháp thực-hành trong sự kinh-tế. Ấy đó là quốc-dân kém cái năng-lực kinh tế thời đã đành, song thiết-tưởng cái năng-lực của quốc-dân dẫu kém, nhưng cái phần tư-tưởng để dẫn lối cho quốc-dân, cũng vị-tất đã giảm công-nhận là hoàn-toàn cả.

Phàm bàn đến một việc gì muốn cho có ích đến quốc-dân, thời dẫu chuyên nói một việc, nhưng cũng có thể bổ-ích cho mọi người được. Chuyên nói một việc, mà xét cho thật kỹ, nói cho thật rõ, thời tức là một cái phương-pháp hay để giúp người noi theo mà làm việc ấy ; tuy bảo việc thành ra, là nhờ ở cái năng-lực người làm, song sẵn có phương-pháp hay, thời người ta có thể noi theo cái cốt-yếu đó mà suy-nghĩ rộng ra, tức là mình chỉ lối không sai cho người đi được tới đó. Nay các nhà ngôn-luận tuy vẫn sẵn có cái tư-tưởng kinh-tế, nhưng muốn nói đến sự mở-mang công-xưởng mà cách mở-mang nên như thế nào không nói rõ, thời tất người cũng không biết đâu mà noi theo ; muốn nói đến sự nên lập đồn-điền, nhưng ruộng đất thế nào không kể tường, thời tất người cũng không tự biết mà làm được. Huống nữa trong một bài luận, bàn vung những nguồn lợi nọ, những mối lợi kia, mà rút lại

Sự giàu sang có khi ở đâu đem lại như trong giấc hoàng lương.
Nhưng muốn mong được giàu sang như thế,
trong tay phải có vé Quốc-trái, mỗi vé 50 đồng mà rút số trúng
nay mai được ngay một vạn bạc hẳn-hoi.

cái cốt yếu để chỉ nẻo cho người đi không có, thế thời còn ích cho người được sao ? — Sản-vật này nên làm cho một ngày một thêm, hóa-vật kia nên chế cho một ngày một khéo, nhưng cái cách làm cho sản-vật một ngày một thêm, hóa-vật một ngày một khéo lại còn phải đợi có người bàn kỹ, có người nói rõ, thời những bài bàn trước đó cũng là vô-công !

Nói cho phải ra thời những bài bàn về kinh-tế của ta, phần nhiều chỉ như là những bài tựa về sách kinh-tế, mà sách dạy thực-hành kinh-tế vẫn chưa có, nên tư-tưởng-lực chưa giúp cho đường kinh-tế được, cũng là vì thế mà thôi ! Ôi ! Thế thời bảo : không có cái tư-tưởng thực-tế về kinh-tế, tưởng cũng không quá.

Thế nhưng mà cái trình-độ nước ta ngày nay đương vào lúc mới mở-mang, con đường thịnh-lợi còn phải mở dần thời ta cũng phải bước dần dần lên, không bước vội ngay mà được. Vậy thời cái tư-tưởng phổ-thông về kinh-tế cũng cần phải có, cũng cần phải bàn, qui-hồ đừng có viển-vông thời thôi, còn bàn phổ-thông mà thiết-thực ra thời cũng là hay cả, vì trước có phổ-thông rồi sau mới có thực-tế được. Nếu bảo rằng : Phải đợi đến khi luyện được cái tư-tưởng thực-tế mới nên bàn về kinh-tế, thời khác nào như muốn điều-bồ cho người yếu-ớt mà lại nói rằng : Đợi khi nghiên-cứu được cách điều-bồ rồi mới điều-bồ, nói thế mà được ru ?

Huống chi cái kiến-thức con người ta có hạn, mà công việc mở-mang thời không biết đâu là cùng, nhà tư-tưởng nọ lại cần phải có nhà tư-tưởng kia bàn lại, bàn đi, thời mới có thể giúp cho những nhà thực-hành làm nên công-việc, nhưng lựa chọn mà theo, cố sức mà làm, cho được không lầm không lỗi, thời lại cốt ở những nhà thực-hành tự xét cho cùng, tự làm cho trọn thời mới nên. Thế thời sự kinh-tế ngày nay không thể chuyên-trách được ở những nha tư-tưởng, lại cần phải mong ở cái năng-lực của những nhà thực-hành lắm.

Xin nói đến phần năng-lực kinh-tế của người mình ngày nay. — Tư-tưởng thực-tế của các nhà ngôn-luận, tuy bảo là chưa có được mấy, song lấy cái tư-tưởng phổ-thông mà bàn về kinh-tế thời kể cũng đã là nhiều, vậy cứ về đường tư-tưởng mà xét ra, cũng còn có mong rằng : Sau này sẽ nhờ ở sự học-thức mà mở-mang rộng được. Còn như cái phần thực-hành kinh-tế ngày nay thử hỏi đã trông thấy mấy người đáng gọi là thật có năng-lực được chưa ?

— Đem cái phần người thực-hành về kinh-tế, so với phần nghị-luận về kinh-tế, thời phần nghị-luận vẫn nhiều hơn, mà trong phần nghị-luận thời tư-tưởng hoặc còn thấy nhiều, chứ trong phần thực-hành thời năng-lực thật là có ít.

Phải, thật thế, hiện nay trong nước ta tuy nông-giới cũng đã có khai-khẩn được nhiều nơi, thương-giới cũng đã có người mở-mang được to-tát ; song nói ngay trong một xứ Bắc-kỳ ta 7

Năm chục đồng bạc bỏ trong lọ chôn kỹ một chỗ, ba mươi năm nữa, vẫn chỉ có năm chục mà thôi. — Mua một vé Quốc-trái 50 đồng thời ít nhất cũng thành được 100 đồng.

triệu con người, mà mới được độ 3, 4 nhà cùng lắm đến 5, 6, 7 nhà đáng gọi là nhà thực-nghiệp, thời cái năng-lực kinh-tế của người mình coi như thế nào, ta có thể biết rõ được vậy. Vả lại phàm những nhà đại-tư-bản-dắt-dìu và giúp đỡ cho những người có năng-lực mà thế-lực chưa đủ, có thể tiến lên mà liên-lạc với mình để cùng mở-mang mọi đường ích chung, thời cái năng-lực mới là hoàn-toàn được. Nay sự đó còn phải để ở trong sự mong-mỏi, thời há chẳng là một điều khuyết-điểm ru? Thử xem người Trung-hoa sang ta dày, thương-đoàn của họ lúc nào cũng vững-vàng, chỗ nào cũng liên-lạc, cho nên quyền lợi họ cùng được hưởng chung cả, kẻ nọ bắt chước kẻ kia, kẻ này giúp đỡ kẻ khác mà thành ra kẻ nào cũng được thành một cái năng-lực về nghề buôn-bán; ta có thể nói tóm được một câu rằng: « Người Tàu có năng-lực về buôn-bán hơn người mình, há chẳng là do ở cái đoàn-lực họ hơn mình, cho nên năng-lực họ cũng hơn mình ru? » Ôi! thế nào gọi là có năng-lực? Có năng-lực là làm việc phải bền lòng vững chí, vận hết trí-não làm-huyết mà làm cho việc tất được thành, lại phải nghĩ rộng để cho do cái con đường thịnh-lợi mà ích chung đến mọi người, thời mới có thể trước là ích cho mình, sau là làm gương cho người khác được.

Cái năng-lực kinh-tế của dân ta ngày nay ở đâu? Năng-lực kinh-tế của dân ta ngày nay ở đâu?? Thương-đoàn chưa kết đã tan, thương-hội chưa thành đã vỡ! Mối lợi từ đâu nguồn cuối bể, cũng cứ dành chịu xin nhường người, tư-bản có hằng ức hàng triệu, cũng không mở được đường công-ích!! Thậm-chí lại có nhà động mở-mang đến việc gì mà thấy hơi chắc-trở là ngã lòng và bỏ ngay; lại có nhà chuyên giữ một nghề-nghiệp mà thường thấy một ngày một lùi kém. Cứ coi đó thời lại càng thêm biết cái năng-lực của người mình nữa!

Than ôi! tư-tưởng nếu không sắc-thực thời khó lòng mà có ích cho việc làm, năng-lực nếu không có đủ thời khó lòng mà làm việc được thành-hiệu. Luận-giả trộm tưởng: bàn đến sự kinh-tế ngày nay không cứ phải bàn khắp những đường ích nọ, những mối lợi kia, cốt sao tìm ngay những việc thiết-cận dễ làm, mà nói cho đến nơi đến chốn, để cho những nhà tư-bản đem cái trí-lực mà làm ngay được thời mới có bổ-ích cho sự kinh-tế được ngay. Còn như những nhà đã theo về thực-nghiệp, nên xét những mối lợi nào có thể mở-mang được, thời hết lòng mà chuyên theo, dù có khó khăn cũng không quản-ngại, thời việc làm tất là thành-hiệu, vì chuyên làm một việc mà được trọn vẹn thời còn hơn là nay nghĩ mở-mang việc này, mai nghĩ mở-mang việc khác mà rút lại chẳng thấy công-hiệu gì cả. — Ấy cái tư-tưởng và cái năng-lực của người mình ngày nay hãy cứ được như thế, thời cũng đã là có ích cho dường kinh-tế được.

Luận-giả cũng tự biết mấy lời bàn đây, cũng lại sơ-lược như là bài tựa về kinh-tế vậy, song thật ra thời cũng không phải là tựa về những việc kinh-tế đâu, cốt là xin nói đến cái tư-tưởng và cái năng-lực kinh-tế của người mình ngày nay, để mong những nhà tư-tưởng cố gắng cho được thực-tế, những nhà kinh-tế cố luyện cho có năng-lực; ấy tức là một bài gợi lên hai cái cốt-yếu đó.

TRỊNH-ĐÌNH-RU

KHẢO VỀ NGHỀ IN

Kỳ trước Bản-chí đã kê-cứu qua về nhà in và các lối in tưởng đọc một bài ấy cũng đủ biết được ngành-khái về nghề ấn vậy. Song bởi vì Ích-Hữu-Thư-Xã của chúng tôi lập nên cũng để mở-mang một nhà in lớn giúp vào việc văn-học của quốc-dân, hi-vọng được như nhà Thương-vụ-ấn-thư-quán, thiết-tưởng chúng tôi cần phải khảo xét kỹ-lưỡng nghề in từ xưa đến nay nguyên-ủy thế nào, để công-bố ra với quốc-dân, cũng là để quốc-dân xét đến cái khổ-tâm của chúng tôi vì thư-xã mà hết sức nghiên-cứu, mong khỏi phụ lòng các ngài đã có bụng tin yêu mà vào cổ-phần với chúng tôi vậy.

Từ kỳ này mà đi lại xin mỗi kỳ đăng một bài tường-thuật về việc làm nhà in thế nào, gọi là công-hiến các ngài muốn biết rõ việc nhà in, xem đó khắc hiểu thấu vậy.

Nghề in hoạt-bản là để sắp các chữ đời thành chữ nguyên, thành giòng, thành trang theo như văn đã viết ra để in lên giấy hay các thứ khác thành ra nhiều bản giống nhau. Nghề in cũng là một nghề tối-tân vậy. Có nhiều người cho nghề in đã có từ đời thượng-cổ hay do người Trung-hoa sáng-kiến ra, thực là nhầm to lắm vậy, vì nghề in điêu-khắc bằng thạch-bản, mộc-bản, kim-loại-bản (*xylographie*) thì chẳng cứ gì Trung-quốc, các nước đại-biểu cho các cựu-văn-minh trong thế-giới đều có nghĩ ra cả,

HÃM VỀ QUỐC-TRÁI

Tiện đây xin chuốc chén quỳnh,
Xin người quân-tử nhiệt-thành, nhiệt-thành nghĩa công.
Cần sáu triệu đồng.
Quốc-gia cần sáu triệu đồng,
Để làm đường sắt cho xong, cho xong phen này.
Lục-tỉnh ra đây.
Mai sau Lục-tỉnh ra đây.
Đường, đi rút lại dăm ngày, dăm ngày tới ngay.
Cũng bởi ngày nay.
Mai sau cũng bởi ngày nay.
Đông-hà ra Nghệ có rầy, có rầy hỏa-xa.
Cũng ở đời ta.
Nhưng mà cũng ở đời ta,
Cũng mua trái-phiếu để mà, để mà gày nên.
Một giải đường liền.

Nghề in điêu-khắc đó không phải là không thần-tình và không có công với thế-giới đâu. Từ xưa để lại bao nhiêu Tứ-thư, Ngũ-kinh, văn-chương học-thuật từ đời Chu, các sách ảnh thượng-cổ, bộ sách mẹo *Donats* trích-lục ở sách của Œlius Donats tiên-sinh người La-mã từ đệ-tứ-thế-kỷ, cùng sách kinh chép ở nhời đức Thích-ca và lịch-sử làm ở đời *Saka* nước Ấn-độ. Song ta nói đây là nói về nghề in chữ đời mà in sắp, đất thó hay chì lỏng, thiếc lỏng vào khuôn chữ mày-đay, đồng tiền hay các vật gì có chạm để lấy hình các vật đó sang. Nghề in đó là ông Gutenberg sáng-nghĩ ra vào khoảng năm 1440 tại thành Strasbourg, trước còn làm những chữ đời bằng gỗ. Đến năm 1444, ông sang Mayence, hợp vốn với một nhà cho vay lãi là Jean Fust hay là Faust mà làm. Sau lại chung với một nhà thiếp thức Pierre Schæffer. Sang ở đấy ông nghĩ ra cách dùng các thoi kim-loại khắc bằng con giáo con thành ra chữ lồi. Những chữ ấy sắp lại với nhau đóng thành khuôn vừa trang giấy để vào máy mà in bằng mực, chế được mực in nữa là nhà in đã hoàn-bị vậy. — Mấy nhà chung công cùng sức mà sáng-tạo nên nhà in rồi bắt đầu in ngay bộ Thánh-kinh bằng chữ La-tinh (*Bible latine*), đến năm 1450 thì in xong. Sau in một quyển *Psautier* là sách in đầu cả, gọi là « de Mayence » xuất-bản năm 1457 có đề rõ-ràng cả niên-hiệu, nơi in và tên các nhà ấn-giả là ba nhà vậy. Về thời đó những sách-vở giấy-má in đều gọi là sách-vở giấy-má làm bắt chiếc sách-vở giấy-má chép tay hay là sách chép tay giả vậy. Ông Henri Fournier nói rằng: « Những nhà sáng-kiến ra nghề in, nhân người đồng-thời chưa biết mình làm cách nào mà in được, được hưởng một mối độc-quyền rất to, và bán sách in cũng bằng giá sách viết nên được lời lắm ». Tuy vậy mà nghề in cũng không giữ bí-mật được mãi, vì đến năm 1462 Fust đến thành Pha-lê, đem một ít Thánh-kinh La-tinh mà bán lại tính giá rất rẻ hơn sách viết nhiều. Người thời bấy giờ ngờ là có phép quỉ-thuật, bèn đến tận nhà Fust mà khám-xét thấy trong đó còn nhiều sách Thánh-kinh giống nhau như hệt. Fust phải vào tù, hắn xin tuyên-bố tất cả các cách làm thế nào mà được nhiều sách giống nhau như vậy thì mới được tha. Ngoài ra những người đồng-chí về việc sáng-kiến nghề in với ông Gutenberg cũng hay bép-xép nên chẳng được bao lâu thì các nơi người thiên-hạ đều biết hết cả các điều bí-mật. Được ít lâu nghề in sách truyền-bá ra khắp các nước trong châu Âu, đâu đâu cũng có nhà in, đếm cả thảy được hơn hai trăm nhà. Khi bấy giờ sách in cũng làm tương-tự như sách chép tay cả mà gọi là *incunable*, đến bây giờ còn quyền nào thì quí như vàng như ngọc vậy. Chữ in dùng toàn lối chữ vuông (*Caractères gothiques*) vì lối chữ đó dễ khắc.

Ông Ulrie Gering trước nhất mang nghề in vào nước Pháp rồi ngày một bồng-bột, thành ra một thứ công-nghệ to-tát nhất cho đến mãi bây giờ. Ông nguyên là người nghĩ ra nên dùng chữ *Romain* (chữ in thường bây giờ) mà in vậy. Sau các ông tiến-sĩ ở trường Quốc-học Sorbonne đón hai nhà Martin Krantz và Michel Friburger ở bên nước Đức sang lập nhà in ngay ở trong nhà trường vào năm 1470. Đến thập-lục thế-kỷ thì những nhà in có những nhà đại-tài bác-học trông coi, như những ông Vérard Etienne Dolet, Simon, de Colines, Vascosan, anh em ông Morel, anh em ông Etienne đã in ra được nhiều bộ sách rất đẹp mà văn-chương lại cao-kỳ lắm, ở thành Lyon có anh em ông Gryphe và anh em ông Tournes. Đến thập-thất-thế-kỷ thì ông Gramoisy được cử làm chủ-nhiệm nhà Quốc-vương ấn-quán (*L'imprimerie Royale*) sáng-lập ra từ năm 1640. Đến thập-bát thế-kỷ thì có những ông Amoson, anh em ông Barbou, anh em ông Didot và anh em ông Panckoucke v. v. làm nhà in.

Ở bên Ý-đại-lợi tại thành La-mã có nhà in từ năm 1467 những thành Venise, Milan và nhiều nơi khác điều có nhà in cả. Ông Nicolas Jenson tức là Janson để tại Pháp sang sáng-lập nhà in tại thành Venise, nhà họ Alde ba đời kế-thế làm nhà in đã giúp được nhiều công-lao vào việc cải-cách của nghề, về mấy năm cuối thế-kỷ thứ thập-ngũ cũng sang Venise làm. Trong họ đó có ông Alde Manuce chế ra thứ chữ in siêu (*Italique*) và in được đủ các áng văn-chương Hy-lạp; trong việc đó đã được nhiều nhà bác-học đến giúp sức lắm. Ông Jean Baptiste Bodoni làm nhà in ở thành Parme, thiên-hạ đặt biệt-hiệu là *Le Didot de l'Italie* đã nổi danh khắp cõi Âu-châu về thời thập-bát thế-kỷ vì ông in được các lối chữ Hy-lạp La-tinh Ý-đại-lợi và Đại-Pháp rất đẹp.

Cha con ông Elzevier người nước Hòa-lan (Hollande) về thập-thất thế-kỷ đã nên danh-giá to và những sách in ở nhà ấy ra coi rất đẹp đến bây giờ các nhà chứa đồ cổ vẫn tìm mua giả đắt tiền lắm. Nhà ấy đã chế ra một lối chữ in mới lấy tên mình mà đặt tên gọi là lối chữ *Elzévir*; nhà ấy đã lập ra nhà in trong những tỉnh Louvraim Leyde, Amsterdam, Utrecht. Trước thời trong nước Hòa-lan cũng có ông Christophe Plantin sinh tại Touraire cũng đã lập nhà in tại Anvers về năm 1560 và đã từng nổi danh-giá.

Bên nước Anh-cát-lợi thì ông William Caxton mở nhà in trước nhất tại thành Westminster trong năm 1474.

Bên nước Pháp thời các bực quân-vương đều có lòng bảo-hộ cho nghề nhà in mau phát-đạt. Louis XI hoàng-đế, Charles VIII hoàng-đế, Louis XII hoàng-đế, François 1er hoàng-đế, Charles IX hoàng-đế, Henri III hoàng-đế đều hết sức bênh vực nghề in cả. Nghề in ở nước Pháp nhờ vả nhất về François 1er hoàng-đế. Khi ngài lập trường Pháp-quốc Trung-học-đường, (Collège de France) người đã có cho dạy các người làm nhà in học chữ Hébreux, chữ Hy-lạp, La-tinh và chữ Pháp. Tuy thế mà vua cũng có một đạo chỉ-dụ cấm ngặt các nhà in không được in bán các quyển sách mà chưa được Đại-học-đường và Bác-vật-viện kiểm-duyệt cho phép; bấy giờ ông Etienne Dolet in sách để truyền-bá tư-tưởng phản-đạo phải tội treo và đốt thây ở công-viên Maubert về năm 1546. Song François 1er hoàng-đế rất có công với cuộc chấn-hưng văn-học nước Pháp nên

---

Chỉ có dân dã-man mới không biết dùng xe lửa ích-lợi thế nào. Người nào đã hiểu sự ích-lợi ấy, phải cho vay tiền để làm đường xe-lửa cho nhiều. Cho vay thế vừa lợi cho mình, vừa lợi cho nước.

lịch-sử tôn là Tổ-văn-học (*père des lettres*) nước Pháp vậy. Đời Henri IV hoàng-đế thời các nhà in làm nghề in được hưởng hết các quyền-lợi mà các vua tiền-triều đã cho, chứ không cấm ngặt điều gì cả. Đời vua Louis XIII thì nghề in tiến-bộ lạ-lùng, người dã sáng-lập ra nhà Quốc-vương ấn-quán (*Imprimerie royale*) sau gọi là Quốc-gia ấn-quán (*Imprimerie Nationale*) và thời ấy mới có định qui-tắc chung cho các ấn-quán và thư-điếm, cùng lập ra đại-biểu-phòng cho phe các nhà ấn-cục cùng thư-xã. Hội-nghị cũng ở thời ấy, vào năm 1621 bắt đầu có lệ kiểm-duyệt các sách vở để in, và đặt ra bốn ông kiểm-duyệt trong nước vậy. Từ khi ấy cho mãi đến thời Cách-mệnh (La Révolution française) sách nào muốn xuất-bản cũng phải đợi phép kiểm-duyệt mới được in và trong sách, phải có đề chữ Thụ-hoàng-ân (*Par privilège du roi*) vào mới được. Louis XIV hoàng-đế cũng nhiệt-thành với các nhà công-nghệ mỹ-thuật văn-tài nên trong thời có nhiều vĩ-nhân nổi tiếng rất to. Người đã sai những nhà in tư làm cho ngài một việc rất nhơn, là in bộ cảo-thơm các văn La-tinh *Adusum Delphini*. Tuy thế mà người cũng có nhiều điều tàn-nhẫn với nghề nhà in lắm. Người giao cho nghị-viện xét các sách, nghị-viện bảo quyền nào nên đốt thì người sai đốt tiệt đi, cùng làm hình tội những người in sách và làm sách ấy, bởi thế cho nên nước Hòa-lan đã làm một nơi cho những kẻ sợ nhà ngục Bastille kia rình mình thì sang ngụ ở đó cả. Trong hơn một thế-kỷ biết bao kiệt-sĩ thi-nhân đã mang thân đào thải sang nước Hòa-lan mà châu chìm ngọc náu kín tiếng im hơi, nên in ra những quyển sách nhỏ tí mà thống-mạ người đời, gửi về tổ-quốc, cổ-động dòng-bang, vì thế tư-tưởng tự-do mới ba-cập khắp trong các người nước Pháp. Mãi đến khi đế-quyền đã hết thì mới khỏi sự chốn tránh vậy. Đến khi đại-hội-đồng quốc-chính tuyên-bố dân quyền thì có cho nghề in làm sách tha-hồ tự-do. Than ôi! Sự vui ngắn chửa đầy gang! Đến đời Đế-chính (Empire) lại phải cấm ngặt và xét khám luôn như trước. Theo như những chỉ-dụ năm 1810 và 1811 số nhà in chỉ có giới-hạn nhiều nhà phải đóng cửa. Đến thời Phục-binh (La Révolution) trước được rộng-rãi sau thắt chặt lại dần, dù có những ông Banjamin Constant, ông Charte đã từng công-nhận điều tự-do ấn-hành từ năm 1814 các ông ấy bênh-vực mà cũng không nổi. Đến năm 1826 lại có một điều luật rất ngặt để kiểm-xét nhà in, bấy giờ ông Châteaubriand là một nhà văn-sĩ trứ-danh hiện đương làm Thượng-thư bộ Hình hết sức bác đi, sau lại có một đạo nghị-định ngày 25 Juillet 1830 cấm sự tự-do ấn-hành. Hết kỳ loạn năm 1830 thì nhà nước lại bỏ lệ kiểm-duyệt sách, còn các nhà in thì giao cho một hội-đồng trông nom, có lỗi mới hỏi đến. Song hội-đồng bị nhiều dảng công-kích, bèn xin với nghị-viện đặt ra luật-lệ mới cho nhà in, đến tháng Février 1848 những luật-lệ ấy cũng điều không công-hiệu gì. Đến kỳ loạn tháng Février ấy cũng công-nhận sự tự-do ấn-hành mà đã giao bằng-cấp về nghề in cho mấy hội nhà in rồi. Đến đời vua Napoléon III năm 1852 có mấy đạo chỉ-dụ tự-nhiên cấm tự-do ấn-hành sách và bắt đóng cửa, nhiều ấn-quán sự kiểm-xoát lại ngặt hơn cả các đời trước. Đến năm 1868 thời cũng hơi dễ chịu một chút, vì phải tự-do hầu sắp đánh đổ được phái quân-chủ. Chính-trị Quốc-phòng (*La défense nationale*) thực đã là một thời rất có ân

có công với các ấn-quán thư-cục về sau này. Luật ngày 26 Juillet 1884 đã cho hẳn các ấn-quán và thư-cục được toàn-quyền tự-do mà khuếch-trương nghề mình. Tuy thế mà mỗi nhà in sách phải gửi đến tòa án 2 quyển sách của mình đã in để vào trong kho sách của nhà nước. Từ đó về sau biết bao nhiêu tư-tưởng văn-tài của các nhà thông-kim quán-cổ bác-học thâm-nho được giãi bầy trên mặt giấy trắng mà truyền-bá khắp gần-xa, lưu lại đến nghìn thu cũng không mất. Ôi! Như vậy cái điều ngôn-luận tự-do, cái sự ấn-hành tự-do là đầu sự truyền-bá văn-minh học-thuật, há ta là người hưởng kết-quả lại chẳng đáng hoan-nghênh mà đốt hương thờ-phụng đó ru?

Nghề nhà in trải trong gần ba thế-kỷ hình như không có cải cách gì. Tuy rằng những sách in ở nhà anh em ông Etienne và anh em ông Didot cũng có phần sạch-sẽ hơn sách in ở công-ty ông Gutenberg. Tuy rằng nghề khắc chữ đã trải bao nhiêu đời, các nhà mỹ-thuật bác-học mới tới được thập-thất thế-kỷ là lúc đã thay chữ *Romains* sang chữ *Gothique*, sáng nghĩ ra kiểu *Italique*, rồi sau dần dần dùng đến cách pha kim-loại với nhau mà đúc chữ; biết dùng đến trương sách (*folio*) chữ hoa (*Majuscules*) dấu xuống dòng (*alinéas*), nhưng mà cũng toàn là những điều tiến-bộ nhỏ-mọn đó mà thôi. Ông Gutenberg chế ra máy in theo kiểu như máy ép nho làm rượu gọi là *presse à nerfs* vì trong máy có vô-số là giây chằng trên chằng dưới để khiến cho máy chạy, từ khi ấy đến sau, đã được đến bốn thế-kỷ mà các nhà in cứ chịu dùng mãi máy ấy không cải-cách được một tí nào. Máy ấy bằng gỗ vừa nặng lại vừa chạy chậm, mỗi lần in chỉ in được một tờ khổ nhỏ mà thôi. Duy về sau chỉ có đặt thêm một tấm ván to (*platine*) lên trên cái bàn mặt máy ép cho được rộng thêm chỗ mà thôi. Đến cuối thập-bát thế-kỷ mới không dùng máy gỗ, mà làm bằng sắt bằng gang cả. Đó là do ông Brichet người Pháp làm nghề làm máy in bằng gỗ sáng nghĩ ra vậy. Ông lại làm cho cái chân danh ốc cắm xuống hơi chênh-chếch nữa cho nên ông làm được cái máy chạy càng trơn hơn và mạnh hơn. Cũng vào thời ấy vào năm 1797 có người Mỹ tên là Georges Clymer chạy một cái máy in bằng sắt đặt tên là *Colombienne*, đến năm 1817 thì bên nước Anh cũng bắt chước mà dùng theo. Đến năm 1820 thì ông Nord Stanhope khéo nghĩ cách dựa phép đòn bẩn (*système de levier*) mà chế ra một cái máy in bằng gang thực khéo thu-xếp nên máy được ngay-ngắn vững-vàng, mà các bộ-phận trong máy đề đăng-đối nhau thực đều cho nên lúc in được dễ không phải mắc-mứu gì. Từ năm 1820 giở đi các nhà đúc máy bên Pháp dựa theo kiểu máy của ông Stanhope ấy và kiểu máy gọi tên là Allion mà cái cách dần-dần được nhiều vậy.

Tra mực vào khuôn chữ để in thì dùng những cuộn nỉ ngoài bọc da gọi là *balles* lăn trên đống mực cho đều rồi lăn qua mặt bát chữ (*page*). Tuy vậy mà nhân-công làm vào máy in lối cổ ấy hãi còn nhiều lắm, tất phải chế ra máy tự-động thì mới đỡ được. Có ông Frédéric Koenig người ở Eisleben (Saxe) hết sức thí-nghiệm mãi sau đến năm 1801 mới thành kết-quả chế ra được một lối máy in dùng ít nhân-công, đem đến thành Londres in thử tập

Manuel Register. Rồi ông Koenig là nhà xuất-bản báo *Times*, nhờ có người đồng-quận là ông Baner và có ông Thomas Benoley chủ nhà in giúp sức trong ba tháng giời tìm-tòi mãi mới chế ra một bộ máy mới thực là máy in kiểu mới (*machine typographique*) Máy ấy từ năm 1811 đã đem in báo *Times* mỗi giờ chạy được từ 700 cho tới 800 tờ. Trong máy ấy không phải phiền lăn mực trên mặt chữ nữa, đã có hai cuộn dạ tẩm mực sát cọ vào nhau mà tự-nhiên bôi lên trên chữ. Năm sau ông Koenig và ông Baner chế ống ép, rồi đến hôm 28 Novembre 1814 tòa báo *Times* đã có máy in hai ống (*machine à double-cylindre*) in vậy. Đến năm 1816 hai ông lại chế ra máy trở (*machine à retiration*), thế là một lúc may in được cả hai mặt giấy vậy. Sau có hai nhà in làm máy nước Anh, là ông Cowper và ông Applegath chữa thêm vào máy ông Koenig và một người nữa là ông Miller chế ra một cái máy mới mỗi giờ in được 2000 tờ Ngoài ra thì nước Cologne có ông Sutirins, từ năm 1808 đã chế ra một thứ máy một lúc in được tám tờ đã được nước Pháp cấp bằng khen và cũng kể là nhà sáng-tạo thứ nhất ra lối máy quay (*machine rotative*) vậy. Cứ xem như vậy thời sự chế máy in bằng gang bằng sắt là của nước Anh nghĩ ra trước mà công thì ở hai ông Koenig và Baner.

Ở bên Pháp vào khoảng năm 1819 có ông Gannel tiến-sĩ, nhân có một người sửa giấy in (*correcteur d'imprimerie*) là ông Chegaray bầy ý-kiến mới chế ra một thứ keo làm bằng bột nếp quánh (*colle gélatine*) hay keo (*colle forte*) chộn với mật mía (*mélasse*) rúc lại cho đặc mà đúc thành ống tròn, phơi khô mó nó bóng-bóng để lăn mực cực tốt, chế được ống thứ nhất giao cho người thợ tên là Maillot dùng thử. Ống ấy khi đổ vào khuôn phải cho nhẵn, chất nó mềm-mại, thực là thích-hợp cho các chữ in. Khi chế được ống ấy ra các thứ ống cũ bằng nỉ đều bỏ đi hết không ai dùng nữa. Sự sáng nghĩ ra ống lăn mực này tuy là nhỏ-mọn nhưng thực là tối-quan-hệ cho bước đường tiến-bộ của nghề ấn-loát. Do có nó mà các máy in có thể dùng hơi nước mà chạy được. Ôi! thực là vật khinh mà hình trọng vậy.

Những máy in tự-động chạy trước tiên ở thành Pha-lê là do ở ngoại-quốc đến, nhất là do nước Anh và nước Đức. Thành Luân-đôn gửi những máy kép (*machines doubles*) của những nhà Cowper và Applegath sang, người Pháp gọi là máy Ăng-lê. Người Pháp cũng không chịu chậm chân lùi bước mãi, năm 1829 ông Gaveaux nghĩ ra được một kiểu máy mới, đến năm 1831 ông Sellégne chế ra một lối máy kép mới. Năm 1834 ông Thonnelier cũng làm được một lối máy kép khác nữa, cũng năm 1834 ấy ông Girodot và ông Aulliot chế ra máy mới lối thường. Còn những ông Rousselet, Normand Dutartre mỗi ông nghĩ ra một điều mới thành ra máy in về sau mới được vững-vàng để in. Bởi có các nhà lao-tâm kiệt-lực nghĩ-ngợi đổi thay mãi đến năm 1839 mới tìm được cách in các bản khắc bằng những máy mới ấy.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-HỢI

MỘT BỰC THIÊN-TÀI TRONG KHOA-HỌC-GIỚI NƯỚC PHÁP

ÔNG PASTEUR

(Tiếp theo)

Phép giồng đậu

(Les vaccinations)

Nếu đem tiêm vào con lợn giống Ấn-độ (Cobaye) đã lớn vài giọt nước trên kia, thứ nào rất độc chỉ trong vài giờ làm chết gà, thì con lợn ấy chống lại được mà hình như không khó chịu chút nào, cũng thứ nước ấy đem tiêm vào những con mới được một tháng hoặc một tuần lễ, nghĩa là càng yếu mãi đi cũng không thấy công-hiệu gì. Nhưng giá đem tiêm vào con vừa mới đẻ thì chết liền.

Nhưng cái này mới lại lạ nữa. Giá ta lấy ở con lợn mới được một ngày vừa mới chết đi ấy một giọt máu độc mà đem tiêm vào con lợn đã được một tuần-lễ thì nó chết. Giá đem một giọt máu của con lợn vừa chết đó tiêm vào con lợn đã được một tháng thì nó cũng chết. Lại đem một giọt máu của con lợn một tháng tiêm vào con lợn đã già thì nó cũng chết nốt. Các con vật ấy trước kia chống lại được một liều nước chứa vi-trùng bằng nhau bấy giờ chết cả, thì ra con trùng nguyên trước không độc đến khi vào mình con lợn mới đẻ thì hốt-nhiên lại sức, rồi khi vào mình các con vật càng lớn hơn thì cái sức ấy lại càng tăng mãi lên. Tức như các nhà khoa-học nói rằng: Con trùng ấy đã lần lần tăng thêm sức độc của nó.

Nhưng người ta tăng sức độc của con trùng được thì người ta cũng dẫm đi được. Chỉ đem để vào trong cái hầm lửa kín cái ống đựng nước nuôi trùng trong đã gieo con trùng vào rồi nút những ống ấy lại, sao cho giống trùng khác không vào được mà dưỡng-khí ở ngoài vào được. Đồ cho các ống, ống ấy cũ đi vài hôm rồi đem thử sức độc. Một giọt nước thường tiêm vào cho gà chỉ trong 24 giờ chết mà mấy giọt nước đã để một tháng không công-hiệu gì. Bây giờ những con gà ấy đã chống lại được nước

THƠ QUỐC-TRÁI

Nhà nước quyên quốc-trái,
Để làm việc lợi chung,
Anh em ta cố gắng,
Cho đủ sáu triệu đồng,
Để làm con đường sắt,
Nối liền Nam, Bắc, Trung,
Muốn cho được giầu nước,
Phải tính việc giao thông.

Giao thông được tiện lợi,
Trăm việc mới có lợi,
Từ Nghệ đến Đông-hà,
Lối đi không diệu-vợi,
Sĩ nông, công cùng thương,
Muôn việc đều mở-mang,
Dân giầu nước được mạnh,
Giống nòi mới vẻ vang.

nuôi trùng cũ yếu rồi, hay nói cho đúng sức độc đã giảm đi rồi, mà đem tiêm vào nó vài giọt nước nuôi trùng mới thật độc mọi khi, chỉ 24 giờ chết liền thì kỳ thay! Những con ấy không việc gì cả. Thế là từ đây những con gà ấy không mắc bệnh tả nữa. Mà thứ nước nuôi trùng cũ, yếu sức đi ấy tức thành ra đậu.

VIII

Bệnh Charbon

Thế là nhân nước nuôi trùng yếu sức mà đã phát-minh ra đậu rồi. Nhưng vì sự nghiên-cứu chứng-bệnh Charbon mà ông Pasteur mới khoáng-trương và thuyết-minh rõ-ràng được phương-pháp giồng đậu

Bệnh ấy làm hại mấy vùng chăn nuôi giầu nhất ở bên Pháp : xứ Beauce, xứ Brie, xứ Champagne, xứ Auvergne, v. v. Xứ Beauce một trăm con cừu mất một, xứ Provins mỗi năm thiệt hại 50 vạn phật-lăng mà cả nước Pháp mất hai mươi triệu. Nước Espagne (Tây-ba-nha) nước Hongrie (Hung-gia-lợi) nước Ruisse (Nga) nước Egypte (Ai-cập) nước Brésil đều tai-hại thế cả, mỗi nơi gọi một tên-nhưng vẫn là một chứng bệnh Charbon làm chết cừu, bò, ngựa, mà cả người nữa

Dữa dần cừu thấy con vật trụy cẳng xuống, thở hồng-hộc, mõm mũi sều bọt máu ra, rồi quay ra chết nhanh đến nỗi nhiều khi người chăn cừu cũng không biết rằng nó đã ốm. Giống bò chịu đựng được hơn. Tự vai đến bụng, da phồng lên chảy mủ thối. Nhưng chia ba m t phần thường khỏi. Năm 1850 họp một hội-đồng có các nhà thú-y và canh-nông để tìm xét lý-do và thuốc chữa bệnh ấy. Hội-đồng ấy chỉ nhận ra rằng bệnh ấy truyền-nhiễm tự con vật khác giống, tự giống vật sang người. Nghiên-cứu được có thế thôi.

Nhưng có một nhà khoa-học đại-tài tên đáng lưu-truyền lại là ông Davaine đã thấy ở trong máu các con vật ấy những con trùng mình giống sợi chỉ (filament), thoạt tiên ông không chú-ý gì đến, nhưng mấy năm sau, khi ông Pasteur đã tả hình giống men mỡ sữa (vibrion butyrique) ông Davaine thấy men ấy giống với con trùng hình sợi chỉ trước mình đã trông thấy mới lại nghiên-cứu lại tìm thấy trong máu con cừu mắc bệnh Charbon những sợi chỉ đã trông thấy trước, bấy giờ mới nói quyết rằng vì trông thấy nói thì chắc nó là lý-do của bệnh Charbon.

Nhưng những nhời nói quyết đó lại có các điều quan-sát mới thật trái hẳn lại.

Hai ông Jaillard và Leplal, giáo-sư ở hạt Val de Grace, lấy máu con bò chết bệnh Charbon tiêm vào con thỏ thì lại không thấy trong mình con thỏ ấy giống trùng trước ông Davaine đã trông thấy, mà chính ông Davaine thí-nghiệm lại cũng phải chịu rằng không. Lại lạ nữa : một sự thí-nghiệm mới của ông Paul Bert hình như lại chứng-minh rằng không phải con trùng ấy sinh ra bệnh Charbon

Thật vậy, ông Paul Bert lấy ít máu bệnh xét nghiệm thấy trong ấy thực có con trùng, mới đem để máu ấy dưới cái cốc lớn trong dưỡng-khí chịu áp-lực vào, áp-lực mạnh đến giống sinh trùng nào cũng phải chết. Máu bệnh đã làm sạch trùng thế rồi đem tiêm vào thỏ thì thỏ liền ma khám-nghiệm thỏ thì không thấy ở trong mình có trùng. Nhẽ thật hiển-nhiên : con trùng đã giết chết tự trước rồi, sau trong máu con vật mắc bệnh chết cũng không thấy trùng, thì chắc là không phải con trùng làm chết mà là thứ nước độc.

Chắc ai cũng nghĩ ngay rằng : Các sự phát-minh phản trái nhau như thế, chắc chỉ làm cho vấn-đề ấy rối thêm lên chứ giải-quyết làm sao được. Thật vậy các sự nghiên-cứu ấy đều thiếu phần đúng mực và không hợp phương-pháp nên không được chắc bằng lắm, chứ không được như cách ông Pasteur nghiên-cứu.

Trong thứ bệnh bí-mật ấy, có một điều cả các nhà thí-nghiệm đều nhận biết đã lâu lắm : là hễ lấy máu con vật mắc bệnh Charbon không cứ là vi-trùng nào, mà đem tiêm vào các con vật khác thì làm cho nó ốm hoặc chết ? Nhưng cái gì làm chết ? Có phải phần nước máu, phần nước độc như ông Paul Bert đã nói chắc ? Hay là các con trùng ở trong máu ?

Muốn giải-quyết vấn-đề ấy mà các sự thí-nghiệm cứ làm rối mãi lên thì phải dùng một phương-pháp rất đúng mực, các điều thí-nghiệm phải kế tiếp làm theo thứ-tự thật hợp-lý. một phương-pháp chung hễ đã dùng nghiên-cứu giống trùng bệnh Charbon được thì cũng dùng nghiên-cứu giống trùng cả các thứ bệnh được phương-pháp ấy, ông Pasteur đã có rồi. Chính phương-pháp ấy đã làm cho ông phát-minh được giống « men mỡ sữa » và con trùng bệnh tả gà. Ông chỉ việc thi-hành những phương-pháp ấy vào bệnh Charbon là được.

Ông lấy một lượt ống cho nước tiểu hoặc nước men bia vào là những nước nuôi con trùng tốt lắm, rồi ông lấy một giọt nước máu bệnh cho vào trong một ống ấy. Trong vài giờ, trùng ấy sinh-sản ra nhiều lắm, chồng-chất lên nhau thành như một đám mày ở dưới nước. Ông mới lấy một giọt cái ấy cho vào ống thứ nhì giống như ống thứ nhất, rồi cứ thế mãi gieo đến hai mươi, năm mươi ống, bao giờ cũng lấy một giọt nước ở ống trước : ống thứ hai mươi thì bằng một giọt ở ống thứ mười chín, ống thứ năm mươi bằng một giọt ở ống thứ bốn mươi chín. Lần nào ông cũng thấy ở ống gieo sau cùng có đám cái to bằng ống trước, ở ống nào vi-trùng cũng nhiều như nhau, lấy nước nuôi trùng ở ống nào vào đem tiêm vào con vật cũng chết mà con vật nào chết đi thế trong máu cũng có giống trùng bactéridie.

* * *

Vì các điều thí-nghiệm làm theo phương-pháp ấy, ông Pasteur được hai cái kết-quả chắc-chắn.

Trước hết ông đã lấy được con trùng ra, chia để nó với các giống trùng khác cùng sống lẫn với nó trong giọt máu bệnh. Vì đã đem đồ nó vào trong thứ nước màn nó thích nhất thì có sinh nở nhanh đến nỗi rằng giả có những giống trùng khác cũng không sao sinh-trưởng được. Vậy chắc rằng một giọt nước lấy trong ống thứ mười, hoặc thứ 20, hoặc thứ 50 cũng vẫn chỉ có một thứ trùng ấy thôi.

Sau nữa là đích-thị con trùng ấy sinh ra bệnh Charbon chính nó chứ không phải nước nuôi nó, chính nó chứ không phải chất nước độc.

Một chất nước độc, một chất không sinh-hoạt đủ có độc đến mà đem pha loãng cũng mất độc đi, lại đem thứ nước pha loãng ấy pha loãng thêm 20 lần, 50 lần thì cái sức độc cho có không mất tự bao lâu đi nữa cũng phải giảm đi 20, 50 lần. Một hột muối một miếng đường đem pha loãng đi 20 lần, 50 lần cũng dần-dần mất vị ngọt vị mặn đi. Chất Strychynine uống mỗi lần một trăm phần (gam) (centigrame) thì chết, thế mà đem pha loãng 20 lần, 50 lần trước mất độc, sau thành vị thuốc rồi không có công-hiệu gì nữa.

Nếu cái tính độc ở chất nước chứ không ở đám cái trùng thì đem pha

thêm mãi nước ấy chắc là tinh độc giảm đi dần. Nhưng có phải thế đâu, ống 50 cũng kịch-liệt bằng ống thứ nhất. Tại làm sao vậy? Là vì rằng giọt vi-trùng gieo vào ống đầu tiên đem pha loãng vào các giống sau cũng không yếu sức đi, ống nào thì vi-trùng cũng sinh-sản nhiều như nhau. Bởi thế nên ống nào cũng độc bằng nhau.

Vậy đã chứng-minh rằng giống trùng ấy sinh ra bệnh Charbon rồi: nhưng thế mà chia đủ cho ông Pasteur. Đành rằng trong đời ông có nhiều tay phản-đối khó làm cho chịu phục thật, nhưng khó làm cho thỏa-mãn nhất vẫn là ông. Tiêm con trùng ấy thì sinh ra bệnh Charbon, cái đó đã hẳn rồi. Nhưng tại sao có khi lại không thấy con trùng ấy ở trong máu các con vật chết bệnh Charbon? Tại sao hai ông Jaillard và Leplat không thấy con trùng ấy? Tại sao ông Paul Bert đã thí nghiệm mà kết lại rằng không phải con trùng ấy sinh ra bệnh Charbon.

Hễ khi nào những kết-quả của các nhà thí-nghiệm khác không hợp với những kết-quả của ông tìm ra, thì ông Pasteur lại theo y-nguyên thể-thức cũ mà làm lại các sự thí-nghiệm ấy. Trước kia hai ông Jaillard và Leplat đã dùng máu con bò cái chết bệnh Charbon đã được mấy ngày. Bây giờ ông Pasteur cũng dùng thứ máu con bò cái chết trong thời hạn ấy mà thí-nghiệm, rồi lấy kính hiển-vi xét thời có khi thấy con trùng, cũng có khi không thấy. Nhưng lại thấy con trùng khác, giống hình bọ nguậy, dài, mềm và trong nên khó trông thấy.

Ông Pasteur tả hình con trùng ấy có nói rằng: « Nó bò ở trong máu rẽ các hột máu, khác nào như con rắn rẽ cỏ ở trong bụi rậm ».

Đó là con trùng septique (vibrion septique) thường sinh ra bệnh septicemie trong mình người ta và đã giết hại biết bao nhân-mệnh. Nó cũng đồng loại với những con trùng sinh ra sự thối nát, cũng ở chỗ kín không-khí như những con ấy, nên nó sống ở trong ruột và tránh dưỡng-khí làm cho nó phải chết. Bởi vậy lúc sống không bao giờ người ta thấy nó ở trong máu. Nhưng đến lúc hấp-hối và lúc chết thì nó qua ruột sang các mạch máu vì bấy giờ ở đấy không còn dưỡng-khí nữa. Bấy giờ nó ở đấy, ở nơi béo bở nó sở-thích, nó sinh-trưởng và đẻ nở ra. Thoạt tiên nó còn khó chịu vì có con trùng bệnh Charbon, nhưng con này cần phải có dưỡng-khí mới sống được. hễ dưỡng-khí bớt đi thì nó phải yếu đi, và mất đi những chỗ cho nó một mình cũng đủ giết chết con vật.

Nên trong mấy giờ đầu sau khi chết, máu con vật chết bệnh Charbon chỉ có giống trùng bactérédie. Cách từ 24 đến 48 giờ vừa có cả giống bactérédie cùng giống vibrion. Sau 48 giờ thì chỉ có giống vibrion thôi. Nên máu con vật chết bệnh Charbon mà sau 48 giờ mới đem tiêm vào con khác không còn chứa giống bactérédie nữa mà chỉ có giống vibrion, mà sở-dĩ làm chết là không phải sinh ra bệnh septicémie.

* * *

Thế là sự thí-nghiệm phản trái của hai ông Jaillard và ông Leplat đã thích-giải được rồi. Còn phải thích-giải cái của ông Paul Bert nữa.

Xin nhắc lại sự thí-nghiệm ấy như vầy. Lấy một giọt máu của con vật chết bệnh Charbon trong có giống trùng bactérédie dùng áp-lực dưỡng-khí làm cho nó chết. Đem tiêm vào con vật chết, mà máu con vật chết này lấy kính hiển-vi soi không thấy có trùng bactérédie. Vậy ông Paul Bert kết lại rằng không phải giống trùng bactérédie làm chết mà là chất nước độc.

(*Còn nữa*)

DƯƠNG-QUẢNG-HÀM.

TẠP-TRỞ

Những người thợ-ảnh mạo-hiểm

Từ ngày ông Niepce và ông Daguerre đã chế ra máy ảnh đến nay thì nghề ảnh càng ngày càng tinh-xảo hơn lên, mà các nhà chụp ảnh mạo-hiểm cũng lắm.

Nhà ngụ-ngôn Pháp, Jean de la Fontaine, có kể chuyện hai bác lái hẹn bán cho một người lái buôn một bộ da gấu; được người kia nhận lời rồi, hai anh bèn đi tìm gấu, v.v.

Nay cũng có thể kể chuyện hai bác thợ ảnh cạn tiền trong túi, bèn hẹn bán cho một tòa báo Pháp một cái hình con gấu đuổi theo người. Được tòa báo nhận lời hai bác vào rừng mà đi tìm gấu... Gấu trông thấy hai bác thì đuổi theo; lúc bấy giờ thì một anh trèo tót lên ngọn cây, và đem cả máy ảnh theo. Anh kia cũng trèo lên cây, gấu trèo lên theo để bắt....

Trong khi người trèo trên, gấu trèo dưới, thì bác kia lấy ngay máy ảnh ra, chụp lấy cái hình con gấu đuổi theo người, rồi vớ ngay lấy khẩu súng bắn vào bụng con gấu, làm cho gấu chết thẳng-cẳng...

Chuyện kể trên này là chuyện thật; mà thợ ảnh mạo-hiểm như thế cũng không phải là hiếm. Đến khi người nào đã bắt đầu chơi ảnh hay là làm nghề ảnh, thì dẫu thế nào cũng chỉ mong chụp được một vài cái ảnh lạ « vài cái gì vui vui ». Mà như bây giờ, làm nghề ảnh mà có danh tiếng được cũng là khó lắm; huống chi ngày nay ai cũng chơi ảnh, ai cũng có máy ảnh! Ở bên Pháp, ngoài bờ bể, lúc ban chiều, thật những người chụp ảnh dòng san-sát, tiếng bấm máy ảnh thật tanh tách như tiếng đạn súng cơ-quan vậy...

Vì thế, công-chúng rất thích những ảnh đẹp, hình lạ. Mà các nhà thợ ảnh cũng hết sức thi tài khoe khéo.

Các báo to bên Tây, như *Je sais tout*, *Fémina*, *Lectures pour tous* v.v. mỗi báo đều có một người thợ ảnh riêng. Những người thợ ảnh thật là gồm đủ cả can-đảm, nhanh trí nhanh tay nhanh chân. Có người bị cá sấu đuổi, mà còn có cái gan đứng dừng lại để chụp lấy hình con cá sấu mồm há toác ra! Lại như vừa vào khoảng năm 1905 — 1906, ở *Sévi-*

BÀI THƠ KHUYÊN NGƯỜI MUA TRÁI-PHIẾU

Công-thái năm nay sáu triệu đồng,
Để làm đường sắt lối giao-thông.
Mở-mang nhà nước đà ra sức,
Giúp-đỡ dân ta phải hết lòng.
Bỏ vốn lấy lời đành đã vậy,
Nhờ may trúng số thích hay không?
Năm mươi đồng bạc mà bao lợi,
Đã lợi riêng rồi lại lợi chung.

BÙI-THIỆN-NHÂN.

Ile có mở hội « người chọi với trâu ». Một người đô vật đương cưỡi ngựa chống lại với con trâu, thì bị nó húc một cái. Con ngựa của người đô-vật chồm lên, làm cho người ấy bắn tung lên rồi lại rơi xuống... mà lại rơi vào dữa lưng con trâu

Chắc ai cũng biết rằng việc ấy thì làm nhanh như chớp, còn ai kịp chụp hình lại nữa ! Thế mà có một ông chụp được ba cái hình ; cái thứ nhất là cái hình người đô-vật bị trâu húc ; cái thứ hai là hình người đô vật tung lên giời ; cái thứ ba là hình người đô-vật rơi lên lưng con trâu ; chụp như thế được thì phải nhanh-nhẹn biết bao !

Ông *Simon* là một tay thợ ảnh giỏi một hôm đi chụp hình về cuộc thi tầu thủy ở *Monaco*. Trên bờ sông thì đông người đứng quá, không thể chen vào được. Ông bèn mạo-hiểm thuê một chiếc thuyền rồi đứng ngay gần chỗ tầu thủy phải rẽ. Đứng đấy đã chụp được nhiều kính ảnh lắm ; nào ngờ đâu có một chiếc tầu thủy chạm phải cái thuyền, làm cho ông *Simon* ngã lăn bùm xuống nước. Mọi người ở trên bờ kêu rầm lên, và vứt phao xuống cho ông. Ông nắm được phao mà lên bờ được, tay vẫn giữ lấy hòm ảnh và kính ảnh, không rời ra lúc nào ! Thế mới biết, mê nghề của mình đến nỗi quên thân đi, dầu chết cũng không rời máy ảnh ra ! Can-đảm thay !

Một nhà vạn-vật-học nước Pháp là ông *Louis Bouton*, giáo-học ở Khoa-học-viện nước Pháp đã chịu khó mặc áo lặn mà lặn xuống đáy bể để đo xét các thứ cây cối hoa quả dưới ấy ra sao. Sau ông, lại nghĩ ra được một cái máy ảnh riêng đốt *magnésium* vào mà chụp lấy hình các cây ấy.

Trong nghề ảnh thì danh tiếng nhất là ông *C. G. Schillings*. Ông vốn là một tay săn bắn có danh tiếng ở nước Đức. Ông vẫn thích bắn những các ác-thú ; và ông nói rằng muốn khảo-sát cách ăn cách ở của các giống ấy ra sao ? Muốn được thế, còn gì hơn chụp ảnh. Ông *Schillings* bèn mua máy ảnh kính ảnh thật tốt rồi đi về vùng rừng sâu hang thẳm ở Á-phi-lợi-gia (*Afrique*) ; ông đã chụp được rất nhiều ảnh lạ mà đẹp. Nhưng cũng đã trải bao hiểm-trở gian-nguy ! đã có khi sư-tử sông vào cắn ông cũng có lúc tê-giác đuổi theo ông vùn-vụt, mà bây giờ ông còn sống cũng chỉ là nhờ có cái tài bắn mà thôi vậy.

Thế nhưng chụp ảnh các ác-thú chỉ khó một điều là các vật ấy ban ngày thì thường chỉ nằm hang rúc hố, chỉ đêm mới thò ra, vậy thì làm thế nào mà chụp được ? Nói thế tất có người bảo : đã có *magnésium*... Vâng, nhưng những ác-thú thì nó chỉ vùn-vụt chạy qua, chứ nào nó có đứng yên cho mình đốt *magnésium* mà chụp hình nó đâu ! Vậy ông *Schillings* nghĩ ra một kế rất thần-diệu : ông đặt cái máy ảnh lên trên một cái cọc ; nối một cái giây vào cái *ressort* máy ảnh, ở đầu giây có buộc một con dê. Đến đêm các ác-thú đi kiếm ăn, nghe tiếng dê kêu thì sông lại ma bắt. Lúc con ác-thú ngoạm lấy con dê thì gạt cái giây, cái giây lại giật cái *ressort*, cái *ressort* bật lửa *magnésium* lên, thế là con ác-thú tự mình lại chụp ảnh lấy mình.

Những cái ảnh của ông *Schillings* thật là vừa đẹp, vừa ghê. Ông đã dán vào được đến hai quyển sách giấy.

Anh-hùng thay những tay chụp ảnh như ông *Schillings* ! Đời bây giờ, đương dạy cho bọn thanh-niên cái sự lao-động và sự can-đảm, thế mà nghề ảnh lại hóa ra một nghề dạy cho người ta cái tính nghị-lực.

Dưới hang sâu bể thẳm

Ngày 16 Octobre 1906, một cái giây thép ở Bizerte đánh về Paris báo tin rằng : Chiếc tàu ngầm *Lutin* vừa bị đắm. Nghe tin ấy ai là chẳng thương sót, lo phiền, mà hồi-tưởng lại cái lúc đắm tầu ngầm *Farfadel*, lúc linh thủy sắp tắt hơi, hãi còn nghe tiếng kêu cầu cứu. Thế nhưng tầu *Farfadel* lúc sắp đắm thì còn hi-vọng một tí, là vì rằng tầu ấy đương đậu ở dữa hải-cảng. Tầu *Lutin* thì nào được thế ; bị đắm ngay lúc đang đi dữa bể sâu sóng cả. Tại làm sao tầu lại đắm ? Vô-ý ư ? Hiểm-trở ư ? Dễ vừa tại vô-ý vừa tại hiểm-trở. . .

Những người linh-thủy làm trong tầu ngầm quen nguy-hiểm nhiều, cho nên không sợ. Mà những các thủy-quân thì cứ bao giờ nước đã gần tràn vào cửa kính rồi bấy giờ mới đóng chặt cửa lại. Ấy, tầu *Farfadel* đắm cũng là vì thế : cửa tầu thì đương mở to, bỗng có một làn sóng chảy vào, thành ra chìm nghỉm.

Trong một cái tầu ngầm, đến khi cửa tầu đã đóng, nếu muốn lặn xuống thì người thủy-quân mở cái vòi nước ra. Đến khi vòi nước đã mở thì nước ầm-ầm chảy vào hai hòm nước ở hai bên tầu ngầm. Nước càng chảy thì hòm càng nặng, làm cho tầu ngầm phải chìm xuống. Những người thủy-thủ bảo rằng ai bạo dạn đến đâu nghe thấy tiếng nước chảy cũng phải lấy làm thê-thảm mà ghê sợ. Vì thế, chỉ những tay can-đảm lắm mới dám làm trong tầu ngầm. Tầu ngầm, bề ngoài tuy là nhỏ, nhưng thật là một vật rất đáng ghê sợ ; xem như chiếc tầu vận tải *Lusitania* to như thế mà tầu ngầm Đức còn phá nổi thì biết sức tầu ngầm mạnh biết bao.

Khi cửa tầu ngầm đã đóng, thì những người trong tầu hình như sa hẳn chốn dương-giau. Cái vỏ tầu ngầm

QUỐC-TRÁI ĐÔNG-PHÁP

Con đường sắt,
Từ Nghệ đến Đông hà,
Làm được cho nên ở bọn ta.
Bọn ta mua trái-phiếu,
Để làm việc ích cho nước nhà,
Hỡi ai người có của,
Nhớ nghĩa-vụ quốc-gia,
Có tiền bạc,
Nên đem ra,
Góp thành sáu triệu,
Cho có hóa-xa,
Chạy trên con đường sắt,
Từ Nghệ đến Đông-hà.

NGUYỄN-THỐNG

làm rất mỏng, tính ra để chịu lấy được 7, 8 phần khí giới. Tầu ngầm có thể lặn sâu xuống đến 40, 50 thước tây. Nhưng cứ lặn xuống độ 15 thước Tây cũng đủ, không sợ chạm phải đáy tầu bể, vì rằng những chiến-hạm to nhất cũng chỉ chìm xuống độ 10 thước Tây là cùng. Lúc tầu chạy thẳng thì có hai cái bánh lái dọc ở đằng trước tầu rẽ cho dễ đi. Lúc tầu nổi lên lặn xuống thì có hai cái bánh lái đặt ngang, một cái ở đằng trước, một cái ở đằng sau. Khi nào tầu ngầm có đựng trong hòm nước đến 15 tấn nước, thì chìm hẳn xuống. Nếu đựng đến 20 tấn trở lên, thì tầu sẽ bị đắm.

Nếu mà lúc tầu ngầm đương chạy thẳng lại vặn nghiêng cái bánh lái đặt ngang đi, thì tầu ngầm sẽ lại lặn sâu xuống. Muốn cho tầu nổi lên, thì phải vặn nghiêng cái bánh lái lại, rồi tháo nước trong hòm nước ra. Muốn tháo nước thì phải bơm hơi vào.

Ở trong tầu ngầm thật là khổ-sở khi nào đóng kín cửa tầu lại để lặn, thì rất là nực ; hàn-thử-biểu lên đến 50 độ. Vả lại trong tầu rất chật, người nào hơi cao một tí thì không có chỗ mà đứng, mà khi tầu đương lặn thì phải ngồi cho cân không được đi lại.

Nhờ có những máy bơm hơi, cho nên bao giờ trong tầu ngầm cũng đủ không-khí mà thở, cũng được dễ chịu.

Tầu ngầm đã chìm xuống nước, cửa đóng kín mít thế thì biết đường lối nào mà đi? Đi được là nhờ có cái « *châu-thị-kính* » (*périscope*). Châu-thị-kính là một cái ống kính cũng tựa như ống dòm. Một đầu thì thò lên trên mặt biển, một đầu thì thò vào trong tầu ngầm. Hai đầu có hai miếng kính lục-giác. Xa trông cái « châu-thị-kính » hình như một cái chai trắng nổi lênh bềnh trên mặt biển. Trông giống nhau đến nỗi vừa độ trước, linh thủy nghịch đem thả những chai trắng xuống bể. Thủy-quan trông thấy, tưởng là châu-thị-kính của tầu ngầm, vội vàng mở súng đại-bắc. Nào ngờ chính tầu ngầm thật thì đương lặn trước mắt mình mà mình không biết!

Vì thế, các thủy-quan nhờ có châu-thị-kính mà cứ ngồi dưới tầu cũng biết tất cả các việc trên mặt biển. Vì dụ muốn bắn một chiếc chiến-hạm thì đở châu-thị-kính ra dòm xem ở gần hay xa, rồi sai vặn máy về đàng ấy. Đến gần độ 500 thước thì lại đơ châu-thị-kính ra dòm, rồi lại hạ xuống. Lúc đã gần lắm, chỉ còn độ 200 thước là đến thì bắn ngư-lôi ra...

Vậy thì trong tầu ngầm cái gì cũng vững-chãi lắm. Thế nhưng lại còn sợ những sự hiểm-trở, ví dụ như dụng phải tàu nhớn nổ, hoặc là gẫy máy. Nếu tàu đương lặn mà gặp những sự hiểm-trở ấy thì tất là không làm thế nào mà nổi lên được... Vì cớ ấy, những tàu ngầm ở hai bên có đeo hai tảng chì vừa to vừa nặng, nếu gặp sự hiểm-trở thì tháo những tảng chì ấy ra ; tàu ngầm sẽ nhẹ quá, mà nổi bềnh lên trên mặt nước. Thế nhưng cũng có khi gặp nạn nhớn, vì rằng nhiều khi không tháo được tảng chì, thế là tàu ngầm dành chịu chết mà ở dưới hang sâu bể thẳm ! ... Mà lại nguy một cái nữa là ở trên đất không biết là tàu chìm chỗ nào để mà kéo lên.

Nếu gặp những sự nguy-hiểm như thế, thì lại phải đi dò-la từng tí. Dò cách như thế này : Hai chiếc tàu to, mang một cái sích sắt thật dài, thả xuống đáy bể (1) rồi cứ kéo đi mãi.

(1) Đáy bể có chỗ sâu đến mấy nghìn thước Tây, nhưng nói đáy là chỉ chỗ nông, chỉ độ 40 mètres.

Nếu gặp một vật gì cản lại, không thể kéo đi được nữa, thì hai chiếc tàu đứng dừng lại, cho một người mặc áo lặn (1) (*scaphandre*) lặn xuống dưới bể để xem là vật gì.

Thế nhưng nếu tầu ngầm bị đắm mà chìm sâu xuống độ 40 thước tây, thì khó lòng mà mò được. Vì rằng nếu sâu quá thế thì những người lặn lên xuống cũng khó. Nhiều người lặn xuống 30, 40 thước Tây, đến lúc lên thì chết.

Thế cho nên linh thủy bảo rằng nghề làm tàu ngầm là một nghề nguy-hiểm nhất đời.

Nếu mà may ra mò được cái tàu ngầm, thì lại còn phải biết bao nhiêu công lao nữa mới kéo lên được.

Khi đã tìm thấy tầu rồi, thì phải buộc tàu vào những sích sắt thật to, rồi đem buộc vào những cái « hải-cảng nổi » (*Docks flottant*) (2)... Cái cách này rất dễ mà rất chậm. Người ta bơm đầy nước vào cái *docks*, làm cho cứ chìm dần xuống. Khi chìm xuống rồi, thì người lặn (*scaphandriers*) móc các sích sắt vào *dock*. Lúc móc đã xong, thì tháo nước trong *dock* ra, làm cho cứ nổi dần lên. Nổi lên như thế thì kéo cái tàu ngầm lên theo. Cứ kéo lên thế mãi, trước thì lên được độ 5 thước Pháp, sau lên mãi, thành ra kéo được vào bờ biển....

Thế nhưng nhiều khi nước tràn vào trong tàu ngầm, làm cho những người trong tàu đều ngạt hơi mà chết. Dẫu nước không tràn vào nữa, cũng đến phải chết, vì rằng mọc được giây vào cái *dock* cũng lâu lắm mới xong được.

(1) Những người lặn đây mặc một bộ áo sắt thật vững, đội một cái mũ sắt thật kín mít, có ống thông hơi xuống cho mà thở. Bộ áo lặn ấy gọi là *scaphandre*.

(2) Những cái *docks flottants* rất to, trông hình như một cái nhà nổi lênh bềnh trên mặt bể...

Vậy tàu ngầm, tuy rằng trong lúc chiến-tranh cũng làm được nhiều việc thật, nhưng vẫn nguy-hiểm lắm. Biết bao nhiêu tàu đã bị đắm, thế mà thủy-quân cũng cứ điềm-nhiên !

Kia xem như trong năm 1906, chiếc tàu ngầm « *Bonite* » chạm phải chiến-hạm « *Sulfren* », vỡ ra, nước chảy ầm ầm vào, thế nào các người linh thủy hãi còn sống mà lội về hải-cảng được. May thay !

Cũng vào trong khoảng năm 1905-1906, thủy-quân nước Anh-cát-lợi cũng bị đắm mất mấy chiếc tàu, là tàu ngầm : *A1*, *A5*, *A8*.

Tính ra số người chết của nước Anh, là 33 người ; số người chết của nước Pháp là 27 người.

Vả lại sự gì cũng còn có lợi có hại, huống chi là tàu ngầm. Vậy cũng mong rằng tàu ngầm tàu lặn càng ngày càng tinh-xảo hơn lên, mà rồi không dùng về việc chiến-tranh nữa, chỉ để giúp ích cho sự văn-minh thôi.

Một cái trại bồ-câu

Xứ Californie (1) thật chẳng thiếu gì thú vui cảnh lạ, nhưng những khách du-quan chỉ thích nhất là cái « trại bồ-câu » ở gần thành Los Angeles. Trại đó thật là độc-nhất vô-song. Trong trại có nuôi đến hơn bốn vạn chim bồ-câu. Số ấy chưa chắc đã là đúng, vì rằng chim nhiều quá, người chủ trại cũng không đếm suể, cứ tính phỏng mà thôi.

Lúc mới lập thì « trại bồ-câu » cũng bé. Hiện nuôi đến 40000 chim nhớn; những chim nhớn lại sinh ra đến 50 vạn chim con. Các chim bồ câu nấu ở các nhà khách-sạn, phần nhiều là tự trại này ra cả. Thế mà lúc đầu cũng chỉ có một đôi chim !...

(1) Ở về phía bắc. Bắc-Mỹ-châu.

Nguyên về năm 1852, đang lúc những người Âu-tây muốn giàu, mong có, kéo nhau sang Californie đi tìm mỏ vàng, thì có một người Tây-ban-nha cũng sang bên ấy để khẩn đất. Về năm 1852 thì luật phép nhà nước chỉ bắt rằng : Lấy bao nhiêu đất thì phải rào lấy chung quanh. Người Tây-ban-nha bèn rào một khu đất thật rộng. Đến khi ba con ông trưởng-thành thì ông làm cho mỗi người một cái nhà và cho ra ở riêng. Người con út một hôm ra chơi Cựu-Kim-sơn (*San francisco*) mua được một đôi chim bồ câu, đem về nuôi. Đất Californie vốn là một xứ phì-nhiêu, thủy-thổ ôn-hòa, vì thế đôi chim cứ sinh-sản mãi ra, đôi thành chục, chục thành trăm, trăm thành nghìn, nghìn đến thành vạn...

Những nhà sáng-lập ra cái trại này, giờ cũng đã qua đời rồi, để cơ-nghiệp lại cho con cháu, thành ra càng ngày càng phát-đạt... Chim bồ-câu được tự-do kiếm ăn trên một cánh đồng rộng, suối nước nhiều, thóc lúa hoa quả cũng lắm, thành ra sinh-sản lại càng mạnh. Trại ấy khác các trại khác vì rằng cứ để mặc cho chim đi kiếm ăn lấy, trừ khi mưa to nắng lớn mới phải cho ăn. Vì thế chim chẳng sợ đói, không lo khát. Tuy vậy diều-hâu ở Californie rất nhiều, phá hại chim cũng lắm. Người chủ trại phải thuê một bọn người bắn giỏi để trừ tiệt giống ác điểu ấy đi. Nhưng mỗi năm cũng bị nó ăn đi mất vài nghìn con chim bồ-câu. Dù thế, nhưng trong trại cũng không hại mấy.

To-lớn thay cái trại ấy ! Thế mà lúc mới lập cũng chỉ có một đôi chim !

NGUYỄN-ĐẢO-SINH

Chó cũng có công trong cuộc chiến-tranh

Lớp chiến-tranh bên Âu-châu vừa rồi, trận đánh ở nước Pháp tại sông Marne, một người lính đã bị thương rất nặng, nằm lăn ra trên đất, bất-tỉnh nhân-sự, đã tưởng rằng chết không còn mong gì có người cứu nữa. May cho bác quyện ấy, được một hồi lâu, thời thấy một làn hơi nóng bay thoảng qua mặt, biết rằng có chó đương đi đánh hơi để tìm người bị thương.

Lúc chiến-tranh, nước Pháp thường nuôi những giống chó rất tinh khôn, để khi tan trận, thời thả ra cho đi tìm những lính bị thương. Giống chó khôn ấy, nếu không đủ sức lôi kéo được người bị thương về, thời lấy ngay cái mũ, cắp vào mồm, đem về trại, cho những người lính thuốc biết, mà đến cứu.

Khi người lính bị thương nào biết có chó đi tìm, thời cố kêu to lên, chó biết, chạy lại, lấy ngay cái mũ đem về báo tin, nhờ có chó ấy mà người lính mắc nạn kia được thoát khỏi chết.

Những con chó như thế, há chẳng là trí-dũng lắm hay sao ? Ta thiết trừ loài người ra các giống động vật không có giống động-vật gì can-đảm và tinh nhanh bằng giống chó nữa. Những người Pháp gọi giống ấy là *chó trận (chien de guerre)* và *chó tổng-quản (chien du régiment)*. Trước kia, hễ trận-mạc nào, lúc tan trận, phải cho lính khiêng cáng (*brancardier*) đi tìm những quân bị thương mà đem về để cho thầy thuốc cứu, hoặc trận nào dữ dội quá, chắc là có người bị thương rất nguy-cấp thời thầy thuốc cũng phải theo đi mà chữa ngay, nhưng thế rất là bất-tiện, vì lúc tan trận thời đã đêm rồi, phải để lính lại canh gác cẩn-mật không coi thường như lúc thái-bình được. Bởi thế bên Pháp chế ngay ra một cái xe bánh cao-su, trên là một tấm ván dài bằng tầm-thước con người ta, có hai cái càng, rồi buộc một con chó vào cho kéo đi, lại thả một đàn chó khác cho đi trước, để tìm kiếm những người bị thương ; còn chỉ phải dăm ba người thầy thuốc và một toán quân đi theo lũ chó đánh xe, hễ chó tìm được người bị thương nào, thời lại để cho con chó kéo xe kia, kéo thẳng về trại để điều-trị. Như thế rất tiện lợi, mà tìm lại mau, vì giống chó đánh hơi tài lắm. Bên Bỉ-lợi-thì có bốn nghìn chó, vừa dùng kéo xe súng thần-công đi đánh trận, và cứu người bị thương. Bên nước Đức có 35.000 con.

Giống chó như thế, chẳng có ích cho loài người lắm ru ? Ngày xưa thường dùng giống voi đi đánh trận cũng là rất có ích, nhưng bày giờ không thể dùng được, vì to quá, giặc dễ bắn cả người ngồi trên voi nữa, rất dễ nguy-hiểm. Bày giờ lại có giống chó ấy, tinh khôn mà tiện-lợi bằng mấy giống voi !

NGUYỄN-NHẬT-CHI

HÁN-HỌC CÁCH-NGÔN

Khuyên hiếu (*Tiếp theo*)

Ông Lã-Thuần-Dương nói rằng : Thương thay cha mẹ sinh ta khó nhọc, lúc còn ôm ẵm thì mong cho biết đi, biết đứng ; biết đi thì mong cho hay ăn chóng nhớn ; đau yếu thì mong cho khỏi ; trưởng-thành thì mong cho hay ; hèn thì muốn cho sang ; nghèo thì muốn cho giàu ; nào là trông nom, nào là bệnh vực, nào là ăn uống, nào là áo mặc, nào là tìm thày cho học, nào là dựng vợ gả chồng, nào là sinh-cơ lập-nghiệp, có lúc vì con mà vui

BÀI CA KHUYÊN NGƯỜI MUA QUỐC-TRÁI

Tình hữu-ái một lòng ba cõi,
Nghĩa tương-thân một lối nghìn trùng.
Cùng nhau một giống tiên rồng,
Chung nhau một cõi Lạc Hồng nước xưa.
Nhờ Bảo hộ ngọn cờ tam-sắc,
Lối giao-thông đường sắt tam-kỳ.
Nối liền một giải sơn-khê,
Bốn dân tụ họp, muôn nghề mở mang.
Xa nghìn dặm con đường tiến-hóa,
Gần một gang tấc dạ tinh-thần.
Mong sao muôn một đền ân,
Cuộc vay sáu triệu góp phần cho nên.

NGUYỄN-THỐNG.

mừng, có lúc vì con mà lo sợ. Đời người không mấy người được trăm tuổi, mà suốt đời lo-lắng biết bao nhiêu tâm-huyết hao tổn vì con, cho nên làm con phải biết hiếu-dưỡng mới được, vì rằng việc khác còn chờ đợi được, mà hiếu không có thể chờ đợi được, như đợi đến lúc giầu mới hiếu, nếu số không giầu mà cha mẹ đã khuất thì thế nào? Đợi đến lúc sang mới hiếu, nếu phận không sang mà cha mẹ không còn thì làm sao? Cho nên kẻ chí-sĩ thường tiếc một tấc bóng, người con hiếu nên tiếc một phần bóng mới là phải.

Ông Diêu-Nhược-Hầu nói rằng: Cha mẹ sinh con, người nào sớm ra cũng phải hai ba mươi tuổi mới có con, đến lúc con trưởng-thành, lập được thân-gia, lại phải hai ba mươi năm nữa, vậy thì khi cha mẹ đợi con phụng-dưỡng cũng đã năm sáu mươi tuổi rồi, khác nào cầm đuốc ngắn đi đường dài, bước giáo cho mau còn sợ đuốc tắt, huống chi lại dám thủng-thỉnh nữa ru?

Ông Lã-Thuần-Dương nói: Lòng con hiếu, ai cũng như ai, mà phận con hiếu mỗi người một khác, gặp phận mà bạc-đãi cha mẹ không phải là hiếu, quá phận mà hậu với cha mẹ, cũng không phải là hiếu, hết bổn-phận mình làm cho trọn việc hiếu, thế mới là người hiếu, nhưng người ta ở đời có hai lúc hối-hận, lúc còn bé nhỏ, cha mẹ dưỡng quá, sinh ra khinh nhờn, chưa biết ơn cha mẹ là gì cả, ấy là một điều hối-hận, đến khi trưởng-thành biết nghĩ đền ơn cha mẹ, thì cha mẹ đã khuất rồi, dẫu có mâm cao cỗ đầy cũng không có thể phụng dưỡng ở dưới chín suối được, ấy là hai điều hối-hận. Như vậy thì đương khi cha mẹ song-toàn, nên phải hết công hiếu-dưỡng, được một ngày, đền ơn một ngày, được một khắc, đền ơn một khắc. Như thế mới không thẹn với lương-tâm, không hổ với bóng mình, nếu không biết sớm nghĩ thì về sau hối cũng không kịp nữa.

Ông Dương-Trình-Phục nói rằng: Mỗi ngày buổi sớm ngồi lặng yên nhắm mắt lại mà nghĩ rằng: Ngày nay ta phương-trưởng như vậy, hồi-tưởng lúc còn bé nhỏ tinh-cảnh thế nào; lại hồi-tưởng lúc lọt lòng mẹ, oe oe tiếng khóc, tinh-cảnh thế nào; lại hồi-tưởng lúc ở trong bụng mẹ, mẹ thở cũng thở, mẹ hút cũng hút, tinh-cảnh thế nào? Nghĩ đi nghĩ lại tương-tâm mình nó lại bảo mình thì tự-nhiên biết hiếu.

Ông Nhan-Bá-Tử nói rằng: Người ta chỉ nghĩ bụng rằng mình ta từ đâu mà lại, cha mẹ từ đâu mà đi; cành mới đã mọc, gốc cũ sắp khô, thúc-thủy, thừa hoan, sao cho được đền ơn mãi, nếu biết nghĩ như vậy thì lòng hiếu tự-nhiên cảm-động, không thể nào ngăn ắt được.

Ông Ôn-công nói rằng: Cha mẹ có sai khiến việc gì phải ghi nhớ mà tuân-hành ngay, khi xong việc rồi lại trình cho ngài biết, nếu việc không nên làm thì phải hòa nét mặt, dịu-dàng tiếng nói tỏ bầy lợi hại phải trái cho ngài nghe, đợi khi ngài ưng lời, rồi sẽ đổi lại, nếu cha mẹ không nghe mà việc cũng không hại gì cho lắm, cũng nên khúc-tòng cho bằng lòng ngài, nhược bằng cho nhỏi của cha mẹ làm trái lẽ mà cứ tự-tiện ý mình thì dẫu mình làm phải mười mươi, cũng là không thuận với cha mẹ, huống chi việc mình làm chắc đã phải chưa?

Ông Ngô-Thảo-Lư nói rằng: Người ta không nên quên đạo hiếu. Hiếu là thế nào? Chỉ cốt lấy lòng cha mẹ làm lòng mình mà thôi, cho nên cha mẹ lo thì mình lo, cha mẹ mừng thì mình cũng mừng, trong một giây phút không dám quên cha mẹ, thì trong giây phút ấy không có sự gì làm lỗi, việc bằng mấy lòng ấy không có điều gì sai lầm.

Chân-Thị nói rằng: Ý cha mẹ chưa hiện ra ngoài mà mình đã đón trước, ý cha mẹ đã phát-hiện ra ngoài mà mình biết theo sau phi là người dốc lòng yêu kính, biết thể lòng cha mẹ thì không hay như thế được; cho nên đạo làm con cũng phải thời thường lấy nghĩa-lý tỏ bày khiến cho cha mẹ tránh khỏi sự lầm lỗi.

Ông Hồ-Văn-Phong nói rằng: Nhân sinh bách-tuế vi-kỳ, nhưng thế-gian không mấy người sống được trăm tuổi, cứ lấy kỳ-hạn mà nói như cha mẹ thọ 80 tuổi thì nên mừng, mà kỳ hạn chỉ còn 20 năm nữa lại nên sợ, cha mẹ thọ 90 tuổi thì nên mừng, mà kỳ hạn chỉ còn 10 nữa lại càng nên sợ, cho nên trong khi mừng vẫn có ý sợ ngụ ở đó.

Trịnh-thị nói rằng: Con thờ kế-mẫu, cốt lấy kính yêu làm chủ; nhưng đàn-bà không có học-thức, không đạt-lý, chẳng mấy người biết thi-ân trước với con chồng, nếu người con nghĩ rằng: Kẻ kia đã bạc-đãi ta, ta cần gì phải giữ lễ, bởi thế thành ra bất-hiếu. Người con hiếu thì nghĩ rằng ta hiếu với kế-mẫu tức là hiếu với thân-phụ ta, thảng-sử gặp phải người ngang ngược thì lấy lễ mà chu-toàn, lễ không chuyển-di được, thì lấy thành-tín mà cảm-động, mình đã hết đạo trước, có nhẽ nào người ta không coi như ruột thịt hay sao?

BÀI CA KHUYÊN NGƯỜI NÊN MUA TRÁI PHIẾU

Hỡi ai là bực nghĩa-dân,
Nên mua trái-phiếu đỡ-dần quốc-gia.
Con đường sắt Nghệ — Đông-hà.
Làm nên được lối hỏa-xa thông-hành.
Ấy là cũng ở như mình,
Anh em ta phải nhiệt-thành mới xong
Cuộc công-thải sáu triệu đồng,
Tiền mình làm việc ích chung cho mình.
Đường giao-thông được tiện nhanh,
Nông công thương-cổ thỏa tình vãng lai.
Rồi ra trong cũng như ngoài,
Giao-thông tiện-lợi ai ai cũng giầu.
Nghĩa-dân lấy nghĩa làm đầu,
Nghĩa mà có lợi cùng nhau phải làm.
Có năm trục sẽ thành trăm,
May ra trúng số tay cầm bạc muôn.
Không thời cầm phiếu đi buôn,
Gửi ngân-hàng cũng được luôn tiền về.
Thật là tiện-lợi đủ bề,
Ai ơi, ta phải mau đi mới là.

Ông Nhan-Bá-Tử nói rằng ; Thiên-hạ há phải là thực có người bất-hiếu đâu mà sở-dĩ thành ra bất-hiếu ấy, vì có 5 điều như sau này : 1. *Kiêu-sủng*, nghĩa là cha mẹ dưỡng quá, sinh ra khinh nhờn, lâu ngày quen nết, lấy cha mẹ làm thường mà không hết lòng hiếu kính. 2. *Riêng của-cải*, của vào tay mình thì là của mình, của ở tay cha mẹ cũng nhận là của mình, không nghĩ đến tinh cốt-nhục là gì nữa, nhưng không biết rằng tự khi mình mới lọt lòng, mình có đem được một đồng tiền nào lại không. 3. *Luyến vợ con*, có của ngon vật lạ chỉ vui thú với vợ con, có đồng tiền phân bạc chỉ tư-túi cho vợ con, không còn biết ân cố-phục là đâu nữa, nhưng không biết rằng tự khi mình còn ẵm ngửa, vợ có bênh vực cho mình được sinh-hoạt hay không ? 4. *Phiêu-đãng*, vì tình-dục không hay ngăn cấm, sinh ra hoa-nguyệt chơi-bời mà không biết đền ơn cha mẹ. 5. *Tranh đố*, thấy cha mẹ có lòng thiên tư sinh ra anh em bất-hòa mà đem lòng oán-hận cha mẹ. Than ôi ! công cha nghĩa mẹ, khó nhọc nhường bao ! Người có lương-tâm ai chẳng biết hiếu, chỉ vì tập-dữ tính-thành, lâu ngày thành ra thói quen, dẫu đến người đi học biết chữ mà trong 5 điều đã nói ở trên không phạm một điều nào cũng là khó lắm ; vậy phải mau mau nghĩ lại mới được.

Ông Quách-Khai-Phủ nói rằng : Mình thờ cha mẹ hết đạo hiếu, thì con mình sinh ra trông thấy cách ăn ở của mình, tự-nhiên nó cũng hiếu-thuận, nếu mình bất-hiếu thì nó cũng bắt chước mình mà thành ra con bất-hiếu, nên có câu rằng : hiếu-thuận lại sinh con hiếu-thuận, ngỗ-nghịch lại sinh con ngỗ-nghịch.

Ông Dực-Tu nói rằng : Lẽ hiếu cốt ở thuận, có thuận mới có hiếu, không thuận thì không phải là hiếu, cho nên những bực nhân-nhân hiếu-tử muốn thuận với cha mẹ, trước hết phải vợ con không lỗi đạo hiếu, anh em không mất lòng nhau, cửa nhà êm-đềm, vợ chồng hòa thuận, gia-đạo thành, mới có thể nuôi được tri cha mẹ.

Trịnh-Chất có thơ rằng :

Thôn nam thôn bắc lúa chiêm già,
Mẹ chồng ác nghiệt tiếng kêu ca.
Có mẹ không nuôi còn oán mẹ,
Bại thương phong hóa bởi đâu ra,
Than ôi ! cha dẫu không hiền con phải nên hiếu, tự mình không nghĩ cho hết đạo, lại còn oán cha mẹ hay sao ?

NGẠC-ĐÌNH PHẠM-QUANG-SÁN
Trợ-tá Hưng-nhân Thái-bình

VĂN THƠ

Chơi động Long tiên hoài cổ

Động ở cạnh chùa Trầm. Chùa ở trên núi Tử-trầm thuộc về huyện Chương-Mỹ, tỉnh Hà-đông. — Quan thiếu Hoàng mới sửa-sang lại.

Bước tới đền Trầm nhận giấu xưa,
Long-tiên năm trước cảnh bây giờ.
Khói hương thơm ngát dặm tà
Mua giới rêu tàn một vách thơ, [Phật.
Giọt đá thủy-châu đông chửa cạn.
Mảnh bia di-tích nét hơi mờ,
Xinh thay động cũ chùa-chiền mới !
Tô-điểm vì ai đã biết chưa ?

Vịnh cảnh chùa Kính-chủ

Chùa ở trên động núi Kính-chủ, trong có đền thờ vua nhà Lý, có bia nhà Trần. Núi ở trên sông thuộc về phủ Kinh-môn tỉnh Hải-dương.

Chỏm đá chon-von đứng giữa giòng,
Hỏi chùa Kính-chủ phải đây không ?
Cây lùa cửa động hoa chào khách,
Sóng vỗ đầu ghềnh núi dựa sông.
Đền Lý trăm năm chưa khói lạnh,
Bia Trần một bức đã rêu phong.
Tang-thương xoay mãi vòng nhân-thế,
Sinh-sự làm chi hỡi Hóa-công ?

Nghĩa-viên, Nguyễn-Văn-Đào
Tri-huyện Lục-nam Bắc-giang.

Thơ khuyến-hiếu

(Dịch thơ ông Vương-trung-Thư)

Những người bất-hiếu-tử ?
Nhung-nhúc sống bằng thừa,
Không nghĩ ơn cha mẹ,
Khác nào sinh cây khô.
Mười tháng ở trong thai,
Chưa được thành hình-thể.
Đói khát cậy về dâu,
Chỉ nhờ tinh-huyết mẹ.
Thân con sắp ra đời,
Lòng mẹ đau như cắt.
Cha vì mẹ thương-tâm,
Vợ đỏi chồng nhăn mặt.
Chỉ lo lúc sinh-sản,
Đi đời họ nhà ma.
Mặt con thoạt trông thấy,
Một mạng mừng thêm ra.
Từ đó mẹ nuôi con,
Đêm ngày càng chăm-chỉ.
Mẹ nằm ướt đầm-đìa,
Con nằm nơi ráo-rẻ.
Con đương ngủ yên giấc,
Lòng mẹ giữ khư-khư.
Mình-mẩy đầy dơ-bẩn,
Tắm gội không thì giờ.
Khăn áo tả-tơi luộn,
Hình-dung tiều-tụy quá.
Động bước sợ sa-cơ,
Cất chân lo vấp ngã.
Bú mớm ba năm giời,
Tổn biết bao tâm-huyết.
Cay đắng nghìn muôn phần,
Mới đến tuần khôn biết.
Tinh-thần đương mạnh-mẽ,
Tính-khí dễ loang-toàng.
Đua đàn vui bạn hữu,
Tửu sắc chỉ chơi hoang.
Tối ngày chẳng thấy về,
Dựa cửa đợi đến sáng.
Con đi nghìn dặm trường,
Lòng mẹ những mong tưởng.
Một mai lấy vợ đẹp,
Cả nước duyên mặn-mà.
Trông mẹ như bùn đất,
Coi vợ như ngọc ngà.
Mẹ có trách một câu,
Hai mắt dương tròng-trọc.
Vợ sỉ-hồ trăm điều,
Tươi cười chẳng biết nhục.
Mẹ deo đồ rách rưới,
Vợ mặc áo lượt là.
Chẳng quản nhời mai-mỉa,
Mặc kẻ nói vào ra.
Cha mẹ trơ một mình,
Trâu đêm luống phiền-não.
Khỏe mạnh đãi lưng cơm,
Yếu đau cho bát cháo.
Vò-võ chốn không-phòng,
Coi như khách ngủ trọ.
Miệng lỗ đã gần kề,
Khác nào đuốc ra gió.
Ngậm-ngùi cơ bắt-chắc,
Một phút chơi suối vàng.
Linh-hồn quanh đống đất,
Thê-thảm nào ai thương.
Cha mẹ mới qua đời,
Anh em chia tài lộc.
Không nghĩ đức cù-lao,
Chỉ rằng ta có phúc.
Xem như những lúc ấy,
Không bằng loại vô-tri.
Quạ còn mớm mồi lại,
Dê còn giữ lễ quì.
Khuyên ai đạo làm con,

Đọc sách nên biết hiếu.
Mùa hạ quạt dưỡng mẫn,
Mùa đông ấm chăn chiếu.
Vương-Tường nằm trên băng,
Mạnh-Tôn khóc cây trúc.
Quách-Cự còn chôn con,
Đinh-Lan cũng khắc-mộc.
Cớ sao đời kim-thế,
Không học thói đời xưa?
Thờ thân không biết hiếu,
Có con cũng bằng thừa.
Đầu những người bất-hiếu,
Không đáng đội nóc nhà.
Miệng chớ ăn thóc gạo,
Mình chớ mặc lượt-là.
Giời đất dẫu mông-mênh,
Không dung loài ngỗ-nghịch.
Mau mau sớm hồi-đầu,
Chớ để thiên-lôi kích.

Ngạc-đình, Phạm-Quang-Sán
Trợ-tá Hưng-nhân Thái-bình.

Về nhà sửa vườn hoa

Lêu-lổng giang-hồ trải mấy thu,
Trông về vườn cũ đã hoang-vu.
Nhờ tay kẻ trước đà vun-sới,
Ra sức người sau phải điểm-tô.
Lá ngọc cành vàng mà sẵn có,
Hương giời sắc nước há rằng thua.
Từ đây hoa nở, cây xanh tốt,
Một vẻ xuân tươi suốt bốn mùa.

Nguyễn-Thượng-Huyền

Đề chuyện « Vì nghĩa quên tình »

(Chuyện ông thuyền chài người Pháp có một người con gái đi trận chết mà ông cứ vui vẻ như không, không lấy làm buồn).

I

Thương con cha những chết trong lòng,
Song gác tình riêng vì nghĩa công.
Thờ nước cậu Jean đà hết đạo,
Cụ chài ta cũng một lòng trung.

II

Cha có một con, con một cha,
Sức con đương mạnh, tuổi cha già.
Nuôi con mong lúc già nương tựa,
Vì nước quên thân mới thực là.

III

Chài lưới dung-thân biết nghĩa công,
Khen thay dân Pháp thực anh-hùng.
Một nhà ba mạng đem cho nước,
Châu bác quên mình, nối chí ông. (1)

Mân-châu

Phong-cảnh Lạng-sơn

Phong-cảnh xinh thay chốn địa-đầu!
Nửa kề đất Bắc nửa kề Tầu,
Mẫu-sơn tuyệt đỉnh vờn mây thấp,
Kỳ-thủy quanh giòng lộn nước sâu.
Động cũ Tam-thanh còn đượm vẻ,
Vết xưa Thành-mạc chửa phai mầu.
Ai lên xứ Lạng cùng anh đó?
Thắng-cảnh ta cùng ngắm với nhau.

Đạm-phong, Nguyễn-Trọng-Thuận

Thương nhớ

Ai thương, ai nhớ, ấy ai ơi!
Tớ những thương ai với nhớ ai.
Thương nhớ, nhớ thương người bốn
Cho hay nhớ hão lại thương hoài. [bể.

Tuyết-như, Tăng-Xuân-Mai

Mừng xuân

Đổi thay mầu mấy thợ giời,
Mới năm Tân đó đã dời sang Nhâm.
Ngày xuân nào được bao lâm,
Đố ai có mẹo chi cầm lại xuân.

* *

Xuân-phong như hữu ước, Mới ngày nào mở cửa rước xuân vào. Thoi năm thấm- hoát có là bao! Bỗng chốc thấy huê đào nẫm ngoái. Xuân vừa đi sao xuân đã lại, khen cho xuân

(1) Một nhà ấy ba người đi trận chết cả ba xin xem chuyện « *Vì nghĩa quên tình* ».

mãi mãi không già. Nào thi nào tửu nào cầm nào ca; họp đủ mặt tài-hoa du-thưởng. Gặp ngày xuân chơi cho sung-sướng. Kia doanh hư tiêu trưởng mặc cơ giời. Hỏi xuân xuân có riêng ai?

Vũ-Xuân-Mai
Cử-nhân, Nguyên Tri-huyện

Xuân oán

Hoa xuân thơm nức hương-lân,
Chiều xuân đầm-ấm, mầu xuân đậm-
Phòng xuân rủ bức trướng hoa, [đà.
Nước non nào biết ai là tri-âm.
Phượng-cầu sao vắng tiếng cầm?
Giận duyên luống những trách thầm
Xuân kia biết có đợi chờ, [Ông tơ.
Não người chi mấy gió mưa tơi-bời!
Đã không kém sắc thua tài,
Một đời hà chịu bỏ hoài xuân-xanh.

Giang-hành ngẫu-hứng

I

Nước xanh ánh lộn bóng hồng,
Con thuyền lững-thững giữa dòng [buổng xuôi.
Non sông đã nặng một lời,
Xuống ghềnh lên thác ai thời quản bao.

II

Sông sâu nước chảy ào ào,
Thuyền ai còn đó cắm sào đợi ai?
Ai đi nhắn-nhủ đôi lời,
Non sông tình nặng, chớ sai tấc lòng.

III

Một mầu mây nước mênh-mông,
Kia non Nùng-lĩnh, này sông Nhị hà!
Ai người non nước đâu xa?
Mây bay nước chảy cho ta luống sầu!

Nguyễn-Thượng-Huyền

Trò đời

Ngẫm cảnh thế, buồn sao buồn nhẽ...
Gánh sầu tình khôn sẻ nửa cùng ai.
Mang thân mua lấy nợ đời, để cho bác thợ trời thêm thắc-mắc. Trẻ Tạo vẫn ghen người quốc-sắc, Ông xanh thường ghét kẻ anh-tài. Trót xa chân xuống cõi trần-ai, thôi cũng gượng nói cười cho qua buổi. Thân-thế thế đành thôi khôn chối! Cái phong-trần đâu nỡ buộc chết nhau. Chữ vinh chẳng trước thời sau.

Đoàn-Vinh

Bài phú khuyên người giữ điều luân-lý

Nay ai ôi, ở hiền gặp lành, làm duyên nên phúc; như thể bóng vang, chẳng ai tơ tóc. Đạo vợ chồng gửi xương gửi thịt, chốn khuê-môn giữ đạo xướng-tùy; tình anh em như chân như tay, trong gia-thất hết tình hòa-mục. Bé thì con mẹ con cha, sớm khuya dưới gối, chăm chăm hai chữ kính thành; nhớn thì con vua con chúa, sống thác trong lòng, chắm - chắm một niềm chung túc. Bạn-bè này chọn kẻ tri-âm, tin bạn mất vợ, nghĩ nguồn cơn lắm lúc nằm co; bợm-bãi ấy là người du-thủ, tin bợm mất bò, kể nông-nỗi nhiều phen sỉ-nhục. Chết cha còn chú, thờ chú cho trọn đạo, phòng lúc lú có chú khôn-ngoan; xểnh mẹ bú rì, thờ rì phải tận-tâm, phòng khi suy có rì bao bọc. Bác cùng bọc với cha, trông cha lại mừng có bác, chớ đem nhời bác xác bác xơ; cô bằng vai với mẹ, thấy mẹ lại nhớ đến cô, chớ mở miệng cô lô cô lốc. Bề dưới phải kính anh, chớ có đòng đanh vào thịt, để người cười giai phải vợ sui; sinh sau nên trọng chị, chớ có ném bị vào lưng, để kẻ chê gái nghe chồng súc. Con nào cũng là con, giai cũng yêu gái cũng mến, đem nghĩa-phương dậy giỗ nhi-tôn; việc nào cũng là việc, xa mỏi

chân, gần mỏi vai, lấy khoan-thứ đãi người nô-bộc. Nơi láng-riềng tối đèn sớm lửa, ra vào nên giữ chữ giao-lân ; chốn họ-hàng máu chảy ruột mềm, nhớn bé phải ghi câu mục-tộc. Giai tay không chẳng thèm nhờ vợ, chí nam-nhi cho tỏ mặt hào-hùng ; gái mười mẫu phải ăn mày chồng, bề nữ-tắc nên chăm lòng trinh-thục. Dâu hiền hơn con gái, cha mẹ chồng như cha mẹ đẻ, ấy mới khen vẹn nghĩa ái-ân ; rể hiền nên con giai, bố mẹ vợ như bố mẹ mình, thế mới gọi trọn đường dưỡng-dục. Giầu về làng sang về nước, quê cha đất tổ phải nhớ nơi cắt rốn chôn rau ; quê có thói chợ có lề, trên thuận dưới hòa, chớ tranh chốn ăn trên ngồi chốc. Đàn-ông đàn-bà, lấy lòng mà ăn ở, có đi có lại mới toại lòng nhau ; người già người trẻ, có thân thì phải lo, chẳng ốm chẳng đau làm giầu mấy chốc. Khó ai ba đời, giầu ai bạ họ, nghèo thơm hơn giầu hầm giầu hôi. Sống người một nhà, chết người một mồ, chết trong hơn sống nhơ sống đục. Đầu chui đuôi lọt, khôn làm thầy ngây làm tớ, điều khôn điều dại, thì sẽ bảo nhau. Tay làm hàm nhai, trẻ cậy cha già cậy con, trong cửa trong nhà, không nên cay độc. Dẫu trăm khéo nghìn khôn cũng vậy, cây cao rồi càng cả gió lay ; cứ một vừa hai phải mà thôi, tre già lại có tuần măng mọc. Mạnh về gạo bạo về tiền, miệng ăn núi lở, người đời nên cần-kiệm giữ-gìn ; đói cho sạch rách cho thơm, chân cứng đá mềm, của thế chớ tham-sân bỡi móc. Nén bạc đảm toạc tờ giấy, đừng quẳng xương cho chó cắn, sui nguyên giục bị mang tiếng thù-hằn ; có bột mới gột nên hồ, đừng mang thịt cho hùm ăn, rãi nắng rầm mưa, luống công khó nhọc. Có của phải khó về của, không tham một gốc lãi hai ; có tài mà cậy chi tài, đầu dầm mười người kể chục. Trách những kẻ khoe khôn cậy khéo, đánh trống qua cửa nhà sấm, bắt chước đàu những kẻ si-tình ; ngán cho người đua sức tranh tài, mang chiêng đi đấm nước người, học đòi chi những phường ngu-tục. Ngao-ngán nhẽ múa dìu qua mặt thợ, chớ quen đường khoe-khoảnh hung-hăng ; buồn tênh thay cầm đuốc soi chân người, cứ giữ thói tham-sân lợi dục. Đương cơn phận còn hẩm, khéo ăn thì no, khéo co thì ấm, cũng khen cho là kẻ biết ơn ; đến lúc duyên đã may có chí làm quan, có gan làm giầu, mới tỏ là người gặp khúc. Khuyên ai ai đều vẹn đạo thường, chớ lục lục noi theo thói tục.

Song-canh, Phạm-Tế-Mỹ sao lục

Văn Nam-kỳ

Năm mới

Máy con tạo lại đưa xuân tới,
Rực huê thêu thêm mới bấy non sông.
Trên đầu xanh luống chửa tuổi chập-
[*chồng,*
Ơn hóa-dục cũng phải mong báo-bổ.
Hoàn-hải yên-hoa trừng ngọc-vũ,
Sơn-hà cẩm-tú cựu kim-âu.
Gẫm thiều-quang riêng thẹn với mày
[*râu.*
Đường tấn-hóa vót toan hầu chen
Tự cổ thịnh suy vô định trước, [*bước.*
Chỉ tùng cần đãi phản thù khoa.
Nay mở-mang nhờ sẳng có nước-nhà,
Song đua chi cả gắng theo mà sang
[*lước.*
Kia kỹ-nghệ công thương là việc trước,
Có ra công rồi mới được rạng danh.
Hỡi xin nong-nả ngày xanh.

Nghi dĩ thương vi nghiệp

« Điệu ca Tứ-đại-cảnh »

Chớ chi mà, đồng-bang nghĩ lại,
Nghiệp thương-mại, trước phải yêu vì.
Chung tiền bạc, gây dựng ti-công-ti,
Khi rửa thì, xin bỏ việc hiềm-nghi.
Đừng ràng buộc thê-nhi,
Nên ra ngoài, toan lợi hại, với bạn
[*tương-tri.*
Như rửa thì, đường danh-lợi chi thiếu
[*chi,*
Đương buổi này, mà không biết nghĩ
[*suy.*
Mối lợi lớn mần ri! Chư nhiệt-thành,
Trong xã-hội, xin ráng khỉ-đoan,
Khá luận bàn, bỏ việc dang-dở-dang.
Hãy liệu toan, cho thương-cuộc cho an.
Đừng gọi nhọc thở-than. Thở thở than!
Cho dân-tộc chúng ta. Suy-vi như vầy,
Cũng mày râu, mà thua sức tha-bang.
Không thấm biết hồ hang Đồng đồng
[*bang!*
Ráng kiếm phang, rủ nhau cho mau
Nếu không lo, thiệt là hại, [*hiệp-hùn.*
Liệt-bại, liệt-bại lại tương-lai.
Hỡi ai, chớ phai tấm lòng,
Đất Nam-việt không thiếu gì bề
[*thương.*
Dân Nam-việt, nên giữ lấy nghề
[*thương.*

Huỳnh-Bá-Khuê

Văn Trung-kỳ

Túy-vân Khúc

Ở chốn Thần-kinh có ba mươi sáu thắng-cảnh, cảnh Túy-vân là một thắng-cảnh ở trong số ấy. Túy-vân là một tiểu-đảo ở giữa đầm Hà-trung có chùa Từ-dung, đình Tiến-sản v. v.. gồm đủ một phong-cảnh, sơn thủy rất thanh-tú, khiến cho người tao-nhơn, mặc-khách thường nối gót lưu-liên để-vịnh lâm-ly ở đó. Thật là một phong-cảnh rất u-thúy.

Ông Nguyễn-Thuyết hiệu Mộng-Sy là một người danh-sĩ ở Đế-kinh, có tánh cao-thượng, phong-nhã, thường ưa chủ-nghĩa chữ «nhàn trí» nên ông đề vịnh rất nhiều bài, trong khi ông lăm-thăng tầm-u. Nay có bài *Túy-vân-khúc* lục đăng sau này và có chú-thích một đôi chữ toàn là những tiếng ở Trung-kỳ để gọi cùng độc-giả chư-quân-tử nhàn-lãm, tưởng cũng mua vui được một vài khoảng vắn vậy.

Vân-Bình

Hoa (1) dâng ta viếng chiền già,
Một vài bạn ngọc năm ba lá thuyền.
Cách giồng quyện sóng đào lặng-lẽ,
Hạt móc rơi sẽ sẽ hơi xuân.

Buồm lan chèo quế lăng-xăng,
Rừng mây hoa cỏ nửa ngần Tiêu-
[*Tương (2).*

Khói sóng Hương trạm đường xa
[*ngất,*
Bờ thấp cao xanh ngắt cồn cây.
Bao-la trời bể nước mây,
Sắc chàm mới hớt nhuốm say một màu.
Chiếc ngư-phủ buông câu bãi lục,
Tiếng địch chiều rỗi khúc « Thương-
[*Lang » (3).*

---

(1) *Hoa-dâng* tức là chữ niêm-hoa : nghĩa là đem hoa đi cúng Phật.

(2) *Tiêu-Tương* : là xứ Tiêu-Tương ở Trung-hoa có lắm cảnh-trí rất đẹp. — Mia-ngần Tiêu-Tương tức là giống xứ Tiêu-Tương.

(3) Đường-thi có câu : *Thụy khỉ hoảng nhiên thành độc-tiếu ; sổ thanh ngư địch tại Thương-lang*, nghĩa là khi ngủ dậy mỉn cười mà vui riêng thời nghe một đôi tiếng sáo của kẻ chài thổi ở chốn Thương-lang.

Giang-hồ lắm thú rảnh-rang,
Kìa bầy âu lộ nghênh-ngang bãi cồn.
Giọng nỉ non con buôn khéo hát,
Khúc Hải-hồ (1) rải-rác bên sông.
Khách vui ta có chạnh lòng,
Mới, bầu thế giới, cũ, vòng giang-sơn.
Nhìn góc bể trăng hừng ló mặt,
Nhạn liệng mù cheo-chắt oi tai (2).
Xướng ngâm ta nối một bài,
Chung thuyền Lý (3) Quách, chen vai [Mạnh (4) Hàn.

Thơ rằng :

Trăm (5) hai sông núi vẫn trơ trơ,
Chiếc bá giòng Tương luống hững hờ.
Cá móng trộ (6) say dường khuyến rượu.
Chài buông tiếng (7) sáo giúp nên thơ.
Giang-hồ cũng đội chung trời đất,
Thi-tứ nào ham lợi sớm trưa.
Vượt bể con con mòi (8) lặng phắc,
Thuyền (9) đưa lỉ-tỉ khách năm ba.

Thơ rồi hứng, bỏi-bàn lang-tạ.
Gõ mạn thuyền hở-hả cười ru.
Cuộc dùa ước gái cung (10) Ngô,
Một chèo Tây-tử (11), năm hồ Phạm-[Lỵ (12).
Đoái phong-cảnh sơn-kỳ thủy-tú,
Ngó xa xa lố-xố non rùa.
Trông nam nhớ đến mô-mô,
Kình (13) chìm bể bắc, cáo (14) dùa non tây.
Trời Nam-Việt càng ngày sáng quắc,
Nhóm mâm sao vẳng-vặc chuôi « Quẻ » (15).
Cõi bờ rộng mở bốn bề,
Ngại vàng áo (16) phủ, xiêm (17) phê chín tầng.

Thơ rằng :

Năm nối năm trăm cõi Việt-Nam,
Bốn dân vui-vẻ thú ăn làm.
Thiệt-thà lối cũ vì chưa hóa,
Khôn-khéo ngày nay thấy đã ham.
Vàng có nén nườm ăn bấy lửa,
Xanh kia khéo nhuộm sạm hơn chàm.

---

(1) *Hải*-hồ tức là khúc Hải-hồ.
(2) *Oi tai* : Oi tức là k u vang.
(3) Xưa có câu : *Lý, Quách đồng-châu* : tức là họ Lý, họ Quách : Lý-Ưng, Quách-Thái là hai người danh-sĩ, cùng đi một thuyền.
(4) Mạnh-Đồng-Giạ Hàn-Thôi-Chi là hai ông danh-sĩ ngày xưa.
(5) Trăm hai sông núi : tức là bách nhị sơn hà.
(6) *Say* : là cái cọc đóng để mà dăng sáo vây cá. — Trộ say tức là từng vạt sáo vi cá vậy. (Câu thơ ấy nghĩa là thấy cá móng dường như thích khẩu mà uống thêm rượu).
(7) *Sáo* : tức là tiếng ống sáo thổi của những kẻ chài chử, gọi là ngư-địch, (câu này nghĩa là nghe tiếng sáo thổi dường như giúp điệu cho ta làm thơ.)
(8) *Mòi* : là lượng sóng nhỏ.
(9) *Thuyền đưa chữ gọi là qua-thuyền* : nghĩa là những thuyền nhỏ giống trái dưa chẻ đôi thả trên mặt nước.
(10) *Cung-Ngô* : là cung-điện vua Ngô Trung-quốc đời xưa, có lắm cung-nữ đẹp.
(11) *Tây-Tử* : là nàng Tây-Thi vợ vua Ngô-vương nhan-sắc rất đẹp.
(12) *Phạm-Lỵ* là Phạm-Lãi là một ông quan lớn của Việt-vương sai đem nàng Tây-Thi tặng cho Ngô-vương. Sau khi nhà Ngô mất, Phạm-Lãi lại đem nàng Tây-Thi đi chơi thuyền để thưởng thắng cảnh trong năm hồ ở Trung-quốc. Đời ấy có câu : Hiệp Tây-Thi du ngũ-hồ.
(13-14) Hai câu ấy chỉ rằng giặc Tây-sơn đã dẹp sạch ; nạn Bắc-hải đã lặng yên.
(15) *Chuôi Quẻ* : là cán sao *Quẻ* là một vị sao lớn, vì những bậc Đế-vương.
(16-17) *Áo phủ xiêm phê* : chữ gọi rằng : *thùy-củng*, nghĩa là đời thái-bình áo phủ xiêm phê.

Trồng hoa ta giúp công vun quén,
Mới chác hương trời mãi mãi thơm.
Chuyện thỏ-thẻ mấy lời cũ mới,
Giọt đồng-hồ thẻ rưới sương mai.
Thuyền dừng bến liễu thảnh-thơi,
Thờ-ơ con ác đã ngời non đông.
Mỏ sóng lặn Tư-dung (1) cửa bể,
Bóng tinh (2) kỳ Võ-đế còn phơi.
Thánh-duyên (3) bia dựng công trời,
Chùa kề mặc phá tháp ngồi đỉnh non.
Nén hương-nguyện lòng son khắn vó,
Chiếc lá tìm Đông-độ (4) là đây.
Cửa (5) Không thong-thả tháng ngày,
Chày (6) kình khoan nhặt, phan (7) mây dập-dìu.
Chốn sơ-địa (8) còn nhiều cảnh lạ,
Trăng thường tròn, hoa nở răng răng.
Cá khe lắng kệ tưng-bừng,
Chim hôm chắp cánh về rừng nghe kinh.

Bước dàn (9) việt giạo quanh đỉnh Tùy,
« Tiến-sản » (10) dành chốn nghỉ thừa-lương.
Lượt trùm (11) vách phấn trăm chương,
Ngọn hoa xin chắp đôi hàng phía sau.
Mảnh tà-dương đã hầu gác bóng,
Sóng tùng khua dường tống qui châu.
Ngâm câu phản trạo Vương-[du, (12)
Giang sơn gửi với tóc râu chưa già.

Thơ rằng :

Từng mẳng (13) Hoa (14) dung có cảnh chùa,
Giang sơn ai khéo vẽ nên đồ.
Trăng dầm bể (15) trẻ tròn đôi bóng,
Hoa nở từng non ngát bốn mùa.
Xấp-xới tàn tùng che tháp nhạn,
Dịu-dàng quạt gió thổi non rùa.

---

(1) *Tư-dung* : là tên cửa bể, nay đổi lại Tư-Hiền.
(2) Cổ-thi có câu : *Võ-đế tinh-kỳ tại nhãn trung*, câu ấy ví như công-nghiệp Thế-tổ Cao-Hoàng-đế (Gia-Long) còn trông thấy ngày nay.
(3) Ở chùa Túy-vân có bia của đức Hiến-tổ dựng, sắc danh là Thánh-duyên.
(4) *Đông-độ* : là tích ông Đạt-ma thuyền-sư qua nước ta.
(5) *Cửa-không* : tức là *không-môn* nghĩa là cõi chùa.
(6-7) *Chày kình* : là cái dùi đánh chuông. — *Phan mây* : là cái giải phướng của nhà chùa.
(8) *Sơ-địa* : tức là cõi Phật, chữ này ở trong kinh-điển Phật.
(9) *Đàn-việt* : trong kinh-điển Phật gọi Đàn-na, Đàn-việt là người đi chùa.
(10) *Tiến-sản-đỉnh* : là một cái đỉnh hóng mát tên là Tiến-sản ở núi Túy-vân.
(11) Xưa có ông danh-sĩ khi hàn-vi ở nhờ trong chùa bị khinh bạc phải bỏ đi, khi đi có viết vào vách mấy câu thơ, cách 20 năm về sau ông trở về thời đã vinh-qui lắm, trở lại thăm cảnh chùa ở nhờ cũ thời thấy những câu thơ ông viết ngày xưa nay đã có người qui-trọng lấy một thứ lượt rõ thưa màu bích đem trùm những câu thơ ấy, làm cho đẹp lòng ông, vì thấy ông nay đã vinh-qui rồi thời dùng lượt trùm, vách phấn trăm chương tức là nghĩa ấy.
(12) *Vương-Du* : xưa có ông Vương-Du có cái hứng lạ thường, một hôm ông bảo người nhà chèo thuyền đi thăm bạn, thuyền chèo trót 3 giờ mới tới cửa nhà ông bạn thời ông lại bảo chèo trở lui, người chèo thuyền lấy làm lạ hỏi ông, ông nói rằng : khi thừa-hứng thời ông đến, khi bại-hứng thời ông trở lui, cần gì phải gặp bạn mới là thỏa cái hứng.
(13-14) *Mẳng* : nghĩa là tiếng đồn ; *Hoa-dung* : tên cảnh chùa ở Túy-vân.
(15) *Bể-trẻ* : nghĩa là *Hải-nhi* tức là cái đầm cái phá thông-lưu với bể.

Một chèo nghiêng-ngửa quanh trời đất,
Nhân (1) trí là dây lọ ở mô.

* * *

Rêu dệt đường hoa ốc cuốn tròn,
Lên cao trông suốt bể con con.
Sóng nhào muốn ngựa đua trên nước,
Đá mọc trăm voi mẹp xó non.
Cõi Phật nghiêm-trang lòng dễ mến,
Bia thần chói-lói nét chưa mòn.
Tiếng sanh Tử-tấn (2) còn mường tượng,
Nhớ lối năm xưa dục-dã buồn.

Đi đường (lúc thuyền trở về)

Bến liễu thuyền xuôi nửa buổi chiều,
Buồm (3) no gặp lúc gió hiu-hiu.
Lục lìa sông ngắm màu đầu vịt, (4)
Xanh ngắt lùm gio bãi lưỡi-mèo.
Giẫu ngựa buông cương đường cái thẳng,
Con thuyền nối lái khúc sông to.
Non rùa ngoái cổ dường nghe kệ,
Hương Phật xa thơm chửa mốc meo.

Mộng-Si, Nguyễn-Thuyết (Huế)

KHUYÊN MUA PHIẾU CÔNG-THÁI 6 TRIỆU ĐỒNG

I

Công-thái lần xưa đã bốn kỳ, (期)
Sáu ly, cùng với bốn, năm ly.
Sẵn tiền sẵn bạc kìa bao kẻ.
Vừa lợi vừa danh dễ mấy khi.
Quản phí-tổn chi, tiền sáu triệu,
Cốt liên-lạc lấy, đất ba kỳ. (圻)
Nước vay ta lại giầu hơn nước,
Ai dám cười ta, chú sét-ty.

II

Hằng-tâm hằng-sản những ai ơi,
Gọi cổ tiền ra góp với người.
Sáu triệu đồng này nên vạn việc,
Ba mươi năm nữa gấp đôi lời.
Số giầu trúng số giầu vỏ số,
Đời sướng xem đời sướng cả đời.
Vay trước bao lần vay sẵn đất,
Lần này vay chắc dễ như chơi.

HỮU-TÒ, PHẠM-XUÂN-NÙNG.

(1) *Nhân-trí* : sách có câu : *trí-giả nhạo sơn* ; *nhân-giả nhạo thủy*.
(2) *Tử-Tấn* : là một ông Hoàng Hầu-sơn Tử-Tấn phong-lưu tài-điệu.
(3) *Buồm no chữ gọi là phàm bão*, vì gió thổi nong cánh buồm giống như dáng ăn no bụng.
(4) Cổ-thi có câu : xuất-thủy áp-đầu.

NAM-SỬ DIỄN CA

(Tiếp theo)

Thục-vương diệt nước Văn-lang,
Đổi tên Âu-lạc sửa-sang Loa-thành.
Rùa vàng bỗng thoát vuốt linh,
Nỏ thần đã chế, việc binh thêm cường.
Chu vong rồi đến Tần-hoàng,
Đồ-Thư, Sử Lộc mở đường nam-xâm.
Chia làm Thượng-quận, Quế-lâm ;
Đặt làm Úy-Lệnh Triệu, Nhâm hai [người.
Nhâm-Hiêu mắc bệnh về rồi,
Triệu-Đà ở lại kiếm nơi giảng-hòa.
Thục nam, Triệu bắc hai nhà,
Trước là lân-quốc, sau là hôn-thâu.
Mỵ-Châu, Trọng-Thủy tình-thân,
Mưu người lừa-lọc, nỏ thần đổi thay.
Tình-thân khen chước ai bày,
Vào đem quân Triệu ra ngay cõi Tần.
Vuốt rùa mất máy nỏ thần,
Lông ngỗng đuổi đến hải-tần mới thôi.
An-Dương quốc-vận đã rồi,
Năm mươi năm chẵn ở ngôi cũng dài.
Triệu-Đà lấy Thục như chơi,
Nhân cơ Bắc loạn, riêng giời nam- [phương.
Phiên-ngung cứ-hiểm xưng-vương,
Cạnh-tranh sức cả, tự-cường mưu cao.
Trung-châu gặp buổi Hán-trào,
Khiến người Lục-giả qua trao ấn-phù.
Vì ai cấm chợ nên thù,
Trượng-xa vấn-tội mới thu binh về.
Ra uy Mân-việt, Quảng-tê,
Đất muôn thừa dặm bốn bề ai ngăn.
Kính vàng tờ Hán chiếu-vân,
Mới dâng tạ-biểu xưng thần lão-phu.
Ngoại-thần giả lễ Chư-hầu,
Trong là Việt-đế kém đâu Hán-hoàng.
Tái-truyền vừa đến Văn-vương,
Gặp quân Mân-Việt xâm-cương mấy
Minh-vương lại nối lên ngôi, [hồi.
Họ Cù là vợ họa mồi dựng gây.
Ai-vương tuổi hãy thơ-ngây ;
Mẹ là Cù-hậu riêng tây nhiều bề.
Lã-Gia khuyên-giản chẳng nghe ;
Lại nhờ quân Hán đem về thị-uy.
Lã-Gia truyền-hịch tức-thì,
Cầm quyền phế-lập phù-trì Vệ-dương.
Hai nghìn quân Hán tử thương,
Phong cờ sứ-tiết đề đường ải-quan.
Bỗng đâu Hán phái quân quan,
Năm đường sĩ-tốt hai ngàn giáp- [binh.
Hán-dương buông lửa đốt thành,
Vệ-dương, Lã-tướng nộp mình một [phen.
Năm đời vua Triệu kể truyền,
Kể ra năm-mươi-chín niên cũng dài.
Rồi sang Hán-Vũ lên ngôi,
Giao-châu chín quận thuộc người cơ- [my.
Đặt quan Thái-thú trị-vì,
Trước thì Thạch-Đới, sau thì Quang- [Duyên.
Tích-Quang lễ nghĩa khai-tiên,
Nhâm Duyên dậy việc canh-điền, hôn- [nhân.
Từ khi hai gã thú thần
Hoa-phong rầy khắp xa gần mọi nơi.
Trải trăm bốn chín năm giời
Qua đời Tây-Hán sang đời Hán-Đông.
Thú-thần Tô-Định gian-hung,
Giết người Thi-Sách là chồng Trưng- [vương.
Phong-châu là đất quê hương,
Em là Trưng-Nhị cũng phường trượng- [phu.
Cất cơ xướng-nghĩa chinh-chu,
Vì chồng quyết giả cái thù non sông.
Nữ-nhi nổi tiếng anh-hùng,
Khen ai mà lại thẹn-thùng cho ai

Đuổi Tô-Định khỏi cõi ngoài,
Một tay thu phục sáu mươi nhăm [thành.
Lĩnh-Nam riêng một triều-đình,
Cờ treo độc-lập, quyền rành tự-do.
My-linh vừa dựng kinh-đô,
Phục-Ba đã lĩnh bình-phù tới nơi.
Quân ta dù kém quân người,
Hơn thua cũng thử với giời một keo.
Cắm-khê dòng nước trong veo,
Nghìn thu một tấm gương treo tiết- [nghì.
Cột đồng dựng chốn biên-thùy,
Buông quyền cai-trị thôi thì mặc ai.
Minh, Trương, Hiếu, Thuận trải đời,
Hán-quan nào được mấy người tuần- [lương.
Trương-Kiều, Giả-Phủ, Hạ-Phương,
Còn như Phàn-Diễn, Giả-Xương kể gì !
Lý-Cầm nào có công chi,
Khiến người Hán, Việt một khi đồng [triều.
Bốn trăm vận Hán đã nhiều,
Rồi qua Tam-quốc cùng nhau tranh- [cường.
Nam-giao học-tổ Sĩ-vương,
Đầu đem văn-hiến mở-mang nước nhà.
Tài cao sánh với Triệu-đà,
Ngoài là Hán-thú, trong là quốc-vương.
Sĩ-Huy chẳng biết tự-cường,
Thuộc về Ngô, Ngụy phong-cương các [nhà.
Cửu-chân là đất Thanh-hoa,
Có bà Triệu-ẩu vú ba thước trường.
Tiếng đồn Lệ-hải-bà-vương,
Áo vàng phấp-phới ngồi đường đầu voi.
Thương-tâm vì nỗi giống-nòi,
Đem thân bồ-liễu làm mồi đạo-cung.
Giặc Ngô nào dám tranh-phong,
Bầy mươi thừa trận vẫy-vùng một [phương.
Chân sơn gặp bước vội-vàng,
Dư-uy còn đủ hồ phường mày râu.
(Còn nữa)

ĐINH-VĂN-CHẤP
Hoàng-giáp, Thị-độc học-sĩ

PHÁP-VĂN TRÍCH-DỊCH

Histoire de la reine Gisèle et de la fée Corysante

Il était une fois une reine nommée Gisèle, qui avait beaucoup d'esprit et un grand royaume. Son palais était tout de marbre ; le toit était d'argent ; tous les meubles qui sont ailleurs de fer ou de cuivre, étaient couverts de diamants. Cette reine était fée, et elle n'avait qu'à faire des souhaits, aussitôt tout ce qu'elle voulait ne manquait pas d'arriver. Il n'y avait qu'un seul point qui ne dépendait pas d'elle ; c'est qu'elle avait cent ans, et elle ne pourrait se rajeunir. Elle avait été plus belle que le jour et elle était devenu si laide et si horrible que les gens mêmes qui venaient lui faire la cour,

Truyện Hoàng-hậu Gi-diên và nàng tiên Cô-di-dang

Nàng Gi-diên là Hoàng-hậu một nước lớn kia, tư-chất thông-minh khác thường. Cái lầu nàng ở toàn xây bằng đá-hoa, mái nhà lát bạc, đồ-đạc hoặc bằng đồng hoặc bằng sắt, đều lóng-lánh những đá kim-cương. Nàng vốn là một vì tiên-nữ, ước sao được vậy. Chỉ có một điều muốn trẻ lại thì nàng không tài nào ước được, vì nàng đã chẵn trăm tuổi. Khi xưa, nàng đẹp tuyệt-trần mà bây giờ nàng xấu như ma, thậm-chí những kẻ tôi tớ, khi hầu chuyện nàng, cố kiếm cách ngảnh mặt ra nơi khác cho khỏi

cherchaient, en lui parlant, des prétextes pour tourner la tête, de peur de la regarder. Elle était toute courbée, tremblante, boiteuse, ridée, crasseuse, chassieuse, toussant et crachant toute la journée avec une saleté qui faisait bondir le cœur. Elle était borgne et presque aveugle ; ses yeux de travers avait une bordure d'écarlate ; enfin, elle avait une barbe grise au menton. En cet état, elle ne pouvait se regarder elle-même, et elle avait fait casser tous les miroirs de son palais. Elle n'y pouvait souffrir aucune jeune personne d'une figure raisonnable. Elle ne se faisait servir que par des gens borgnes, bossus, boiteux et estropiés.

Un jour, on présenta à la reine une jeune fille de quinze ans, d'une merveilleuse beauté, nommée Corysante. D'abord, elle se récria : « Qu'on ôte cet objet de devant mes yeux ! » Mais la mère de cette jeune fille lui dit : « Madame, ma fille est fée, et ella a le pouvoir de vous donner en un moment toute sa jeunesse et toute sa beauté ». La reine, détournant ses yeux, répondit : « Hé bien ! que faut-il lui donner en récompense? Tous vos trésors, et votre couronne même, répondit la mère. — C'est de quoi je ne me dépouillerai jamais, s'écria la reine, j'aime mieux mourir ». Cette offre ayant été rebutée, la reine tomba malade d'une maladie qui la rendait si puante et si infecte, que ses médecins jugèrent qu'elles mourrait dans peu de jours. Dans cette extrémité, elle envoya chercher la jeune fille et la pria de prendre sa couronne et de tous ses trésors pour lui donner sa jeunesse et sa beauté. La jeune fille lui dit : « Si je prends votre couronne et vos trésors, en me donnant ma beauté

phải nhìn đến diện-mạo nàng. Lưng nàng thì còng gẫy hẳn xuống, chân tay run cầm-cập, đi tấp-ta tấp-tểnh, má thì răn rúm, người-ngợm rứt bẩn thỉu, cả ngày hết ho lại nhổ. Mắt đã lòa lại chột mà đều có viền đỏ ; ở cằm lại mọc mấy cái râu sam-sám. Hình-dung tiều-tụy như thế, dẫu mình cũng chẳng muốn nhìn mặt mình làm gì, nên trong lầu có bao nhiêu gương, nàng sai đập vỡ cả. Hễ nàng trông thấy ả nào ra dáng xuân xanh, mặt mũi hơi khá, thì nàng tức thâm gan tím ruột. Kẻ hầu người hạ nàng, phi chột mắt bướu chân, thì quê hay thọt.

Một hôm có người dắt đứa con gái độ mười lăm tuổi, nhan-sắc nghiêng nước nghiêng thành, tên gọi Cô-gi-dang đến yết-kiến nàng. Thoạt trông nàng hét lên rằng : « A-hoàn đâu, đuổi kẻ kia xa ta ra, không được cho lại trước mặt ta. » Nhưng người mẹ đứa bé ấy kêu rằng : « Tau Hoàng-hậu, cháu là vì tiên-nữ, cháu có phép làm cho Hoàng-hậu chỉ một lát là trai trẻ xinh đẹp như cháu được ». Nàng nghe thấy, liền ngảnh cổ lại hỏi rằng : « Như vậy thì ta phải thưởng cho con nhà ngươi những gì ? » Người mẹ tâu rằng : « Hết cả kho tàng của Hoàng-hậu, cùng ngọc-tỉ truyền quốc nữa ». Nàng liền thét rằng : « Không khi nào ta chịu bỏ hết của-cải như vậy thà ta chết còn hơn ». Nàng nói thế rồi không thuận, từ đấy mắc một bệnh kỳ dị, hôi-tanh đến nỗi các a-hoàn không dám đến hầu cận, mà suốt cả các y-quan đều bảo rằng không bao thì nàng sẽ băng-hà. Nàng thấy nông-nỗi ấy không sao được, mới truyền đi tìm người con gái khi trước và xin dâng hẳn hết cả kho-tàng cùng ngọc-tỷ để hẳn làm cho nàng được trai-trẻ xinh-đẹp. Người con gái tâu rằng : « Bẩm nay tiện-thiếp tham kho-tàng cùng ngọc-tỉ của Hoàng-hậu thì tiện thiếp phải chịu cảnh già-nua khổ-sở

et mon âge, je deviendrai tout à coup vieille et difforme comme vous. Vous n'avez pas voulu d'abord faire ce marché, et moi, j'hésite à mon tour pour savoir si je dois le faire.» La reine la pressa beaucoup ; et comme la jeune fille sans expérience était fort ambitieuse, elle se laissa tomber au plaisir d'être reine. Le marché fut conclu. En un moment, Gisèle se redressa, et sa taille devint majestueuse, son teint prit les plus belles couleurs ; ses yeux parurent vifs ; la fleur de la jeunesse se répandit sur son visage, elle charma toute l'assemblée. Mais il fallut qu'elle se retirât dans un village et sous une cabane, couverte de haillons. Corysante, au contraire, perdit tous ses agréments, et devint hideuse. Elle demeura dans ce superbe palais et commanda en reine. Dès qu'elle se vit dans son miroir, elle soupira et dit qu'on n'en présentât jamais aucun devant elle. Elle chercha à se consoler par ses trésors, mais son or et ses pierreries ne l'empêchaient point de souffrir tous les maux de la vieillesse. Elle voulait danser, comme elle était acccoutumée à le faire avec ses compagnes, dans les prés fleuris, à l'ombre des locages ; mais elle ne pouvait plus se soutenir qu'à l'aide d'un bâton. Elle voulait faire de festins, mais elle était si languissante et si dégoûtée que les mets les plus délicieux lui faisaient mal au cœur. Elle n'avait même aucune dent et ne pouvait se nourrir que d'un peu de bouillie. Elle voulait entendre des concerts de musique, mais elle était sourde. Alors elle regretta sa jeunesse et sa beauté, qu'elle avait follement quittées pour une couronne et pour des trésors dont elle ne pouvait se servir. De plus, elle qui avait été bergère et qui était accoutumée à passer les jours à chanter en conduisant ses moutons, elle était à tout moment importunée des affaires difficiles qu'elle ne pouvait point régler. D'un autre côté, Gisèle, accoutumée à régner, à posséder tous les plus grands biens, avait déjà oubliée les incommodités de la vieillesse ; elle était inconsolable de se voir si pauvre. « Quoi ! disait-elle, serai-je toujours couverte de haillons ? A quoi me sert toute ma beauté sous cet habit crasseux et déchiré ? A quoi me sert-il d'être belle, pour n'être vue que dans un village par des gens si grossiers ? On me méprise, je suis réduite à servir et à conduire des bêtes. Hélas ! j'étais reine ; je suis bien malheureuse d'avoir quitté ma couronne et tant de trésors ! Oh ! si je pouvais les revoir ! Il est vrai que je mourrai bientôt ; eh bien ! les autres reines ne meurent-elles pas ? Ne faut-il pas avoir le courage de souffrir et de mourir plutôt que de faire une bassesse pour devenir jeune ? » Corysante sentit que Gisèle regrettait son premier état, et lui dit, qu'en qualité de fée, elle pouvait faire un second échange. Chacun reprit son premier état. Gisèle redevint reine, mais vieille et horrible ; Corysante reprit ses charmes et la pauvreté de bergère. Bientôt, Gisèle accablée de maux, s'en repentit, et déplora son aveuglement ; mais Corysante, qu'elle pressait de changer encore, lui répondit : « J'ai maintenant éprouvé les deux conditions : j'aime mieux être jeune et manger du pain noir, et chanter tous les jours, en gardant mes moutons que d'être reine comme vous dans le chagrin et la douleur. »

FÉNELON

như Hoàng-hậu. Trước kia Hoàng-hậu không thuận lời xin của tiện-thiếp, đến nay tiện-thiếp cũng dùng-dằng, không biết có nên vâng lời Hoàng-hậu không ? » Nàng Gi-diên cố nài ép mãi, mà nàng Cô-di-dang có ý tham-lam, nghĩ mình thốt nhiên được làm Hoàng-hậu thì cũng xuôi lòng ; nên hai bên đều ưng thuận cả. Chỉ một lát, nàng Gi-diên thay hình đổi dạng, mặt mày vạm-vỡ, da-dẻ hồng hào, đôi mắt sắc-sảo, diện mạo trông có dáng xuân, cử-tọa đều nhìn không chán mắt. Nhưng phiền một nỗi phải bỏ nơi lầu hồng gác tía, đi ở túp lều tồi-tàn kia ở trong só làng. Về phần nàng Cô-di-dang thì tự-nhiêm xấu-xí, chẳng còn tí gì là xuân, nhưng nàng được chễm-chện ở lâu-đài nguy-nga và cầm quyền Hoàng-hậu. Khi nàng soi hương thấy hình-dung tiều-tụy lấy làm buồn rầu, thở ngắn than dài, rồi truyền rằng từ nay không được cho ai đến chiêm-cận. Nàng cố ý quên phiền-não, vì thấy tiền bạc như rừng, nhưng suốt cả kho tàng, nào vàng bạc cùng các thứ ngọc quí cũng chẳng tài nào làm cho nàng quên được cái cảnh già-nua xấu-xa ấy. Muốn nhảy múa như khi xưa nàng vẫn từng nhảy múa cùng chị em ở ngoài đồng đầy hoa tươi tốt, ở dưới bóng cây um-tùm, nhưng hễ đứng dậy thì không có gậy không đứng vững. Muốn ăn những đồ sơn-hào hải-vị và làm yến nọ tiệc kia, nhưng không tài nào nuốt trôi cổ họng ! Vả nàng lại dụng nhằm cả răng, ngày ngày chỉ nuốt tí cháo cho qua bữa, còn thì không nhai được gì cả. Muốn nghe đàn nhạc, tai điếc mất rồi. Nàng thấy cảnh khổ-sở ấy, mới nhớ đến khi xưa nàng tuổi xuân sắc đẹp, chỉ vì tham tiền rừng bạc bể, tham ngôi Hoàng-hậu, cho nên đến nỗi thế này. Vả nàng vốn chăn chiên chỉ quen chăn đàn cừu, vừa đi vừa hát dọc đường, không quen trị vì thiên-hạ, nên công việc trong nước hết thảy bề-bộn, không đâu vào đâu. Còn nàng Gi-diên xưa nay quen mùi phú-quí phong-lưu, bây giờ nghèo hèn, lấy làm cực quá, cho là khổ hơn cảnh già-nua của nàng khi trước. Nàng nghĩ rằng : « Ta cứ chịu rách rưới mãi thế này hay sao ? Đẹp mà phải mặc quần áo bửn-thỉu tàn-tệ như ta thì đẹp làm gì ? Đẹp mà dúc vào só làng cho những đồ nửa người nửa ngợm nó nhìn thì đẹp làm gì ? Ai cũng bĩ mình phải coi sóc và chăn đàn vật. Gớm chưa, mình là Hoàng hậu mà phải bỏ cả kho-tàng cùng đồ quốc-bảo thì khổ-sở chừng nào ! Bây giờ của-cải ấy lại về tay ta thì ta sướng đến đâu. Vẫn đành rằng chẳng bao lâu ta chết, nhưng ai mà chẳng chết, hết cả các bà Hoàng-hậu có ai tràng-sinh bất-tử đâu nào ? Thà rằng ta chịu khổ mà chết còn hơn trẻ mà đê-nhục.»

Nàng Cô-di-dang thấy nàng Gi-diên phàn-nàn nhớ đến cảnh cũ thì bảo rằng vì nàng là tiên, nàng có thể lấy lại niên-sỉ cùng chân-dung của nàng khi xưa và giả nàng Gi-diên hết cả kho tàng cùng ngọc-tỉ. Hai nàng đền thuận, rồi Gi-diên lại làm Hoàng-hậu, nhưng già-nua xấu-xí, còn Cô-di-dang lại đẹp-đẽ trẻ-tơ, nhưng chăn chiên và nghèo hèn. Chẳng bao lâu nàng Gi-diên đau-đớn khổ-sở, mới hối lại mình bộp-chộp, không nghĩ cho chín, rồi đi tìm nàng Cô-di-dang chực đổi lại một lần nữa. Cô-di-dang giả lời rằng : « Nay thiếp đã trải cả hai cảnh rồi, thiếp chẳng khi nào muốn làm Hoàng-hậu mà sầu não như nàng nữa ; thiếp chỉ thích tuổi trẻ, ăn cơm gạo hẩm, chăn cừu và hát-hỏng cả ngày, thế là mãn-nguyện bình-sinh, không còn mơ-tưởng gì nữa ».

HOÀNG QUÂN dịch

TIỂU THUYẾT

Cảm tình tri kỷ

(Luận-lý tiểu-thuyết)

Người ta ở đời khó tìm được một người tri-kỷ, cho nên «được một người tri-kỷ cũng đủ thỏa lòng» cổ-nhân đã có câu nói làm vậy. Thế nào là người tri-kỷ ? Người tri-kỷ là một người biết cho mình ? Bao những cái tài hay đức tốt của mình người đời không ai tỏ được cho mình mà người tri-kỷ của mình tỏ cho mình hết. Phàm những điều thiên-hạ chê mình thời người tri-kỷ của mình lấy làm khen ; phàm những điều thiên-hạ ghét mình thời người tri-kỷ mà mình lấy làm yêu. Tâm-sự mình, cảnh-ngộ mình, tài-năng mình, tri-lự mình, tình-tình mình thế nào người tri-kỷ mình biết cho cả. Người khác không tin mình mà người tri-kỷ của mình thời tin mình ; người khác không quí mình mà người tri-kỷ của mình thời quí mình. Ôi ! Thế cho nên người tri-kỷ mới là một cái bảo-vật của mình. Được một người tri-kỷ sướng vậy thay !

Bởi vậy cho nên gặp một người tri-kỷ thời dễ cảm ; đã cảm thời cảm rất xâu. Cảm người tri-kỷ mà thường có khi sống thác cũng liều ; cảm người tri-kỷ mà thường có khi cơ-hàn cũng thỏa ; chia cơm sẻ áo, gửi vợ trao con, lên thác xuống ghềnh vào nguy ra hiểm, xiết bao nhiêu cảnh-tượng nên thơ ! Thế nhưng đời nay đã được mấy người có tri-kỷ !

Làng Hội-xá tôi ngày xưa, không biết về thời-đại nào mà bây giờ vẫn còn truyền lại một câu chuyện « cảm-tình tri-kỷ » tưởng cũng đủ chứng được nghĩa hai chữ « tri-kỷ » nên xin thuật ra đây, để cùng các ngài muốn cầu tri-kỷ ở đời.

Xóm Phú-văn tôi có một cô con gái con một ông Lang họ Nguyễn, không có tên, người ta cứ theo hình thù người mà gọi. Bởi vì cô ấy người đen như củ súng, xấu như ma lem, tẹt mũi khiễng chân, nên cả làng ai cũng gọi là cô Tẹt Khiễng.

Cô Tẹt Khiễng nghĩ mình giời bắt xấu-si tàn tật như thế thời cũng buồn. Song ai gọi đến tật cô thì cô thưa, ai hỏi đến cô thời cô đáp. Cô không lấy cái tên theo tật của cô làm xấu-hổ. Cô nói rằng :

— Tôi có Tẹt có Khiễng, ai gọi đến hai cái tật ấy của tôi thời tôi nhận, việc gì mà tôi chối !

Cô 26 tuổi đầu mà vẫn chưa có ai hỏi đến. Thấy trong làng năm này tháng khác đám cưới tứ-tung mà cô thời buồng không chiếc bóng, cô cũng buồn riêng mà căm cho con tạo hóa nỡ chơi khăm với khách nữ-nhi. Song ai hỏi cô đến sự chồng con thời cô giả lời rằng :

Muốn lấy chồng, song chưa gặp người tri-kỷ. Nên tôi còn khóa buồng xuân để đợi ngày đào non, chứ có ngại chi quả mai ba bảy.

Ở xóm Điếm có một người nhà nghèo hóa vợ, tuổi đã bốn mươi, gọi là bác Nhiêu Mục. Người rất hiền lành, tính rất cẩn-thận, lại kén vợ. Nhiều người muốn lấy không lấy, chỉ thích lấy cô

Tẹt Khiễng ở xóm Phú-văn, bèn mua trầu cau đến hỏi, thời cụ Lang gả ngay. Khi xuất-giá cụ dặn rằng :

— Ở nhà với mẹ cha thế nào xong thời thôi, song về nhà chồng phải cẩn-thận, chiều chồng không nên trái ý chồng để tiếng đến cha mẹ không dạy được con, nghe.

Cô Tẹt Khiễng vâng lời cha về nhà chồng làm ăn chăm chỉ khiến cho chồng rất mực yêu-đương. Từ đấy mà đi không ai lại gọi tên cô là Tẹt Khiễng nữa. Ai cũng gọi là bà Nhiêu Mục, có hôm hai vợ chồng cùng nhau đi làm cỗ dâu, vợ hỏi chồng rằng :

— Ông Nhiêu yêu tôi về cái gì ? Tôi ngẫm như tôi thế này thời không còn bao giờ có chồng mới phải.

Chồng đáp :

— Tôi yêu bà Nhiêu về cái nết tốt. Người ta đẹp mà không có nết thời có làm gì ? Cái nết đánh chết cái đẹp !

Vợ hỏi :

— Thế nào mà ông Nhiêu cho tôi là có nết tốt.

— Ở nhà thờ mẹ kính cha, chăm chỉ công việc nhà, thức khuya dậy sớm, chăn tằm hái dâu, thổi cơm nấu nước. Lấy chồng hết sức làm ăn lo tính cho chồng mọi công việc, đáng làm mực cho bạn gái trong làng, thế là nết tốt chứ gì ?

Ba năm sau, bà Nhiêu Mục ta đẻ ra được một đứa bé con giai, giống chồng như đúc, thật là một khối tình chung của hai vợ chồng nhà ông Nhiêu Mục đúc nên, ông bà Nhiêu Mục mới đặt tên cho nó là thằng Nát.

Thằng Nát lên hai, thời ông Nhiêu Mục mất, bà vợ làm ma mời dân mời giáp đưa ông Nhiêu ra chôn tại Đồng Mối. Đám xá tôn kém, nên được linh-đình, cả làng khen bà rất là tử-tế có nghì có ngãi với chồng.

Một đám ma ông, kiệt cả gia-tài, nhà càng ngày càng sa-sút, bà Nhiêu Mục nuôi tằm kéo kén, làm ăn nuôi con khôn lớn. Nhà tuy nghèo, mẹ con làm-lụng nuôi nhau, kiếm ăn thật là lương-thiện.

Tuy nghèo hèn mà trong làng ai cũng quí nể, ai cũng gọi là bà Nhiêu Mục mà không ai dám gọi là Thím Nhiêu hay chị Nhiêu.

Thủa bấy giờ ở xóm Chợ có một ông đồ tên là Bùi-Mạnh góa vợ nhà giầu, được một đứa con trai mới đầy tuổi tôi. Vì sự thiếu người nội-trợ trông sóc việc nhà, nhất là ký-thác sự nuôi đứa con còi thơ dại ấy nữa, cho nên muốn cầu một người kế-thất. Đã từng nhờ mối lái đi dò-la mà ai mách món nào cũng chưa vừa ý.

Một hôm một người bà con làm mối cho lấy một người con gái nhà giầu ở làng Bạch-tuyết, tuổi mới ngoại đôi mươi mà nhan-sắc cũng khá. Song ông Bùi-Mạnh lại không ưng. Bà mối ấy gắt lên nói một câu rằng :

— Thầy đã gần bốn mươi tuổi đầu rồi, lại góa vợ, đến bà Nhiêu Mục cũng khó mà vời, chẳng là được chỗ như thế lại còn ỏng-ẹo.

Ý nói đến bà Nhiêu Mục là đến xấu-xa hình-dạng vậy. Không dè ông Bùi Mạnh bắt ngay lấy nhời mà đáp rằng :

— Bà có lòng thương mà bà làm mối được cho tôi một người đức-hạnh như bà Nhiêu Mục thời thật ơn ấy tôi xin coi bằng non biển.

— Thế hay tôi làm mối bà Nhiêu Mục cho thầy nhá !

Câu đó là bà mối nói gắt có ý chế nhạo. Không ngờ ông lại nói rằng :

— Nếu được bà Nhiêu Mục thời còn nói gì nữa.

— Có thực không ?

— Chuyện vợ chồng lại chẳng thực thời bỡn được ư? Bà làm mối được tôi xin tạ bà một con trâu nghé.

Bà mối nghĩ bụng bảo dạ rằng :

— Tưởng muốn người đẹp người giầu thời khó, chứ muốn bà gái góa kiết-cú xấu-xí như bà Nhiêu Mục còn gì để bằng nữa.

Bà mối bèn đi ngay đến nhà bà Nhiêu Mục, giời bấy giờ về mùa đông, bà đương ngồi vá cái áo bông cánh rách đã vá kép vá đụp đến trăm miếng, liền nhủ-nhỉ tán chuyện.

— Bà làm ăn có đủ hai mẹ con ăn không?

— Chật-vật lắm ! Nhà bây giờ kiết, mẹ đi may, thuê con đi làm mướn, lại còn đóng góp việc dân việc làng, việc giáp việc hội, sưu thuế các việc, quanh năm chẳng có lúc nào là khỏi đầu tắt mặt tối cả.

Nói xong, liền chỏ vào ba gian nhà gianh ở trên miếng đất nhỏ mà nói rằng :

— Có cái nhà giột cứ lấy mo cau che, cũng chưa có gianh lợp được. Cố bảo để dành ít tiền để mua dăm quan tiền gianh của bà Chánh mà không lúc nào thừa đấy.

— Thế sao không lại ông đồ Mạnh mà vay ?

— Ai người ta tin đến mình. Hỏi nó phí nhời đi thôi ! Tôi đành để đó bao giờ có thời làm.

— Bà chẳng hỏi chứ bà hỏi thời được ngay.

— Thôi, nhịn đói qua ngày, ăn vay phải nợ, hỏi ông ấy có lòng thương mà giúp, cũng không muốn đeo nợ. Vì biết bao giờ có mà giả người ta.

— Cần gì giả. Lẫn-thẫn quá ! Bà bây giờ góa chồng, ông ấy góa vợ, mà ông ấy yêu cái nết bà lắm, nên nhờ tôi lại dây hỏi ý xem bà có ưng không để ông ấy lại.

— Thưa bà, nghèo đói như em đây, được gặp chỗ no cơm ấm áo sẵn lòng thương đến thời ai là chẳng muốn. Nhưng tôi chỉ nghĩ cái thân mình xấu xí không bằng ai, chỉ nhờ về phần tiết-tháo mà kéo lại ; ví nay lại phá mất cái đức trinh-nhất của mình đi, thời là đời bỏ đi.

— Bà gàn lắm. Gái góa lấy chồng, thế-gian là thường, phương chi lại sẵn ruộng xấu trâu nái, nếu vào tay mình, lúc giầu có lên mà chịu khổ-sở vô-ích làm chi cho uổng.

Giầu mà vô-hạnh thời giầu làm gì ? Có mà thất-đức thời có làm gì ? Giầu có như thế cũng ô-nhục một đời. Vậy thà ăn bát cháo mà giữ vẹn được đạo-đức để đời khen còn hơn cầm bát cơm mà lỗi nghì để cho đời nhiếc. Xin bà về nói với ông đồ cho rằng : Nếu tôi mà cải-giá thời ông đồ còn dùng làm gì cái đứa bất-nghĩa này nữa.

Nói xong thời con bà đi làm về, bà liền bảo con rằng :

— Có một thưng tấm trộn với lúa ngô đó thời bỏ vào nấu ăn thay bữa cơm chiều, nghe con.

Bà mối xem biết thế vô-khả-nại-hà, bèn cáo lui về thuật hết đầu đuôi chuyện cho ông đồ nghe, ông càng nức-nở khen :

— Người như thế mới là người đáng quí ! Duy như thế nên tôi mới yêu. Tốn kém mấy mà được bà ấy yêu tôi xin bà cũng cứ giúp cho nên việc.

Bà mối hiện đã nhận lời với nhà có con gái Bạch-tuyết, trong lòng vẫn muốn dụ ông đồ Mạnh theo mình. Bèn đưa mấy câu phá đám rằng :

— Khốn nạn ông cũng lạ thật ! Cái đám kia con gái người ta vừa có vốn lại đẹp xinh thời không nghe. Lại đòi lấy bà

Nhiêu Mục, cái chân thì khiễng, cái mũi thì tẹt, người thì nhiều tuổi, mặt thì xấu-xa.

Ông đồ nói rằng :

— Tôi đã yêu người ta thời cái nhà gianh của người ta tôi quí hơn cái lâu-đài nhà kẻ khác ; cái áo đụp của người ta tôi trọng hơn cái áo gấm kẻ khác ; tôi thấy ai không khiễng chân như người ta tôi tưởng rằng không phải là chân ; ai không tẹt mũi như người ta tôi tưởng rằng không phải là mũi ; tuổi người ta càng nhiều tôi càng cho là ít, sắc người ta càng xấu tôi càng cho là xinh. Lúc yêu nhau còn nói gì nữa. Vậy xin nhờ bà cố hết sức giúp cho.

Bà mối nghĩ cách, đến nói với bà cụ Lang là tất được. Quả-nhiên, bà cụ Lang ham giầu bèn nhất-định dỗ-dành ép uổng bà Nhiêu Mục.

Bà Nhiêu giả lời mẹ rằng :

— Thưa mẹ, mẹ sinh ra con phận gái chữ tòng. Một khi con đã lấy chồng, thời con là người nhà chồng con. Mẹ không còn có quyền ở con một sự gì cả. Cái nghĩa-vụ con phải ăn ở hiếu-thảo đối với mẹ cái đó là phận-sự con. Còn sự con thủ tiết thờ chồng con thời không ai cấm được.

Bà cụ Lang bảo rằng :

— Vậy không lấy ông đồ Mạnh thời tao từ mẹ từ con.

— Bẩm mẹ, mẹ từ con song con không từ mẹ, con cứ một lòng giữ đạo làm con, còn như cái tiết con giữ với chồng con thì có vua cũng không ép con đổi được. Nay ví nếu vua biết vua bắt con đến sân rồng ngài phán rằng : « Một bên thời mày phải lấy tao, tao cho làm Hoàng-hậu, với một bên thời mày ở góa thờ chồng mày, nhưng mỗi năm tao bắt bỏ tù ba tháng, bắt làm những việc đê tiện » vậy con cũng một niềm xin giữ tiết thờ chồng.

Bà cụ Lang cũng phải chịu. Bà mối về kể sự-tình cho ông đồ tường. Từ đấy mà đi thời tiên-sinh thành ra tương-tư vơ-vẩn, ngày quên ăn, đêm quên ngủ, ăn ngủ không được thành ra bệnh nặng. Thuốc thang nào cũng không khỏi, nói rằng :

Tôi bây giờ chỉ được bà Nhiêu Mục ưng-thuận lấy tôi, thời tôi khỏi.

Làng mạc ai cũng lấy làm lạ. Bà mối lại đến nói với bà Nhiêu Mục rằng :

— Thôi thời bà làm phúc đến thăm ông ấy một tí rồi cứ nhận liều một câu cho ông ấy khỏi đi, bao giờ ông ấy khỏi lại từ chối, cần gì !

— Không thể được. Nói dối người là một cái xấu, ai làm được điều xấu ấy chứ tôi đây không bao giờ lại chịu làm. Vậy thời dù ông ấy có mệnh nào đi chăng nữa là số-hệ ông ấy chứ tôi có phải là người giết người ở đâu !

(Còn nữa)

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG.

Giấc Nam-kha

(Hoạt-kê tiền-thuyết)

Ô-lễ-an quận-công làm phụ-chính nước Pháp, một hôm đi dự tiệc ở nhà người bạn. Mãi đến khuya mới đi bộ về. Quận-công hôm ấy đã ngà-ngà hơi men, mà vui lắm.

Vừa đi đến phố Thánh Gi-man, thì trông thấy một người nằm lăn trên đường mà ngủ. Quận-công bèn lại gần, lấy chân sẽ đá vào người để đánh thức dạy. Nhưng người ấy cứ nằm yên mà ngáy khò-khò. Quận-công tự nghĩ :

— « Chà chà ! anh chàng này mới thật say rượu. »

Ngài muốn pha trò một tí cho vui, bèn sai người nhà khiêng anh say

rượu về cung. Anh say rượu vẫn chẳng biết gì cả, cứ ngáy khò khò, như có cái kèn trong mũi.

Lúc về đến cung, quận-công sai đề anh say vào một cái giường thật sang trọng một phòng rất đẹp. Đoạn, lại lấy nước hoa bôi vào mặt cho anh ta. Anh này vẫn chẳng biết gì cả, cứ nằm mà ngáy.

Sáng hôm sau, anh chàng tỉnh dậy thấy nhà cửa sang trọng, vàng ngọc đầy bàn, hương án, chật phòng, nào thảm, nào chiếu, thật là đẹp quá. Anh ta lấy làm lạ lắm, rõ-ràng mở mắt hay là chiêm-bao.

Ô-lễ-an quận-công sai một tên lính hầu vào phòng anh chàng ngủ... Tên lính bước đến trước đường, cúi đầu làm lễ, mà nói :

— Dám bẩm Điện-hạ hôm nay áo gì?

Anh chàng nhìn quanh nhìn quẩn, lẩm-bẩm :

— Điện-hạ ! Điện-hạ ! ở đây có một ông Điện-hạ !

Tên đầy tớ lại nói :

— Dạ ! Kẻ ngu-thần xin hỏi Điện-hạ hôm nay mặc áo gì?

Anh chàng kia bật cười mà rằng :

— Chà chà ! anh này nhầm rồi ! Tôi có phải là Điện-hạ Điện-hộ gì đâu! Tôi là thằng Mỗ, đi đóng giầy đây mà!

Nhưng tên đầy tớ vẫn gọi anh kia là điện-hạ, vẫn hỏi muốn mặc áo gì ; anh thợ giầy thấy vậy chẳng hiểu ra làm sao, cứ mặc kệ, không nói gì cả.

Lũ đầy tớ bèn cho anh ta mặc một bộ quần áo thật đẹp. Rồi các quan trong triều kéo nhau vào chào chàng Mỗ ta cứ lạy lấy lạy để. Lữ-xá hầu-tước bèn nói :

— Kìa, bá-tước điên đấy ư ? Không nhớ mặt chúng tôi à ? Anh em với nhau, việc gì mà phải vái như thế !

Nói rồi, khoác tay anh thợ giầy mà kéo ra phòng khách.

Chàng Mỗ không biết đeo gươm, cứ đi một bước, vỏ gươm lại đập vào chân một bước ; nhưng cũng quen dần dần. Các quan dắt anh ta vào một cái phòng, trong có dọn một bữa đại-tiệc, anh thợ giầy sướng quá. Không ngờ vô-ý đánh đổ mất ba bát *kem* suýt rơi vào mặt một tên lính hầu. Tên lính lùi lại để tránh thì chạm phải một tên lính khác, hai người ngã lăn chiêng xuống đất. Cả bọn dự tiệc cười rầm lên.

Các quan chạm cốc với anh Mỗ, mà gọi anh ta là Sa-việt quận-công, anh thợ giầy sướng quá ; chỉ tức có một cái rằng rượu thì ngon, mà anh ta được uống có vài chén.

Ăn tiệc xong rồi thì nhảy đầm. Anh thợ giầy càng uống rượu vào lại càng lên giọng láo, nói rầm rầm, vênh mặt lên, rồi cãi nhau với Lữ-xá hầu-tước, về chuyện một đôi giầy. Anh Mỗ kêu rằng :

— Ông này, giầy thế nào thì tôi biết ! Trước tổ-tiên tôi đi làm thợ giầy mà !

Lữ-xá hầu-tước nói chọc rằng :

— Thưa ngài, thế ngài thì làm gì ?

Chàng thợ giầy vênh mặt mà hét rằng :

— Tôi à ! Tôi làm quận-công ! Tôi quen thân với quan Phụ-chính đại-thần đây !

Các quan ai cũng buồn cười.

Chàng thợ giầy cũng nhảy đầm. Kỳ thực những người nhảy đầm với chàng tuyển là những thằng Nhỏ con Nhài ăn mặc giả giạng cả.

Nhảy đầm xong, anh Mỗ ta đòi uống rượu. Các quan cho uống thật nhiều ; đến khi anh ta say quá, lại nằm lăn ra mà ngáy, thì Ô-lễ-an quận-công truyền các đầy tớ khiêng anh ta ra chỗ cũ, ở đầu phố Thánh Gi-man. Sáng hôm sau, anh chàng thợ giầy mở mắt ra thì chẳng thấy nhà cửa, bạc vàng chi cả ; tự nghĩ rằng hoặc là mình mê ngủ, bèn về nhà nói chuyện với vợ rằng nằm một giấc mộng thích quá ! . . . . . .

Tác-giả P. Pottier

NGUYỄN-ĐẢO-SINH dịch thuật.

Gái trinh-liệt.

Nàng Vương-Tú-Văn tiểu-tự Tú-Mân người Kim-lăng ở phường Sào-phố, con gái ông Thơ-lại ; nhà cũng thường tthường bực trung, nàng từ bé tập nghề thêu dệt, lại gồm thông sách sử ; trong xóm có chàng Hạn-sinh, cũng con nhà thế-gia, Hạn-công là người danh-sĩ tính hay chứa gửi thơ-điển họa-đồ bản xưa, bao nhiêu cổ-khí, phàm đã có trước-danh thời ông hết sức thâu-trử chân-tàng. Vậy nên đồ xưa rất nhiều, cha nàng Tú-Văn cùng Hạn-công, hai nhà qua lại quen biết đã lâu, Vương-ông thường phục cái tài nghiên-cứu của Hạn-công rất tinh, mỗi khi gặp đồ ngoạn-hảo cổ-tích như Châu-đỉnh, Thương-di, mà đến hỏi ông cũng đều phân-biệt nhận rõ đặng cả, cho nên mua không đến nỗi lầm giá lắm.

Có một ngày kia, Hạn-công sang chơi nhà Vương-ông, tình-cờ lại gặp nàng Tú-Văn đương đứng trước sân, tựa khúc lan-can, xem hoa thược-dược, ông thấy cái phong-tư yểu-điệu nhàn-nhã mà rủ lòng yêu, mới hỏi nàng bao nhiêu tuổi ? Nàng thưa rằng : mười một tuổi. Vừa người của từ trong nhà đi ra. Hạn-công bèn hỏi : « Phải nữ-công-tử đó chăng ? Ngài thật có phúc lớn mới sinh được người con gái như thế. » Vương-ông cười nói rằng « Ấy là nàng « nữ Tương-như » nhà tôi đấy. » Nhơn lại truyền nàng ra đứng hầu. Nàng Tú-Văn không những nhan-sắc đã tuyệt vời, mà thiên-tư lại càng thông tuệ lắm. Vương-ông bảo nàng thử đọc Đường-thi, bài « Trường-hận-ca » cho Hạn-công nghe, thời tiếng rằng-rằng khiến người nghe rất sảng-khoái tâm-thần, giờ lâu nàng lui vào phòng trong. Hạn-công mới hỏi đã tằn thụ-sinh nơi nào chưa ? Vương-ông nói muốn chọn rể hiền, cho kén lứa không dễ.

Ngày khác nhà Vương-ông có người đến bán một cái ngọc-quê mà không biết thuộc về thời-đại nào, bèn cầm đến hỏi Hạn-công, ông lại bảo Hạn-sinh ra yết-kiến Vương-ông, và tỏ cho biết rằng chàng đã lầu nhuần kinh-sử, lại khéo nghề viết chữ đủ bốn thể ; những bài bi-văn, như đời Hán, đời Ngụy, đời Tấn, đời Đường, đều nhận thuộc cả, tuổi tuy còn bé, song người phẩm-hạnh đứng-đắn lạ thường. Hạn-công chỉ người con cười mà nói rằng : « Nó có thể trúng-tuyển được chăng ? » Vương-ông cũng cười trả lời rằng : « Chỉ sợ ngài nói đùa vậy, chớ nhà chúng tôi được người rể như thế, còn mong gì. » Hai bên ý-hợp, bèn giao ước với nhau, một lời nói nên nợ, Hạn-công lấy cái kim-hoàn trao cho nàng Tú-Văn, để làm sính-vật ; hơn một năm, Hạn-công phải bệnh tạ-thế, thời nhứt-thiết việc đám ma chay, người cha nàng Tú-Văn chiếu-liệu cho tiêm-tất cả ; không bao lâu, bà Hạn-mẫu cũng quyên-trần ; nhà chàng Hạn-sinh bấy giờ đã khốn-đốn lắm, gặp luôn những việc biến lớn, cho nên tư-bản cũng có hao mòn đi nhiều, song đồ-thơ ngoạn-hảo chưa đến cầm bán cho ai.

Không ngờ một hôm, kẻ cướp sông vào nhà hành-hung tra hỏi tiền của, chàng lấy tình thật kêu cầu hết sức,

mà chúng nó cũng tìm kiếm tiền bạc không có, sau thấy trên gác có những bản bia cổ-tích, và các cái đỉnh lớn bằng đồng, thời mừng reo rầm lên mà nói với nhau rằng: So với tiền bạc thời các vật này còn hơn giá thập-bội. Lúc đó người khiêng kẻ vác, trở hết cả khí trong nhà, không rơi một mảy. Thảm thay cho chàng Hạn-sinh, từ đó về sau, thường khi không có một đồng tiền trong tay. Hồi bấy giờ, Vương-ông mới có ý không bằng lòng gả con gái cho chàng nữa, ăn-năn việc trước đã lời hứa ra, nay muốn kiếm chuyện chàng mà chỉ-trích ra cho con gái mình đừng thuận-ý cùng chàng nữa. Bà mẹ cũng hết sức bài-giải, làm sao nàng cũng không nghe. Nàng Tú-Văn nói rằng: « Nhà chồng không may gặp sự rủi-ro, thế là cái số-phận của con xui khiến ra như vậy, nay thấy điều nguy mà lỗi đạo, gặp sự biến mà đổi lòng, thời còn chi là tình-nghĩa vợ chồng, tuy còn chưa về nhà người nhưng lời cha mẹ đã định-ước từ lúc Hạn-công hãi còn, nếu phụ ước, thời không những đối với người đời đã hổ thẹn nhơ-nhuốc khó coi, mà tưởng-tượng đến kẻ dưới suối vàng, lại càng không yên tấc dạ lắm. » Cha mẹ nàng biết cái chí không thể chuyển dời được, nói thầm cùng nhau, sau dầu có việc gì, nhất-thiết không nên thương-thuyết với nàng, mà chàng Hạn-sinh có tới yết-kiến đều phải cự-tuyệt mới xong. Hai ông bà Vương-thị, nghĩ hết kế nọ lại đến kế kia, mượn người mai-chước đến bảo chàng rằng: « Chàng tuổi đã khôn lớn, sao không có một sự-nghiệp gì làm danh-giá cho mình, và không lẽ bắt con gái nhà họ Vương đợi mãi đến bạc tóc ra hay sao, việc cưới hỏi bây giờ chàng tính thế nào?» Hạn-sinh không biết trả lời làm sao, đành phải chịu sự hổ thẹn, để cho người ta mai-mỉa. Họ lại cứ thôi-thúc mãi, bất-đắc-dĩ chàng phải nói, hiện chưa sắm đủ lục-lễ nên không dám đến xin ngày. Người bạn cùng Hạn-sinh, là Phạm-Bất-Đường, tính người hào-hiệp, nghe lọt tin ấy, nổi gan tức giận nói với Hạn-sinh rằng: « Lời ấy là không phải vì thiếp cầu-hôn mà đến đâu, chính nó muốn đòi thơ thoái-hôn đó, đại-trượng-phu ở đời, lo gì không có gia-thất, mà phải chịu những hơi tiếng của kẻ thị-tình cục-xúc làm đê-tiện cái phẩm-giá người đến nhường ấy, sau chúng nó còn tới quấy-nhiễu, thời anh cho nó ít đạp tống ra khỏi cửa, đừng để cho nó lói-thói mà em ghét lắm. »

(Còn nữa)

Đạm-Phương nữ sử

Dịch sách Tàu.

ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

Bản-xã hiện đã hỏi mua được nhà in, nhà in ấy có thể làm được mọi việc in rất hoàn-bị ngay. Đến ngày 19 Février 1922 này, tất cả 600 viên cổ-đông của Bản-xã sẽ cùng họp Đại-hội-đồng ở nhà báo « Hữu Thanh » số nhà 18 Phố Mã-Vỹ (Rue des Chapeaux) *Hanoi, để xét việc mua máy, thu hết các tiền cổ-phần cũ không để xót lại một đồng nào, để lấy tiền làm hết mọi việc đã trù-tính của Bản-xã, là mở tòa tu-thư, hàng sách cùng nhà in v.v. lại định gọi thêm vốn cho lên đến 5 vạn để khuếch-trương cho thành một nhà* Thương-vụ-ấn-thư-quán *của nước nhà. Vậy xin các ngài Trung, Nam, Bắc nếu các ngài xét thấy chúng tôi quả đáng tin vào cổ-phần thêm với chúng tôi thì xin xem Điều-lệ của Bản-xã đăng trong Bản-chí mà gửi thư cho M Nguyễn-Huy Hợi là Chủ-nhiệm của Bản-xã.*

Điều-lệ Hội Ích-Hữu-thư-xã

(Tiếp theo kỳ số 13)

KHOẢN THỨ BA

Phần Chủ nhiệm

Điều thứ 17. — Hội có M. Nguyễn-Huy-Hợi Chủ-nhiệm, một mình chịu chuyên-trách.

Viên Chủ-nhiệm được ký chữ ký của hội và toàn-quyền quản-trị công việc của hội.

Viên Chủ-nhiệm được toàn-quyền thay mặt hội mà hành-động và thi-hành các việc, nhất là những quyền sau này thì không có giới-hạn nào cả.

Quyết-định các công việc của hội ;

Mua và bán các thứ nguyên chất cùng hàng-hóa cho hội ;

Ký, nhận, giả và điều-đình các khoản tiền nong giấy má các ngân-phiếu trong việc buôn bán ;

Thay mặt hội mà xin mở sổ tiền nong xuất-nhập trong các nhà ngân-hàng ;

Thu các món tiền của người ta nợ lại hội, giao biên-lai, hay bằng lòng cho người nợ chịu thêm hạn nữa ;

Cử thêm hay bỏ bớt đi các người làm hay đại-lý, định lương hay hoa-hồng cho mọi người ;

Định các khoản chi-tiêu trong hội ;

Đặt lãi cho vốn dự-bị hay vốn chưa dùng đến của hội ; dùng, bán, mua, hay cầm các đồ-đạc của hội ;

Cho phép người trong hội rút vốn ra hay đổi chác cổ-phần với nhau ;

Nhận và giữ các văn-tự của hội ;

Nhường lại hay mua các động-sản hay bất-động-sản cho hội ;

Đứng ra tòa về các phương-diện kiện-cáo, hoặc xin tiêu-án hoặc xin kháng-án ; và thay mặt hội đối với chính-phủ ;

Điều-đình các việc, đổi chác các thứ cho được giữ quyền-lợi cho hội ;

Đạt giấy mời đại-hội-đồng ;

Làm sổ tổng-biên, và làm biên-bản tường về các khoản tiền-nong và tình-trạng của hội để trình Đại-hội-đồng ;

Dự-tính các số tiền để chia cho các cổ-đông ;

Nhưng trước khi vay tiền, cầm bán hay mua tậu những bất-động-sản cho hội, phải có giấy giao-quyền của đại-hội-đồng mới được.

Điều thứ 18. — Trừ việc làm ở nhà Đông-Pháp đại-thương-cục và hiệu xe Nguyễn-Huy-Hợi công-ty ra thời viên Chủ-nhiệm phải để hết thì giờ mình vào làm việc hội cho cẩn-thận, và không có thể dùng cách trực-tiếp hay gián-tiếp mà làm một nghề tương-tự như nghề của hội nữa.

Viên Chủ-nhiệm có thể cắt-cử người giúp hay thay mặt mình, và định quyền-hạn cho các người ấy ; tuy vậy mà các người ấy có làm điều gì sai nhầm thì mình phải nhận trách-nhiệm cả.

Viên Chủ-nhiệm có quyền cho những người ấy ăn lương, tiền lương ấy Hội cho vào khoản chi-phí của Hội.

Điều thứ 19. — Vì sự Chủ-nhiệm hội, viên Chủ-nhiệm phải bỏ ít ra là 40 cổ-phần để vào quỹ-hội làm ký-quĩ mà phải là cổ-phần hữu-danh cả. Trong khi còn giữ chức Chủ-nhiệm, những cổ-phần ấy không có thể bán hay là đổi-chác được.

Điều thứ 20. — Vì sự trách-nhiệm to-tát, công-việc nặng-nề của viên Chủ-nhiệm, thì mỗi năm viên ấy được lĩnh một số lương là một nghìn hai trăm bạc giả từng tháng một và tính vào các khoản tiền chi-tiêu của hội, và một phần hoa-hồng trong số lãi sẽ định như ở sau này. Lương-bổng ấy có thể do Hội-đồng kiểm-soát nếu xem công-việc của viên Chủ-nhiệm làm cho hội nên phát-đạt, có thể định tăng lên được.

Điều thứ 21. — Viên Chủ-nhiệm có quá-cố đi hay xin nghỉ việc, hội cũng không vì đó mà giải-tán.

Ngộ mà viên Chủ-nhiệm là M. Nguyễn-Huy-Hợi bất-hạnh mà quá-cố đi, thì hội-đồng kiểm-soát phải đạt giấy mời đại-hội-đồng trong tám hôm sau ngày chết ấy để bầu lấy một viên Chủ-nhiệm khác thay vào.

Viên Chủ-nhiệm không đủ sức quản-trị hay không đủ tinh-thần mà trông nom việc hội trong quá ba tháng thì cũng kể như là viên ấy đã thôi việc.

Nếu khi M. Nguyễn-Huy-Hợi tình-nguyện xin từ-chức Chủ-nhiệm thì trong hai năm về sau M. Hợi không được vào tòng-sự trong một nhà buôn hay một hội buôn nào cũng làm nghề như hội này, dù giữ chức nào mặc lòng, và không được phép mà cạnh-tranh với hội, dù bằng cách trực-tiếp hay gián-tiếp.

Điều thứ 22. — Nếu viên Chủ-nhiệm quá-cố đi hay tự thôi công-việc mình, thời hội-đồng kiểm-soát phải tính-toán sổ-sách, thu lại các giấy má ngay hôm viên ấy mất hay thôi việc.

Người ăn thừa-tự hay người đại-diện viên chủ-nhiệm phải đến nhận xem làm sổ tổng-biên của-cải của hội, để tính-toán, rồi những người ấy có thể được lĩnh ngay những số tiền mà viên Chủ-nhiệm có thể được lĩnh, tính theo số ngày làm việc được bao nhiêu thì lấy bấy nhiêu tiền.

Số tiền cổ-phần ký-quỹ, phần lãi được chia, hay các khoản tiền khác mà hội phải chịu lại viên Chủ-nhiệm khi viên ấy quá-cố đi hay thôi việc, thì sau khi đại-hội-đồng hội sẽ xét công-việc và tính-toán các khoản xem còn bao nhiêu sẽ giao giả cho viên-ấy hoặc người thừa-tự hay người đại-quyền của viên ấy.

KHOẢN THỨ TƯ

Hội-đồng kiểm-soát

Điều thứ 23. — Hội lập nên một Hội-đồng kiểm-soát có năm viên cổ-đông. Mỗi viên trong Hội-đồng phải có đến 10 cổ-phần dĩ-thượng mới được đại-hội-đồng bầu lên. Số tiền cổ-phần của các viên ấy phải ký ân-quỹ trong khi các viên ấy thụ-chức, để làm tiền bảo-chứng cho những sự nhầm-nhỡ của các viên ấy.

Điều thứ 24. — Kỳ Hội-đồng kiểm-soát thứ nhất thời đại-hội-đồng bầu trong một năm làm hạn.

Đến sau cứ mỗi hạn là ba năm, cứ theo cách lần-lượt trong hội-đồng mà hằng năm tái-cử, song chỉ trong ba năm đầu mới phải làm như vậy mà thôi, rồi sau thời cứ ai là chân Hội-đồng cũ là phải bầu lại. Hễ được bầu nữa lại được sung-chức.

Điều thứ 25. — Nếu trong Hội-đồng chẳng may khuyết một viên hoặc là từ-chức, hoặc là quá-cố thời Hội-đồng có thể tạm cử lấy người sung-số, đợi đến kỳ đại-hội đồng sau

Hội sẽ cử người khác thay. Quyền người mới bầu ấy cũng như các người cũ.

Điều thứ 26. — Trong hội-đồng năm viên bầu lấy một viên Hội-trưởng. Khi viên Hội-trưởng vắng mặt thời cử một viên trong hội-đồng thay mặt để làm việc cho mình. Viên Hội-trưởng cũng cử một viên Thư-ký, chọn người trong hội-đồng hay người ngoài cũng được.

Hội-đồng định việc toàn dùng cách bỏ phiếu cả.

Hội-đồng có họp ít ra cũng phải có đến ba viên mới có giá-trị.

Khi đếm số vé mà hai bên bằng nhau thì bên nào có vé của viên Hội-trưởng là hơn.

Không bao giờ có thể bỏ vé thay mặt người khác.

Điều thứ 27. — Hội-đồng họp tại hội-quán do viên hội-trưởng đạt mời, mỗi khi viên ấy xét nên họp thì họp mà ít ra cũng phải mỗi tuần-lễ một lần. Viên Chủ-nhiệm cũng có quyền đạt mời hội-đồng kiểm-soát họp trong khi cần đến.

Điều thứ 28. — Biên-bản các kỳ hội-đồng ấy thì viên hội-trưởng và viên Thư-ký phải ký vào.

Những bản sao hay bản trích của những biên-bản ấy mà cần phải đưa ra Tòa án hay gửi đi đâu thì viên Chủ-nhiệm và một viên trong hội-đồng kiểm-soát ký vào.

Điều thứ 29. — Những viên-chức trong hội-đồng kiểm-soát sẽ được hưởng một phần hoa-hồng về số lợi-tức theo như khoản thứ 46 trong Điều-lệ.

Điều thứ 30. — Những viên-chức trong hội-đồng kiểm-soát khám xét những sổ sách, quỹ, ngân-phiếu của hội.

Những viên ấy mỗi năm làm trình đại-hội-đồng một tờ xét nghĩ về sổ tổng-biên của-cải hội và sổ dự tính lãi chia cùng các điều khác của viên Chủ-nhiệm.

Điều thứ 31. — Những viên-chức trong hội-đồng kiểm-soát không phải chịu trách-nhiệm gì dù riêng dù liên-can đối với các khoản tiền nong của hội.

(Còn nữa)

Sổ danh-sách các nhà cổ-động Hội « Ích-Hữu-Thư-Xã »

(Tiếp theo kỳ số 13)

Các ngài có tên trong sổ này thực đều vì tình hữu-ái mà tán-thành việc công-ích vậy. Cho nên phần nhiều ngài Hội chưa thành đã gửi tiền về đóng, chưa xem Điều-lệ đã ký giấy nhập-cổ, khi nhập-cổ có ngài ở xa lại gửi mang-đa giây thép về ngay. Đó há chẳng phải là các ngài nhiệt-thành với việc văn-học nước nhà mà mong gây dựng cho nên một công-cuộc lớn để cho mai sau có thể theo chân nối gót được người ngoài đó ư? Vậy còn ngài nào chưa tiện đóng mà còn chịu lại Hội hay đã đóng được ít nhiều rồi, xin gửi ngay tiền về hoặc đem tiền về góp ở kỳ Đại-hội-đồng để Hội lấy tiền giả tiền mua máy in vậy.

M. Nguyễn-Thụy, 22 Rue Tirant Hanoi, 10 actions 250p.00.

M. Nguyễn-Bá-Thiệu, 65 Rue Sông Tô-Lịch Hanoi, 10 actions 250p.00.

M. Phạm-Đình-Quế, 70 Rue des Changeurs Hanoi, 10 actions 250p.00.

M. Nguyễn-Khắc-Hiếu, 5 Rue du Citadelle Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Nguyễn-Mạnh-Bổng, 5 Rue de la Citadelle Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Trần-Quỳ, Plantation Lộc-ninh, 4 actions 100p.00.

M. Vũ-Văn-Lượng, 61 Rue des Paniers Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Lê-Sĩ-Mão, 213 Rue du Coton Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Trần-Đình-Quang, 32 Avenue G. Bichot Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Tạ-Công-Viết, 2 Route de Huế Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Trịnh-Đình-Rư, Instutiteur Ecole Franco-Annamite Hongay, 2 actions 50p.00.

M. Nguyễn-Thống, 71 Rue de Phúc-Kiến Hanoi 4 actions 100p.00.

M. Lưu-Đức-Khang, 96 Rue des Teinturiers Hanoi, 2 actions 50p.00.

M. Nguyễn-Thượng-Huyền, 55 Rue Citadelle Hanoi, 2 actions 50p.00.

M. Chu-Đàm-Anh, 22 Rue du Lac Hanoi, 4 actions 50p.00.

M. Bùi-Thiện-Nhân, 80 Rue du Coton Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Kim-Quang-Ích, 37 Rue de la Mission Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Đặng-Trần-Thiện, 26 Rue des Paniers Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Lê-Đình-Khoa, 18 Rue du Chanvre Hanoi, 20 actions 500p.00.

M. Phúc-Lợi, 9 Route de Huế, 20 actions 500p.00.

M. Vi-Văn-Định, Tuần-phủ Cao-Bằng 20 actions 500p.00.

M. Nguyễn-Hữu-Cự, Entrepreneur Vĩnh-yên, 10 actions 250p.00.

M. Bạch-Thái-Sơ, Maison Bạch-Thái-Bưởi Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Đặng-Trọng-Huy, 26 Rue des Etoffes Hanoi, 10 actions 250p.00.

M. Nghiêm-Vịnh, 13 Rue du Coton Hanoi, 10 actions 250p.00.

M. Bùi-Miễn-Quản, 49 Rue du Chanvre Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Lê-Đức-Thúy, Aide-Géomètre Hongay, 1 action 25p.00.

Bùi-Ngọc-Minh, Secrétaire de l'Hôpital Hongay, 1 action 25p.00

M. Vũ-Văn-Minh, Charbonnage Hongay, 1 action 25p.00.

M. Phan-Quốc-Am, Comptable Charbonnage Hongay, 1 action 25p.00.

M. Nguyễn-Công-Trực, Charbonnage, Hongay, 10 actions 250p.00.

M. Đỗ-Đình-Tiên, 19 Ruelle Quảng-Lạc Haiphong, 6 actions 150p.00.

M. Nguyễn-Văn-Chí, Gia-Viên-xã, Phương Cai Cimenterie Magasin Viên-Thông Haiphong 1 action 25p,00.

M. Lưu-Bá-Vị, 33 Rue Fellonneau Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Phúc-Thành, Rue des Graines Hanoi, 2 actions 50p.00.

M. Vũ-Văn-Quỳnh, 25 Rue du Coton Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Lưu-Thế-Điện, 11 Rue Sông Tô-Lịch Hanoi, 10 actions 250p.00.

M. Hưng-Nam-Lợi, Boulevard Bắc-Ninh Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Khuê, 22 Rue de la Mission, Hanoi, 2 actions 50p.00.

M. Nam-Bảo, 16 Rue de la Soie Hanoi, 2 actions 50p.00.

M. Đỗ-Đình-Tiến, 37 Rue des Chapeaux Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Khương-Sơn, 15 Rue de la Soie Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Trương-Đức-Hữu, Rue de la Citadelle Hanoi, 1 action 25p.00.

M. Hoàng-Quang-Hương, 66 Rue Richaud Hanoi, 4 actions 100p.00.

M. Đức-Long, 90 Rue des Pavillons-Noirs Hanoi, 4 actions 100p.00.

(Còn nữa).

THỜI-ĐÀM

Quan-chế mới tăng. — Ngày mồng 3 tháng giêng năm Khải-Định thứ 7, Hoàng-thượng có ra dụ về việc quan-chế mới tăng như sau này :

Lời dụ đại-ý rằng : Theo nghị trước thời Thị-vệ-xứ có quan Thị-vệ đại-thần để kiêm-chưởng Thị-vệ thần tứ-viên, tự lại nhân việc giản mà bớt chức ấy. Nay kẻ nội-thần thị-hậu và hộ-vệ Hoàng-thượng việc nhiều trách nặng, vậy phải hiệp theo lệ cũ chọn dùng cho đủ người hầu được xứng việc, tưởng cũng khó chọn người mà một khi đương cho đủ được. Vậy hãi chuẩn dùng gọi có, mà cũng đã lượng được kẻ có lao năng mà dùng : chức Thụ tiền quản đô-thống-phủ Đô-thông-chưởng-phủ-sự, quản lãnh thị-vệ đại-thần, kiêm quản Thái-giám thân-binh vệ là Lê-Văn-Bá, trước chuẩn thiệt thọ tiền-quản đô-thống-phủ đô-thống-chưởng phủ-sự, nhưng sung lãnh, duy những chữ « Quản-lãnh thị-vệ đại-thần » thời đổi làm « Thống-quản thị-vệ đại-thần » lại thay nha-bài-huyền-bội một mặt khắc rằng : « Tiền-quản đô-thống phủ Đô-thống-chưởng-phủ-sự », một mặt khắc rằng : « Thống-quản thị-vệ đại-thần »

Chức nhứt-đẳng Thị-vệ là Bửu Trác lâu nay cải bổ nhứt-đẳng Thị-vệ sung làm chức quan hầu nhiều công lao khá xứng lòng Trẫm, nay thăng thụ chưởng-vệ sung quản-lãnh thị-vệ cùng thưởng sung chức ngự-tiền hộ-giá, lại kiêm cả chức đốc kiểm-khán tất cả các hạng xe-giá tầu, ngự thuyền, ngự đội, ky-mã và các sở xe-điện ở trong Nội v. v. — Chức Quản-lý thị-vệ là Nguyễn-Hữu-Tí cũng sung chức ngự tiền hộ-giá kiêm-đốc Cần-tín-ti, cùng các sở đốc-công ti binh tướng ở trong Nội. Hai viên ấy có chuẩn cấp mỗi viên một cái nha-bài huyền-bội, cái thứ nhất một mặt khắc : « Quan-lãnh-thị-vệ », một mặt khắc : « Ngự-tiền võ hộ-giá ». Cái thứ nhì, một mặt khắc : « Quản-lý thị-vệ », một mặt khắc : « Ngự tiền văn hộ-giá » — Các ngươi cùng Thống-quản thị-vệ đại-thần đồng sức nên làm hết chức-vụ đã kinh thương ý-hiệp, trước lực tuân-hành. — Khâm thử.

Xuân-thủ đàm-ân. — Ngày mồng 4 tháng giêng năm nay, Hoàng-thượng có ra dụ để tặng thưởng hoặc cho cải-bổ, cho hồi-hưu các quan lại văn võ thống thuộc về Nam-triều có tên như sau này :

M. Võ-Liêm, tổng-đốc Bình-phú, thăng thụ Hiệp-tá đại-học-sĩ, nhưng lãnh.

M. Trần-đình-Bá tổng-đốc An-tĩnh, gia Hiệp-tá đại-học-sĩ, nhưng lãnh.

M. Ưng-Đình, tham-tri bộ Hình gia hàm Thượng-thư, thăng thụ tổng-đốc tỉnh Thanh-Hóa.

M. Ưng-Âu, thị-lang Học-bộ, cải thụ Hình-bộ hữu-tham-tri, chức khuyết ấy sẽ đình lại chưa bổ.

M. Nguyễn-Chí-Kiêm, thự Thượng-thơ lãnh tham-tri bộ Hộ, nay chuẩn thiệt thọ làm Thượng-thơ bộ Lễ mà về hưu-trí, do hàm thượng-thơ cấp bổng-hưu

M. Nguyễn-Văn-Đàm, thụ tuần-vũ, lãnh chức bố-chánh tỉnh Phú-yên được Hộ-bộ tả tham-tri.

M. Nguyễn-Văn-Trình, thị-lang bộ Hình, cải bổ bố-chánh tỉnh Phú-yên.

M. Lê-Chí-Tuân, thị-lang bộ Binh, cải thụ thị-lang bộ Hình.

M. Hoàng-Đại-Binh, án-sát tỉnh Khánh-Hòa, thăng Binh bộ thị-lang.

M. Nguyễn-Thác-Tánh, Hưởng-lô tự khanh lãnh, chức tri-phủ Diên-Khánh, nay cử nguyên hàm bổ lãnh chức án-sát tỉnh ấy, chức khuyết ấy sẽ điền.

M. Nguyễn-Hữu-Chuyên, thị-lang lãnh chức tham-chi bộ Lại, được thăng thụ hàm Lễ-bộ thượng-thư mà về hưu, chiếu theo hàm thượng-thư cấp hưu-bổng.

M. Phạm-Liệu, tham-tri bộ Công; nay cải bổ tham-tri bộ Lại

M. Nguyễn-Văn-Hiền thụ tổng-đốc lãnh tuần-vũ Tri-Bình, cải bổ thượng-thơ lãnh chức tham-tri bộ Công.

M. Tôn-Thất-Đàng, tham-tri bộ Binh, gia tổng-đốc hàm, lãnh chức Tri-Bình tuần-vũ.

M. Ưng-Bàng, thụ tham-tri lãnh Lễ-bộ thị-lang, nay cải thụ tham-tri bộ Binh, kiêm sung chức hột-hành binh mã.

M. Ưng-Đồng, Phó-sứ, Quang-lộc tự-khanh, chức bố chánh Bình-chuẩn, nay lãnh Lễ-bộ thị-lang.

M. Tôn-Thất-Chu, bố-chánh Hà-Tĩnh, nay cải bổ bố-chánh thủ-hiến tỉnh Bình-thuận, chức ấy vẫn còn khuyết.

M. Ưng-Tôn, Án-sát tỉnh Quảng-bình, cải lãnh chức bố-chánh tỉnh Hà-tĩnh.

M. Ưng-Bình, tri-phủ Triệu-phong cải lãnh chức án-sát tỉnh Quảng-bình, chức tri-phủ khuyết ấy sẽ điền.

M. Nguyễn-Đình-Hiến, Phủ-doãn Thừa-thiên, thăng bổ tuần-vũ Quảng-ngãi.

M. Vương-Tứ-Đại, Bố-chánh Quảng-bình nay thăng Phủ-doãn Thừa-Thiên.

M. Hoàng-Kiêm, Bố-chánh tỉnh Thanh-hóa, cải-bổ Bố-chánh thủ-hiến Quảng-bình.

M. Đinh-Xuân-Trác, Án-sát Hà-tĩnh thăng bổ Bố-chánh Thanh-hóa.

M. Lê-trung-Khoan, Thị-giảng học-sĩ lãnh tri-phủ Tam-kỳ cải thụ Quang-lộc-tự thiếu-khanh, bổ lãnh Hà-tĩnh Án-sát, chức khuyết phu ấy sẽ điền.

M. Hồ-Đắc-Mậu, Hưởng-lô tự khanh, tá-lý bộ Hình, thăng thụ thị-lang bộ Lễ mà về hưu, do hàm thị-lang cấp hưu bổng.

M. Ưng-Chu-ân, Quang-lộc tự-thiếu-khanh, lãnh Lang-trung bộ Lễ, nay cử nguyên hàm lãnh tá lý bộ Hình, chức khuyết ấy sẽ điền.

M. Phạm-Viên thị-lang sung lý-các vụ, ông này tuổi đã đến hạn về hưu nhưng Hoàng-Thượng xét khen sự lao mẫn, nên chuẩn cho nhưng lưu mà thăng thụ tham-tri, nhưng sung các vụ.

M. Ưng-Vũ, Quang-lộc tự thiếu-khanh lãnh chức phụng-bộ phó-sứ thăng thụ Hưởng-lô-tự-khanh về hưu, do hưu hàm cấp bổng.

M. Hưởng-Đệ, Hưởng-lô-tự-khanh chức lang trung cần tín, cải lãnh phụng hộ phó-sứ. chức khuyết ấy sẽ có chỉ Hoàng-Thượng phê điền.

M. Lê-Văn-Miên, Quang lộc tự khanh lãnh Quốc-tử-giám tế-tửu, nay chuẩn thiệt thọ chức ấy.

M. Nguyễn-Hữu-Lữ Quang-lộc tự thiếu khanh lãnh lang-trung bộ Hộ, thăng thụ Hưởng-lô tự khanh, nhưng lãnh.

M. Nguyễn-Hy, Hưởng-lô tự thiếu-khanh, Lại-bộ tạm phái thăng Quang lộc tự thiếu khanh, nhưng sung tạm phái.

M. Bửu-Thảo, Thị-độc học-sĩ, lãnh hữu-ti từ tế sử, cải thụ Hồng-lô tự-khanh, bổ lãnh cung hộ phó-sứ, khuyết chức sẽ giao tôn nhân phủ thương điền.

M. Lê-Viết-Nghiêm, thụ thống-chế lãnh tả tham-vệ chưởng vệ, chuẩn thiệt thọ chức thống-chế và về hưu, do hàm thống-chế lãnh hưu-bổng.

M. Nguyễn-Hữu-Thức, Thống-chế lãnh hữu-tứ-chưởng vệ, nay cải lãnh tả tam chưởng vệ.

M. Đào-Lương, thự phó đề-đốc lãnh Nghệ-an tỉnh Lãnh-binh nay thăng kinh binh hữu-tứ-chưởng vệ.

M. Trần-Quang-Thập, Lãnh-binh phủ Thừa-thiên, cải bổ Nghệ-an tỉnh Lãnh-binh.

M. Đoàn-Văn-Giáo, Quảng-ngãi tỉnh phó Lãnh-binh cải lãnh Thừa-thiên phủ Lãnh-binh.

M. Trần-Ngọc-Bích, phó vệ úy lãnh trung nhất vệ chánh quản, cải thụ phó Lãnh-binh tỉnh Quảng-ngãi, chức khuyết sẽ do bộ Binh thương điền.

M. Đoàn-Thanh-Tam, Bình-định tỉnh Lãnh-binh, thăng thụ hàm đề-đốc về hưu, chiếu hàm cấp hưu bổng.

M. Ưng-Đam, Quản-cơ lãnh Thần binh vệ vệ-úy thăng thụ Bình-định tỉnh Lãnh-binh.

M. Hứa-Văn-Đại, Hộ thành-vệ Lãnh binh, thăng thụ phó đề-đốc về hưu, do hưu hàm mà cấp bổng.

M. Đỗ-Văn-Tú, Quản cơ lãnh thần binh vệ phó-vệ-úy thăng thụ phó-lãnh-binh lãnh Hộ lang vệ lãnh-binh, chức chánh phó vệ úy còn khuyết sẽ có sắc phê bộ Binh thương điền.

M. Đoàn-Đức-Chuẩn, phó lãnh-binh tỉnh Khánh-hòa, thăng thụ phó đề-đốc, về hưu chiếu hưu hàm cấp bổng. Ông này nguyên có sang Lào hạ gỗ to để cung chế thánh-thọ-tàng lao nhọc có công, chuẩn thưởng tam hạng kim-khánh cùng thùy-anh huyền-bội để thị khuyến.

M. Nguyễn-Đức-Đồng, Kinh binh hữu tứ vệ chánh quản, cải thụ Khánh-hòa tỉnh phó lãnh-binh, chức khuyết ấy bộ Binh sẽ thương điền.

M. Tôn-Thất-Đề, phó lãnh-binh tỉnh Hà-tĩnh, chuẩn thực thụ chức lãnh-binh tỉnh ấy.

M. Thái-Văn-Toản, Ngự tiền đô sự và M. Hồ-Phú-Viên, tham tá thượng hạng phủ Khâm-sứ hàm tuần vũ, được ân ban mỗi ông một cái tứ hạng Minh-nghĩa long-bội-tinh.

M. Ưng-Bàng, thị lang bộ Công, lâu nay trong các công việc tạo-tác thường được chỉnh hảo, ông đã biết việc lại cẩn-thận và công lao, nay được Hoàng thượng ân thưởng ngũ hạng Gia-thiện long-bội-tinh đề thị khuyến.

Quan Thống-đốc Cognacq vô Nam-kỳ. — Hôm 10 Février, quan Tổng-đốc Nam-kỳ Cognacq đại-nhân và qui-phu-nhân đã đi xe lửa ra Hải-phong, để đáp tàu *Cap Arcona* vô Saigon.

Quan Thống-đốc Cognacq ở xứ Đông-pháp ta đã lâu năm, Ngài làm Đốc-học trường Y-học, rồi Đốc-học trường Cao-đẳng, ngài lại làm Đông-pháp học-chính Tổng-trưởng; năm ngoái ngài được thăng Thống-đốc hạng-nhất ở các Thuộc-địa. Ngài thực là một vị qui-quan rất có giá-trị, rất có thế-lực ở ngày nay. Nay ngài trọng-nhậm chức Thống-đốc Nam-kỳ. Chắc dân Nam-kỳ, ta sẽ được nhờ cái công-đức của ngài nhiều lắm.

Cuộc công-thái năm nay khác với những cuộc công-thái trước thế nào. Ai cũng biết rằng đến ngày 5 Mars 1922 là ngày mồng bảy tháng hai ta này thì nhà nước bắt đầu thu tiền mua phiếu công-thái 6 triệu đồng, mỗi phiếu 50 đồng bạc. Nhưng có nhiều người vẫn mơ-hồ chưa hiểu cuộc công-thái này ra làm sao cả. Tưởng cũng nên nói rõ những chỗ khác nhau của cuộc công-thái này với các cuộc công-thái trước như thế nào vậy :

Các cuộc công-thải trước vay bằng quan tiền tây *(Franc)* thì người cho vay còn có cái lo bạc tây cao hạ mà rồi phải chịu sự thiệt chăng ; chứ cuộc công-thải này vay bằng đồng-bạc Đông-Pháp *(Piastre)* ấn-định là 50 $ mà khi trả lại thì được thành 100 p. không thiệt gì cả.

Các cuộc công-thải trước, cứ ba tháng một kỳ trả lãi, người có phiếu cứ lĩnh lặt-vặt mà lĩnh theo giá bạc Tây thì cao hạ bất-thường, còn lo bị thiệt ; chứ cuộc công-thải này 30 năm giả thành nhất bội nhị ; ba tháng lại một lần sổ số, ai trúng số đầu thì 50 p. thành ngay một vạn, trúng các số dưới 50 p. cũng thành ngay hàng nghìn hàng trăm, lãi biết bao nhiêu. Nếu không trúng số lần nào nữa, đến hết 30 năm, 50 p. cũng vẫn thành một trăm, thực là chắc chắn. Ai có phiếu công-thải này, túng muốn cầm lấy tiền thì đem cầm cho nhà băng cũng được tiền (80 %) chứ không như những phiếu quốc-trái trước đem cầm lại kém tiền đi nhiều. (Mọi lẽ ích lợi trong bài xã-thuyết Bản-chí kỳ này đã nói tường vậy.)

Nam-định đặt thành thị-xã. — Nghị-định quan Toàn-quyền ngày 17 Octobre 1921 đã đặt Nam-định thành một thị-xã. Nay lược dịch đạo nghị-định ấy như sau này.

Nam-định nay đặt thành thị-xã. Địa-giới thị-xã ấy cũng y như địa-giới thành-phố đã vẽ trong bản đồ phụ với đạo nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ ngày 24 Août 1921. Thị-xã ấy chia làm ba hạt cũng y như nghị-định đã nói trên kia.

Thị-xã Nam-định do một quan Công-sứ cai-trị, gọi là quan Đốc-lý.

Quan Đốc-lý có một hội-đồng ủy-viên giúp việc. Hội-đồng ấy có bốn ông ủy-viên tây và bốn ông ủy-viên Nam, các ủy-viên ấy do quan Đốc-lý cử, rồi quan Thống-sứ bổ cho trong một hạn ba năm, chọn ở trong các nhà thương-mại có môn bài, có nhà cửa hay là các thân-hào hợp-lệ sau này :

Ít ra cũng phải 25 tuổi ;

Không làm việc quan ăn lương vào sổ dự toán chung, sổ dự-toán riêng và sổ dự-toán của thành-phố.

Chưa can án bao giờ.

Hễ trong các ủy-viên mà thiếu ông nào, hoặc là từ-chức, hoặc là mệnh một, thì lại bổ các ông khác điền vào

GIỚI-THIỆU SÁCH

BẮC-KỲ CẢI-LƯƠNG HƯƠNG-CHÍNH TÙNG-ĐÀM

Bản-chí mới tiếp ông Mai-Sinh, Hàn-lâm thị-giảng Phán-sự đệ-nhất-hạng tòa sứ Thái-nguyên gửi cho một quyển « Bắc-kỳ cải-lương hương-chính tùng-đàm (cổ-động cơ-quan) » *(Causeries sur la Réforme communale du Tonkin (Organe de la propagande)*, ông có giải-thích chữ quốc-ngữ một bên là « *Câu chuyện về việc cải-lương hương-chính Bắc-kỳ (cơ-quan cổ-động)* », quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã cho phép xuất-bản, in tại hiệu Mạc-Đình-Tư, giá mỗi quyển 0 $ 25. Cộng tất cả là 66 trang, in một nửa chữ Tây một nửa Quốc-ngữ. Từ trang thứ 2 cho đến trang thứ 29 thời toàn-nhiên Pháp-văn, từ trang thứ 32 đến trang thứ 66 thời quốc-văn. Sách ông chia ra mười mục như sau này :

1o *Bài diễn-văn của quan Công-sứ đọc trong một làng Annam.* — Một người dân đi vắng về đến hỏi chuyện một người kỳ-mục lại có chân làm việc quan, mà đã được dự-thính bài diễn-văn quan Công-sứ đọc....

2o *Bài diễn-văn của quan Công-sứ Công-sứ ảnh-hưởng đến các người dự-thính thế nào và họ nghĩ ngợi ra sao.* — Mấy ông kỳ-mục nói chuyện với dân.

3o *Suốt cả dân hội-họp.* — Một hôm chủ-nhật người làm việc quan đã dự-thính bài diễn-văn của quan Công-sứ hội suốt cả dân và các học-sinh vào trường học hàng xã, rồi tóm lược lại bài diễn-văn của quan sứ, làm cho ai nấy cũng ưng cải-lương làng mình..

4o *Một làng Thổ đối với việc cải-lương.* Dân một làng Thổ thấy các dân Kinh bên cạnh có ý-kiến hay thì đến hỏi một người Kinh tại cớ gì mà cải-lương. Người Kinh mới dẫn các ích-lợi cải-lương cho người Thổ nghe...

5o *Dân Thổ xin cải-lương.* — Những người dân Thổ hỏi chuyện người Kinh rồi đi kêu quan phụ-mẫu cũng xin cho dân mình được cải-lương....

6o *Kỳ-lý đối với hội-đồng hương-chính.* — Ông Chánh-hương-hội nói chuyện với thầy lý.

7o *Hai họ nhỏ chọn một người tộc-biểu chung.* — Họ Lê và họ Trần đến kêu quan phụ-mẫu xin xử một việc hai họ chọn chung một người tộc-biểu...

8o *Hội-đồng hương-chính tận-tâm làm việc.* Các người đứng vào chân Hội-đồng đi thề rồi mới nhận việc. — Hai ông quan nói chuyện với nhau.

9o *Những kết-quả hay về việc cải-lương đã được mục-kích.* — Bót được kiện-cáo. — Thêm được vệ-sinh. — Trừ được việc làm lậu. — Nhân-dân được sung-sướng. — Một ông kỳ-mục nói chuyện với ông chủ ruộng giầu có kia...

Ông đã nói sách ông in ra muốn làm một cái cơ-quan cổ-động việc cải-lương hương-tục, ký-giả có được xem hết sách ông một lượt, thấy ông đặt theo lối vấn đáp dùng văn-chương giản-dị để cho thôn-lão hương-đồng đọc hiểu được cả. Thiết-tưởng cũng có bổ-ích cho phong-tục, mong rằng các bực kỳ-hào trong xứ nên vì việc hưng-thịnh chung của quốc-dân mà cùng nhau cùng cổ động việc cải-lương hương-tục, thời quyển sách này soạn-giả sẽ được mãn-nguyện rằng mộng tưởng có thành thực-sự, mà các ngài cũng sẽ lấy quyển sách này làm một người bạn tốt để châm-chước mà làm việc công-ích của dân. Ký-giả vốn xưa nay nhiệt-thành về việc cải-lương hương tục, nay gặp quyển sách của ông Mai-Sinh xin vui lòng mà giới-thiệu rất kỹ-càng ra trước đồng nhân.

NGUYỄN-MẠNH-BỒNG

KÍNH CÁO

Xin có lời kính trình các ngài có chân trong Hộ. Bắc-kỳ Công-thương-đồng-nghiệp nhận được « Hữu-Thanh » từ đầu đến giờ chưa cho số tiền xem báo đồng-niên thời nay xin gửi về cho. Đa tạ

I. H. T. X.

CÔNG VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Công việc Hội từ đầu năm chí cuối. THÁNG SEPTEMBRE 1921.

Tiểu hội-đồng ngày 5 Septembre 1921 họp tại tòa báo « Hữu-Thanh », Hiện-diện có những ông sau này :

MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Nguyễn-Bá-Thiệu, Nguyễn-Mạnh-Bồng, Tạ-Công-Viết, Nguyễn-Thụy, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Thượng-Huyền, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Văn-Đức.

Đúng tám giờ khai-nghị.

Hội-đồng xét sổ quỹ hội xong, xem xét các thứ giấy rồi, ông Nguyễn-Huy-Hợi nói rằng : Nay công việc hội đã gần hoàn-thành từ ngày hội thành-lập đến giờ chưa có một cái tiệc gì để tráng quan-chiêu và trương thanh-thế hội, vậy ông muốn xin hội-đồng nghĩ đặt một tiệc gì để làm vui cho hội mà lại được ích cho hội trong tháng Octobre sắp tới này, vì năm ngoái ngày 17 Octobre thời hội thành-lập, đến năm nay vừa đầy tuổi tôi.

Ông Nguyễn-Mạnh-Bồng nói rằng : Ngày chu-niên thật đáng kỷ-niệm, vậy xin bắt chước như hội Khai-trí-tiến-đức mở một cuộc diễn-kịch, diễn vào ngày 22 Octobre 1921, tôi xin chủ-trương việc đó, vì hiện tôi đã có mấy người quen biết nhiệt-thành về việc diễn-kịch, đương định tập-luyện một bản-kịch mới nhan là « Chén thuốc độc » đăng ở « Hữu-Thanh » số 3, số 4, số 5, của ông Vũ-Đình-Long giáo-học Hà-đông soạn ra.

Hội-đồng điều bằng lòng. Song nói rằng tiền thu được thời cúng vào việc gì ?

Ông Nguyễn-Huy-Hợi nói rằng : Xin thu về quỹ hội để làm tiền dự-bị khoản tuất-cô. Hội-đồng cho làm phải, bèn cắt việc như sau này :

1· Việc bán vé tại hội-quán và nhà hát: Ông Nguyễn-Bá-Thiệu và ông Nguyễn-Thụy.

2· Việc tổ-chức và giao-thiệp với hội tài-tử : Ông Nguyễn-Bá-Thiệu và Nguyễn-Mạnh-Bồng :

3· Tiệc trà đặt để mời quan khách cùng đón tiếp : Ông Trần-Đình-Quang, ông Lê-Đình-Khoa, và ông Tạ-Công-Viết.

4· Việc soát vé : Ông Nguyễn-Thượng-Huyền, ông Lê-Đình-Khoa, ông Lê-Ngọc-Giản.

5· Việc xếp-đặt cho bạn hát và ghế ngồi : Ông Lê-Sĩ-Mão, ông Lê-Ngọc-Giản, ông Tạ-Công-Viết.

6· Việc in giấy trương-trình, cáo-bạch, yết-thị và vé : Ông Nguyễn-Mạnh-Bồng, ông Lê-Ngọc-Giản, ông Nguyễn-Thống, và ông Nguyễn-Thượng-Huyền.

Các khoản phí-tổn điều do ông Hội-trưởng Nguyễn-Huy-Hợi ứng trước ra rồi sau sẽ tính các bạn tiêu-pha điều phải có giấy-má đủ chứng thực thời hội mới chịu tiền. Các ông trong Hội-đồng trị-sự làm không xuể việc có quyền cử thêm người do ông Hội-trưởng ký giấy mời, trách-nhiệm sau này Người tiến-cử phải chịu.

Đến như việc mượn nhà hát Tây và gửi giấy mời-mọc quan-khách do ông Nguyễn-Huy-Hợi, ông Nguyễn-Mạnh-Bồng, ông Nguyễn Thống và ông Lê-Vgọc-Giản chu-liệu cho ổn-thỏa.

Đúng 11 giờ Hội-đồng giải-tán.

Tiểu Hội đồng bất-thường ngày 25 Septembre 1921. — Tiểu Hội-đồng bất-thường ngày 25 Septembre 1921 họp tại tòa báo « *Hữu-Thanh* » Hiện-diện có những ông sau này :

MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Bá-Thiệu, Nguyễn-Mạnh-Bồng, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Thụy, Nguyễn-Thượng-Huyền, Lê-Sĩ-Mão, Nguyễn-Thống, Lê-Ngọc-Giản, Tạ-Công-Viết.

Đúng tám giờ rưỡi thời khai-nghị ông Nguyễn-Huy-Hợi nói rằng : Việc diễn tấn kịch « Chén thuốc-độc » thời ông Nguyễn-Mạnh-Bồng đã tổ-chức thành rồi, hiện ông Nguyễn-Văn-Tấn Tham-tá tòa Thống-sứ chủ-trương, trong đó lại có ông Nguyễn-Đình-Kao, ông Dương-Như-Tiếp nhiệt-thành giúp sức, hiện đã tập-luyện thành-thục có thể đến 22 Octobre thời diễn được, xin Hội-đồng quyết-định công việc các ông đã định cắt cử vào việc gì theo kỳ Hội-đồng ngày mồng 5 Septembre thời xin khởi-hành mọi việc. Hội-đồng định bầu mỗi ban một viên Ban-trưởng để đốc-xuất công việc như sau này :

1° Việc in yết-thị, cáo-bạch và chương trình, ông Lê-Ngọc-Giản làm Ban-trưởng

2° Việc tiệc trà ông Trần-Đình-Quang làm Ban-trưởng.

3° Việc bán vé của ông Nguyễn-Bá-Thiệu và ông Nguyễn Thụy Hội-đồng nói rằng ông Trần-Đình-Quang và ông Lê-Đình-Khoa phải xem xét luôn mỗi ngày một lần, hễ bán được bao nhiêu xin cho vào quỹ. Ông Nguyễn Bá-Thiệu xin nhờ ông Nguyễn-Thượng Huyền giúp vào đó một tay.

4° Việc giao-thiệp với Hội tài-tử, ông Nguyễn-Mạnh-Bồng làm Ban-trưởng.

5° Viết soát vé ông Lê-Đình-Khoa làm Ban-trưởng.

6° Việc giao-thiệp ông Lê-Sĩ-Mão làm Ban-trưởng, Hội-đồng lại cử thêm ông Nguyễn-Quang-Chung vào để giúp thêm vào việc đó.

Ông nào tiến cử ai giúp việc xin cứ viết thư cho ông Hội-trưởng gửi giấy mời. Việc chi tiêu xin cứ theo biên-bản kỳ 5 Septembre 1921.

Đúng 10 giờ Hội-đồng giải-tán.

THÁNG OCTOBRE 1921. — Tiểu-hội-đồng ngày 14 Octobre 1921, họp tại nhà báo « *Hữu-Thanh* ». Hiện-diện có những ông sau này :

MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Nguyễn-Mạnh-Bồng, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Bá-Thiệu, Nguyễn-Thụy, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Văn-Đức, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Thượng-Huyền, Lưu-Đức-Khang, Tạ-Công-Viết, Nguyễn-Quang-Chung.

Đúng 8 giờ khai-nghị.

Có ông Nguyễn-Đình-Kao, ông Dương-Như-Tiếp, ông Chu-Đàm-Anh đến dự Hội-đồng thay mặt tất cả các vai nam nữ trong Hội tài-tử đem một bức thư đến yêu-cầu Hội lấy 260 p. 00 để làm tiền chi phí cùng thuê mượn những vai tuồng bổ-khuyết. Ông Nguyễn-Mạnh-Bồng đọc tờ yêu-cầu lên để Hội-đồng xét.

Ông Nguyễn-Đình-Kao nói rằng : Tờ yêu-cầu đó xin Hội cứ chuẩn-y cho ; sau này chi tiền thế nào các nhà tài-tử sẽ tính chu-tất có thừa xin lại giả lại Hội.

Hội-đồng nói rằng : xin ông Nguyễn-Mạnh-Bồng gửi các giấy ấy làm bằng mà tiền thời ông Nguyễn-Huy-Hợi

cử giao cho ông Dương-Nhữ-Tiếp và ông Nguyễn-Đình-Kao lấy giấy biên-lai.

Đến như việc mượn quần áo cho các vai trò và đồ bài-trí thời Hội-đồng xin ông ê-Sĩ-Mão, ông Nguyễn-Quang-Trung họp cùng ông Nguyễn-Đình-Kao, ông Dương-Nhữ-Tiếp là hai người thủ-lĩnh trong Hội tài-tử để lo toan cho trọn vẹn công việc.

Đúng 10 giờ Hội-đồng giải-tán.

Kỳ tiểu Hội-đồng bất-thường ngày 26 Octobre 1921. — Tiểu Hội-đồng bất-thường họp tại tòa báo « *Hữu-Thanh* » ngày 26 Octobre 1921, đúng 8 giờ thời khai-nghị hiện-diện có những viên sau này:

MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn-Mạnh-Bồng, Nguyễn-Thượng-Huyền, Lê-Sĩ-Mão, Nguyễn-Văn-Đức, Tạ-Công-Viết, Nguyễn-Thống, Lê-Ngọc-Giản, Nguyễn-Thụy, Nguyễn-Quang-Chung.

Họp cùng các nhà nhiệt-thành diễn-kịch, để xét lại việc chi thu về sự diễn ngày 22 Octobre 1921 xem lỗ lãi thế nào và tính đến sự diễn lần thứ hai, bầu ông Trần-Đình-Quang chủ-trương kiểm-soát các khoản tiền nong.

Ông Quang trình Hội-đồng các giấy má về việc chi tiêu và tính phác ra coi chừng. Đến 9 giờ thời Hội-đồng giải-tán, để lại cho Hội tài-tử ngồi bàn việc diễn lần thứ hai.

THÁNG NOVEMBRE 1921. — Tiểu-Hội-đồng họp tại nhà báo « Hữu-Thanh » ngày 29 Novembre 1921,

Hiện-diện có những viên sau này;

MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang, Lê-Đình-Khoa, Nguyễn Mạnh-Bồng, Nguyễn-Thượng-Huyền, Nguyễn-Bá-Thiệu, Nguyễn-Thống Nguyễn-Văn-Đức, Lê-Ngọc-Giản,

Đúng 8 giờ Hội đồng khai-nghị,

1o *Việc diễn-kịch.* — Hội-đồng nói rằng: Xem như những sự trong hai chuyến diễn ở Hanoi và Nam-định. Nay chi Hội Hải-phòng đã giả lời không thể diễn được, vậy thời nên thôi. Vả chăng Hội tính ra cũng lãi được vài trăm bạc rồi. Vậy xin ông Trần-Đình-Quang tính-toán lại cho cẩn-thận để làm cho một tờ biên-bản về việc chi thu ấy đăng lên báo Hội.

2o *Các chi Hội.* — Hội-đồng xét các tin tức các nơi định dựng chi Hội như Thanh-hóa, Vân-đình, Lộc-minh, Tourane, Việt-trì v. v. định rằng: Ông Tổng thư-ký Nguyễn-Mạnh-Bồng nên làm bài cổ-động vào báo về việc lập thành chi Hội các nơi cho Hội ngày thêm to.

3o *Đại Hội-đồng.* Hội định đến cuối tháng Janvier 1922 Họp đại-Hội-đồng thường-niên định những việc sau này:

1o Duyệt-y tập-quy-tắc chung của Hội.

2o Cải tên Hội làm Đông-Pháp công thương-đồng-nghiệp hữu-ái Hội.

3o Định việc làm Hữu-phả.

4o Xét quỹ của Hội chánh và các chi Hội.

5o Bầu thêm mấy viên bổ-khuyết vào Hội-đồng trị-sự cho đủ số.

6o Bàn định các việc khác.

Đúng 11 giờ Hội-đồng giải-tán.

THÁNG DÉCEMBRE 1921. — Kỳ tiểu hội-đồng ngày 27 Décembre 1921 Họp tại tòa báo « Hữu-Thanh » hồi 8 giờ rưỡi hiện-diện có những ông sau này:

MM. Nguyễn-Huy-Hợi, Trần-Đình-Quang Nguyễn-Mạnh-Bồng, Lê-Sĩ-Mão, Nguyễn-Thượng-Huyền, Nguyễn Thống, Lê-Ngọc-giản, Tạ Công-Viết, Lưu-Đức-Khang Hội-đồng xét các việc sau này:

1o *Việc trong cả tháng.* — Hội-đồng xét các việc trong hàng tháng, thử giấy các nói và tình-hình quỹ Hội mọi việc xong thời nhắc ông Trần-Đình-Quang làm cái *rapport* về việc tài-chính của Hội từ tháng Juin đến giờ thu tiền thế nào và việc hát « Chén thuốc độc » được lãi bao nhiêu để đăng vào báo Hội bá-cáo cho các Hội viên biết. Ông Trần-Đình-Quang xin Hội-đồng để ông cùng ông Tạ-Công Viết, ông Lê-Sĩ-Mão có ngày đến nhà ông Lê-Đình-Khoa xem xét kỹ-lưỡng rồi sẽ xin làm rapport đăng báo,

2o *Đại-Hội-đồng.* — Hội-đồng nói rằng nay biên-bản của Hội chưa đăng hết vào báo Hội cho Hội-viên tường tất việc Hội thời khi Đại-hội-đồng khó tiện bàn việc Hội cho rõ được, vậy xin đăng cho hết biên-bản ngay lên báo Hội để cuối Janvier đại-hội-đồng cho tiện. ông Nguyễn-Mạnh-Bồng nói rằng việc Đại-hội-đồng không thể nào họp ở tháng Janvier được vì tháng ấy là tháng tết Annam và chăng các chi Hội chưa họp đại-hội-đồng kịp mà liệu định công việc Hội cho thỏa đáng. Vậy xin theo thư các nơi hoãn đến tháng Mars thời tiện hơn. Hội-đồng chuẩn-y đến cuối tháng Mars.

3o *Đại-biểu sang Marseille.* — Ông Nguyễn-Huy-Hợi nói rằng ông có xin quan Thống-sứ cho hội được cái đặc-ân có một ông Đại-biểu sang Marseille dự cuộc đấu-xảo 1922. Ông đã tiến cử ông Cung-Đình-Huệ mà ngài nói rằng: Ông Huệ có chân Tư-vấn-nghị-viên, ngài muốn cho một người thuần-nhiên người hội ta vậy thực khó nghĩ sự chọn người, hội đã đăng báo mà không có mấy đơn tình-nguyện vậy trong trị-sự ta có ông nào đi được thời cử đi hội-đồng cử ông Nguyễn-Mạnh-Bồng song ông Bồng nói rằng: Việc « Hữu-Thanh », « Ích-hữu thư-xã » sang xuân này bận nhiều không thể đi được. Ông Nguyễn-Thượng-Huyền xin tình-nguyện đi, hội-đồng ưng-thuận cả.

Đúng 11 giờ Hội-đồng giải-tán.

KHẨN-CÁO

Xin các ngài cổ-đông Ích-Hữu Thư-Xã gửi tiền đóng cổ-phần về ngay cho, để Bản-xã lấy tiền giả tiền máy in vì hiện đã hỏi mua được các thứ máy in và đồ làm rất là hoàn-bị rồi, nay chỉ cần thu tiền về để giả thôi.

Nay kính-cáo

ÍCH-HỮU THƯ-XÃ

LẠC-LONG-LÂU

CAFÉ — RESTAURANT

Nhà « Đào-Thành » cũ, nhà « Cát-Thành » trước, cao-lâu Nguyễn-văn-Quynh bây giờ, nay đổi làm một Hội Trách-nhiệm tập-cổ công-ty, mỗi cổ-phần **10 $ 00**. Xin các ngài có nhiệt-thành về quốc-hóa, nghĩ đến cuộc Tẩy-chay xưa, muốn nhập-cổ để cho nên Hội thời xin cứ gửi thư về cho **M. Nguyễn-văn-Quynh**, 59 Rue de la Soie Hanoi, sẽ có đủ giấy má thể-lệ.

E.-A. Monnier Humbert

51, Rue Paul Bert, 51. — Hanoi

Ai có đồng-hồ muốn chữa? Sao không đến hiệu E.-A. Monnier Humbert ở phố Tràng-tiền số 51 mà chữa?

Ông Humbert là một tay thạo, đã quen nghề chữa đồng-hồ từ 30 năm trời nay.

Đưa đến đấy chữa có bao-hành mà giá phải chăng.

Trong hiệu ông còn có bán nhiều thứ đồng hồ lạ kiểu, chuông để bàn giấy vân, nữa

Ta thử lại xem đi....!

Một tập đoản-thiên tiểu-thuyết rất nhiều chuyện hay ở đời nay cả

VÌ NGHĨA QUÊN TÌNH

Soạn giả : NGUYỄN-MẠNH-BỒNG — **Giá : 0 $ 30**

Bán tại Hiệu « Cát-Thành » số nhà 3 Phố Hàng Gai (Rue du Chanvre n° 3 Hanoi)

Bắc-ninh VĨNH-SINH, Nam-định : NAM-THÁI, Haiphong : NAM-TÂN

Tourane : LƯU-QUAN-HÒA, Haidương : ĐỨC-PHONG, Vinh : ĐÀO-ĐÌNH-PHÉ-PHONG

NAM-KỲ KINH-TẾ BÁO

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VĂN-THƯỢNG**

Chủ bút : **LÊ-THẠCH-LÂN**

Mỗi tuần xuất-bản ngày thứ tư.

Tòa soạn tại số 67, đường Charner — Saigon

Sáu tháng. . . . . **3 $ 00** | Một năm. . . . . **5 $ 00**

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thức thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGƯƠN-ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

Bản-đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dẫu, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán đủ các thứ thuốc Bắc thượng-hạng được cả, lại có chứa đủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán dữ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa* châu-thành *mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường, Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



THIÊN KIỀM AN THÁI HOÀN (*Số 14*)

(Thuốc dưỡng-thai qui lạ)

Thẩm xét khí vận trời tự nhiên sanh hóa muốn vật đều nhơn tiết xuân sanh sản, sang thu thì nở nang còn thân thể người giữ mạch lạc cho đều hòa tự nhiên mạnh mẻ như thường, bằng có bịnh là do nơi cản lấy các đều dục dâm, hoặc nhiễm tình, hay muốn vô độ, làm cho lưu truyền mạch lạc sảy sanh nhiều chứng bệnh, bởi cớ ấy nên khi thụ-thai rồi lần sanh bịnh này chứng kia, như thai máy, thai trệ, thai bàng hoàng nặng nề, thai động biến nhiều chứng khác thường, nên muốn dữ cho thai an, thì cũng như trồng cây mông lấy giống thì trước phải bồi bổ gốc cội. Nên bổn đường chế phương thuốc *Thiêm kiêm an thái hoàn* nầy, tánh chất hòa bình, trong việc dưỡng thai rất thần hiệu, đờn bà hễ có thai thường dùng thuốc nầy tự nhiên an thai, chẳng hề sanh các chứng đau vặt mạnh giỏi đến ngày sanh sản, thiệt là hay hạng nhứt nên mới đặt tên *Thiên kiêm* cho xứng sức.

Giá mỗi hoàn. . . . . 0 $ 20

Mỗi hợp 10 hoàn. 1 80

BÀI MINH TẠ

Vốn tôi có một người vợ lâu nay hễ có thai nghén thì hay sinh bịnh nầy chứng kia, thai nặng nề bàng hoàng, động thai biến nhiều chứng lạ thường đến ngày sanh sản đứa nhỏ thì nuôi không được, từ ấy đến nay thụ thai ba lần mà bỏ hết 3 đứa, thật tôi rầu muốn chết. May thay, có người điềm chỉ nói rằng thuốc «Thiên-kiêm-an-thái-hoàn» của quí-đường lấy làm hay bực nhứt, nên lúc vợ tôi đương có thai 3 tháng, tôi nghe lời lật đật gởi mua thuốc của quí-đường cho vợ tôi uống, mà thật hay, từ uống thuốc của quí-đường chẳng hề sanh các chứng đau vặt chi mà lại mạnh giỏi đến ngày sanh sản thiệt là hay hạng nhứt trên đời, mà thằng nhỏ đến nay được 4 tuổi ăn chơi luôn luôn chẳng hề có sanh bịnh chi hết, tôi thấy thuốc thiệt hay như vậy thì tôi cũng có điều chỉ cho người lối xóm biết, có lẽ người ta mua thuốc ông nhiều lắm. Nay tôi chẳng biết lấy chi mà đền ơn ông, tôi tạm vài lời tỏ lòng cảm tạ với ông và rất khen ông khéo lựa thuốc hay mà bào chế thuốc qui lạ như vậy

TRẦN-VĂN-THỚM, *Propriétaire*

(Laos) SANNAKHET

TIÊU BANG CHÍ THÁNH HOÀN (N° 9)

(Thuốc bang hiệu nghiệm)

Phàm trị bịnh mà không thông cứ mong dồi lợi mà hại người, còn thuốc không hay mà bán cũng là đều gạt người, Bởi vậy bản đường hằng giữ một lòng trước làm có ích cho người. tự nhiên sẻ lợi cho mình, nên gia tâm hợp chế phương thuốc Chí-Thành này thiệt là thần hiệu, tánh thuốc vốn thiệt hòa hoãn, khắp các nơi đã có dùng thường lâu rồi thiệt là hay, dể trị những bịnh-đậu trái, các thứ ban, hoặc ghẻ chốc bởi gốc nhiệt mà sanh, cùng là ban lậm nhập tâm làm ỉa mửa, khát nước, tâm thần bứt rứt, tích nhiệt khi ngưng, hỏa vọng nhức đầu, đau bụng no hơi sinh bụng, kiết máu kiết đờm, đái dắt, tai đau các chứng, đều dùng thuốc nầy rất nên thần hiệu, chẳng những có bịnh mà dùng thường thuốc nầy thì giải nhiệt, giải khát, trừ tà khí, và thông đường đại tiểu tiện, thuốc nầy giá rẻ, nếu các nơi đồng xầy xa chợ nên mua dễ phòng trong nhà, cùng lúc đi đường xa đem theo lưng gập cơn nguy cấp thình lình mà dùng, cùng là làm phước thiệt là báu lạ trên đời.

Giá mỗi một hoàn. . . . . 0 $ 15
Giá mười hoàn. 1 40

BÀI KHEN TẶNG

Theo đây tôi gởi 1 $ 50 xin thầy trừ tiền gởi thuốc còn dư bao nhiêu xin thầy làm ơn gởi thuốc « Tiêu bang chi thánh hoàn » *N° 9, lại cho tôi thì tôi rất đội ơn thầy lắm, và tôi hết lòng khen ngợi thứ thuốc* « Tiêu bang chi thánh hoàn » *nầy thiệt là thần hiệu và tôi rất khen thầy khéo lựa thuốc thần hiệu mà bào chế thứ thuốc* « tiêu bang chi thánh hoàn » *chẳng có thuốc nào bì-kịp. Như thầy đặng thơ nầy xin thầy lập tức mà gởi lại cho kịp đặng mà cứu một người đau bịnh bang.*

Có gởi thì đề như vầy :

Monsieur NGUYỄN-NGỌC-THANH
Commerçant à KÉP

NHI KHOA CHÂU PHÁCH TÁNG (Số 19)

(Thuốc con nít kinh phong)

Xét trong lẽ phàm con nít mới sanh chẳng khác nào như hột nước, như hột sương đóng trên cỏ, tánh chất rất mỏng mảnh yếu ớt, nếu gặp chút nắng gió tức thì tan rã, cho nên con nít mà có bịnh bởi lúc thai nghén, thất thường cách vệ-sanh, hoặc không chính cử kiên món ăn uống, hoặc cử chỉ không chừng, bởi các cớ ấy làm cho thai nhiễm độc từ ban sơ, doi đến đến khi sanh sản đứa con nít xảy sanh phong. Nên bổn đường chế phương thuốc *châu phách táng* nầy, tánh chất dung hòa theo sức con nít rất nên mầu nhiệm, nếu có con nên dùng để trong nhà là một vật báu để bảo toàn đoàn con trẻ.

Chủ trị những chứng :

Cảm mạo ta phong cả mình phát nóng, Đàm lên ngăn họng, Mặt đỏ phừng phừng, Đau bụng ềnh lưng, Nổi ho phát siển, Miệng sôi nước miếng Khi nhiệt khi hàn, Bụng chướng chang bang, Ói oẹ ỉa nước, La khan nầy ngược Giựt cẳng giựt tay, Mắt ngó chẳng ngay, Cắn răng trực thì, Thuốc nầy điều trị, Đủ các chứng phong Dùng sắc để phòng, Mà nuôi con nít.

Giá mỗi một ve. 0 15
Mỗi hộp 10 ve. 1 40

BÀI KHEN TẶNG

Vị thuốc Nhi khoa châu phách táng
à Monsieur A-ÁNH
Gérant Pharmacie Ích-ngươn-đường
SAIGON

Tôi rất khen ngợi thuốc « nhi khoa châu phách táng » *của ông lấy làm mầu nhiệm lắm vì tôi đã thí nghiệm mới rỏ thuốc ấy có tài trừ bịnh con nít kinh phong hoặc chướng bụng chàng bang, ói oẹ ỉa nước vân vân đều trị đặng cả, vì lối xóm tôi có 3, 4 đứa con nít đau như vậy. tôi cho uống thuốc ông đều mạnh giỏi hết, thiệt là thuốc quí lạ hay. Nay xin ông làm ơn gởi cho tôi mua thêm 30 chai nửa, tôi mua để dành trong nhà và tôi cũng có làm phước mà thí cho kẻ nghèo.*

Nay kính
TRƯƠNG-HỮU-PHƯỚC
Ex-maire à Tân-Long — TANCHAU

MỤC-LỤC

1. Cuộc Công-thải Đông-Pháp 211
2. Nghề in quan-hệ với việc giáo-dục 215
3. Vấn-đề kinh-tế của dân ta ngày nay 219
4. Khảo về nghề in 223
5. Một bực thiên-tài trong khoa học-giới nước Pháp 229
6. Tạp-trở 233
7. Hán-học cách-ngôn. 239
8. Văn thơ. — *Chơi động Long-tiên hoài-cổ. Vịnh cảnh chùa Kính-chủ. Khuyến hiếu. — Về nhà sửa vườn hoa. Đề chuyện Vì nghĩa quên tình. Phong-cảnh Lạng-sơn. - Thương nhớ. — Mừng xuân. — Xuân oán. — Giang-hành ngẫu-hứng. Trò đời. - Bài phú khuyên người giữ điều luân-lý. Năm mới. Nghi dĩ thương vi nghiệp. — Tùy-vân khúc* 242
9. Nam-sử diễn-ca. 251
10. Pháp-văn trích-dịch 252
11. Tiểu-thuyết. — *Cảm-tình tri-kỷ. — Giấc Nam-kha. — Gái trinh-liệt* . 256
12. Ích-hữu-thư-xã. 262
13. Thời-đàm 267
14. Giới-thiệu sách 270
15. Công việc hội Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp 272

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH-TẠP-CHÍ

Đăng cao-bạch rao hàng vào « **Hữu-Thanh-Tạp-chí** » thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chi xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao bảo việc gì thời rõ cho rằng: Bản-chi là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao bảo việc gì xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIA TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat giả tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng Cổ-phần cho **Ích-hữu-thư-xã** *xin đề phong-bì rõ-ràng cho*

M. Nguyễn-Huy-Hợi

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** » *18 Rue des Chapeaux Hanoi.*

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-hữu-thư-xã** *và Hội* **Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp** *mua* **Hữu-Thanh** *hay đăng cáo-bạch vào* **Hữu-Thanh** *đều được trừ 10°/₀ cả.*

Ai mua Tạp-chí đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thư cho

M. Nguyễn-Huy-Hợi

Directeur de la Société « **Ích-hữu-thư-xã** », *18 Rue des Chapeaux. Hanoi (Tonkin).*

Imp. Trung-Bắc-Tân-Văn

Le Directeur-Gérant : **NGUYỄN-HUY-HỢI.**

SOUSCRIVEZ A L'EMPRUNT INDOCHINOIS EN PIASTRES

NÊN MUA QUỐC-TRÁI ĐÔNG-DƯƠNG BẰNG BẠC